

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Bình Định, tháng 9 năm 2020



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN**

(Kèm theo Quyết định số 840/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3.	Bà Trần Thị Cẩm Thanh	PGS.TS, Trưởng khoa Khoa Kinh tế & Kế toán	Phó chủ tịch	
4.	Bà Đỗ Huyền Trang	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Kinh tế & Kế toán	Thư ký	
5.	Ông Nguyễn Quang Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6.	Bà Phạm Thị Bích Duyên	TS, Trưởng khoa Khoa TCNH & QTKD	Thành viên	
7.	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng P. Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên	
8.	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng phòng P. Đào tạo Đại học	Thành viên	
9.	Ông Lê Công Trình	PGS.TS, Trưởng khoa Khoa Toán - Thống kê	Thành viên	
10.	Ông Đoàn Đức Tùng	PGS.TS, Trưởng phòng Phòng Cơ sở vật chất	Thành viên	
11.	Ông Lê Thanh Hải	ThS, Giám đốc Thư viện	Thành viên	
12.	Ông Hoàng Mạnh Hùng	ThS, Phó Trưởng khoa Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
13.	Bà Trương Thị Thanh Phượng	TS, Trưởng bộ môn Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
14.	Bà Hoàng Thị Hoài Hương	TS, Trưởng bộ môn Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
15.	Bà Lê Trần Hạnh Phương	TS, Trưởng bộ môn Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
16.	Ông Nguyễn Ngọc Tiến	TS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
17.	Bà Phạm Nguyễn Như Uyên	Sinh viên Kế toán Khóa 40, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người).

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	1
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá	3
1.2. TỔNG QUAN CHUNG	5
1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn	5
1.2.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế và Kế toán	11
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	22
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	27
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	34
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	55
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	71
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	82
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	93
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	103
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	116
PHẦN III. KẾT LUẬN	133
3.1. NHỮNG ĐIỂM MẠNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	133
3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	133
3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	134
3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	135
3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	136
3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	137
3.1.7. Đội ngũ nhân viên.....	139
3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	139
3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	140
3.1.10. Nâng cao chất lượng.....	141

3.1.11. Kết quả đầu ra.....	142
3.2. NHỮNG ĐIỂM TỒN TẠI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	143
3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	143
3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	143
3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	143
3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	143
3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	144
3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	145
3.2.7. Đội ngũ nhân viên	145
3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	146
3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	146
3.2.10. Nâng cao chất lượng	147
3.2.11. Kết quả đầu ra.....	147
3.3. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	148
3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	148
3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	149
3.3.3. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học.....	149
3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	150
3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	151
3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	152
3.3.7. Đội ngũ nhân viên	153
3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	153
3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	155
3.3.10. Nâng cao chất lượng	155
3.3.11. Kết quả đầu ra.....	156
3.4. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.	157
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT	161

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CB	CB
CĐR	CĐR
CLĐT	CLĐT
CTĐT	CTĐT
CSGD	CSGD
CVHT	CVHT
ĐHQN	ĐHQN
GDDH	GDDH
GD&ĐT	GD&ĐT
GS	GS
GV	GV
HTQT	HTQT
KH&CN	KH&CN
KT&KT	KT&KT
NCKH	NCKH
NCS	NCS
NCV	NCV
PGS	Phó GS
SĐH	SĐH
SV	SV
TS	TS
ThS	ThS

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Trong xu thế hội nhập và phát triển với yêu cầu về chất lượng nhân lực ngày càng cao, Trường ĐHQH đã xác định nâng cao chất lượng CSGD, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT là xu hướng tất yếu. Chính vì vậy, năm 2016-2017 Trường ĐHQN đã tiến hành kiểm định chất lượng trường đại học và đã được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CSGD (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Bắt đầu từ kiểm định chất lượng CSGD, Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài 3 CTĐT Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện vào năm 2019 (các Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 92/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 93/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Năm 2020, tiếp nối thành công của 3 CTĐT đã nhận Giấy chứng nhận, Trường ĐHQN đã đẩy mạnh hoạt động tự đánh giá CTĐT với việc đăng ký tự đánh giá CTĐT của 9 ngành đào tạo, trong đó có CTĐT ngành Kế toán.

Thực trạng chất lượng CTĐT, đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC của CTĐT ngành Kế toán được Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn. Qua đó, chỉ ra những điểm mạnh và điểm tồn tại cần khắc phục làm cơ sở đề xuất các biện pháp điều chỉnh, kế hoạch hành động nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

** Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá*

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán bao gồm 3 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung, cách mã hóa minh chứng...);

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa KT&KT (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT...).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn.....

Mở đầu

Tiêu chí....

+ Mô tả (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)

+ Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)

+ Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT)

+ Kế hoạch hành động (Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại...)

+ Tự đánh giá

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

Cuối Báo cáo tự đánh giá là hệ thống Phụ lục liên quan (Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng).

*** Phương pháp mã hóa minh chứng**

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá

*** Mục đích tự đánh giá**

Để cải tiến CTĐT, tự đánh giá CTĐT là quá trình để Khoa KT&KT dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành Kế toán, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh CTĐT, các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, từng bước xây dựng Khoa trở thành đơn vị đào tạo và nghiên cứu có uy tín trong nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

*** Nội dung và phạm vi tự đánh giá**

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được hướng dẫn cụ thể trong Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD thay thế Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Cục Quản lý chất lượng. Nội dung cụ thể gồm: Mục tiêu và CĐR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Đội ngũ GV, NCV; Đội ngũ nhân viên; Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Phạm vi tự đánh giá: Giai đoạn 2015-2020.

*** Quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo**

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm công tác chuyên trách;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

*** Phương pháp và công cụ đánh giá**

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán của Khoa KT&KT được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Để đảm bảo kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán, Khoa KT&KT đã huy động Ban chủ nhiệm Khoa, thành viên các nhóm công tác chuyên trách tham gia tập huấn tự đánh giá chất lượng CTĐT do Nhà trường tổ chức; lên kế hoạch chi tiết và tổ chức họp viên chức toàn khoa để phổ biến kế hoạch. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, Khoa đã

huy động phần lớn GV, viên chức của Khoa và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong Trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán.

1.2. TỔNG QUAN CHUNG

1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

Năm 1977, Cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT). Năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính Phủ) đã ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường trung học phổ thông”.

Năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành Trường ĐHQN, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, từ một trường chuyên đào tạo ngành sư phạm, Trường ĐHQN đã trở thành một trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực; từng bước phát triển cả về quy mô và lĩnh vực đào tạo; trình độ, CLĐT ngày càng đảm bảo và nâng cao; đội ngũ GV, viên chức phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH ngày càng được Nhà trường chú trọng đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; công tác NCKH và HTQT không ngừng mở rộng với chất lượng tăng cao,...

Tính đến tháng 9 năm 2020, Trường ĐHQN có 12 khoa, 15 đơn vị chức năng (trong đó có 10 phòng, 01 văn phòng Đảng - Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện, 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị trực thuộc (04 trung tâm, 01 viện nghiên cứu ứng dụng KH&CN) và các tổ chức, đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội SV, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức. Trường hiện có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 GV, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 NCS (81 NCS trong nước và 36 NCS nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ ThS; tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ GS, PGS, TS chiếm 37,27%, vượt chỉ tiêu đã đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ GV của Nhà trường giai đoạn 2010-2020. Nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo tại các trường đại học lớn ở trong nước và nước ngoài đã tạo nền móng vững chắc để Nhà trường hướng tới chất lượng dạy và học ngày càng tăng; đổi mới,

cải tiến chất lượng CSGD, CTĐT theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nhà trường hiện đang đào tạo 46 ngành trình độ đại học thuộc các khối ngành Khoa học GD&ĐT giáo viên, nhất là giáo viên THPT; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao, với quy mô hơn 11.000 SV chính quy và hơn 5.000 SV không chính quy; 22 chuyên ngành trình độ ThS, 03 chuyên ngành trình độ TS với quy mô hơn 1.000 học viên, NCS. Ngoài ra, Trường còn đào tạo đại học, SĐH và bồi dưỡng tiếng Việt cho lưu học sinh Lào thuộc các tỉnh Attapu, Champasak, Salavan và Sekong.

Trường ĐHQN đã khẳng định vị trí và vai trò quan trọng trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên THPT cho cả nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; đang dần khẳng định uy tín cao trong đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và công nghệ thông tin, góp phần to lớn vào sự nghiệp GD&ĐT, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước.

**** Sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu***

Sứ mệnh và tầm nhìn được xác định căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; đảm bảo phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Sứ mệnh, tầm nhìn của Trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông trong và ngoài Nhà trường.

Sứ mệnh: “Trường ĐHQN là CSGD đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

Giá trị cốt lõi: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.”

Để đạt được các mục tiêu đã nêu, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, chiến lược và giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn cụ thể phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch, chiến lược đặt ra và đạt được mục tiêu đã xác định.

*** Triết lý giáo dục**

Theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố, với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*”.

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

*** Cơ cấu tổ chức, quản lý**

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;
- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;

- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu KH&CN; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.

Công tác quản lý của Nhà trường được thực hiện theo quy định của Luật GDĐH, Điều lệ trường đại học, các quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQN (ban hành theo Quyết định số 902/QĐ-ĐHQN ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý trong Trường được phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, viên chức quản lý, GV, nhân viên trong Trường được quy định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Trường hoạt động có hiệu quả, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong viên chức quản lý, GV, nhân viên và SV.

*** Chương trình và hoạt động đào tạo**

Tại Trường ĐHQN, CTĐT của tất cả các bậc học và chuyên ngành đào tạo được xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của từng trình độ đào tạo; đồng thời đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động (với các CĐR cụ thể). Nhiều CTĐT đã có sự tham khảo và đối sánh với CTĐT của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước; được định kỳ cập nhật, bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở khảo sát hoặc tổ chức hội nghị lấy ý kiến phản hồi của chuyên gia, nhà tuyển dụng, người học, GV về mục tiêu, CĐR của CTĐT, khung CTĐT.

Hiện nay, đối với trình độ đại học, Nhà trường đã ban hành Quy định về xây dựng, phát triển CTĐT và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học (Quyết định số 3421/QĐ-ĐHQN ngày 10/12/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Quy định này được xây dựng căn cứ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định có liên quan về khối lượng kiến thức, về quy định mở ngành, về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT,... của Bộ GD&ĐT.

Hoạt động đào tạo của Trường ĐHQN đã được chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ vào năm 2010 và được điều chỉnh dần căn cứ theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Đồng thời, các hình thức đào tạo được đa dạng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu của người học, tạo điều kiện thuận lợi và phát huy tính tích cực chủ động của người học. Nhà trường rất chú trọng đổi mới, đa dạng hóa phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự

nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và mục tiêu môn học, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng.

Các quy chế đào tạo, CTĐT, quy chế kiểm tra đánh giá được phổ biến kịp thời đã giúp SV tiếp cận, nắm vững và chấp hành tốt các quy chế, quy định của Nhà trường. Định kỳ, Nhà trường triển khai lấy YKPH của người học về hoạt động giảng dạy của GV nhằm tạo cơ hội để người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT của Nhà trường. Thêm vào đó, thông qua việc thành lập Trung tâm hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp, các hoạt động hỗ trợ SV tốt nghiệp tìm kiếm việc làm, kết nối giữa SV với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng được tổ chức thường xuyên và ngày càng thu hút được sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho nhiều SV tất cả các ngành đào tạo.

*** *Đội ngũ CB quản lý, GV và nhân viên***

Chú trọng vào việc phát triển đội ngũ cả về số lượng và chất lượng, nghiêm túc và ngày càng hoàn thiện trong quá trình đánh giá, hiện nay Nhà trường đã có đội ngũ CB quản lý, GV và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trường đã tạo môi trường dân chủ thông qua các văn bản, quy định để CB quản lý, GV và nhân viên tham gia đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, kế hoạch của Nhà trường. Trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CB, GV và người học.

Để phát triển đội ngũ, Trường ĐHQN đã thực hiện các chính sách hỗ trợ về tài chính, tăng cường các dự án đào tạo, tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ CB quản lý và GV tham gia học tập, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV của Trường ngày càng được nâng cao. Hiện tại toàn Trường có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 GV, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 GV đang là NCS trong nước và nước ngoài; 141 viên chức hành chính, 62 lao động dài hạn và 19 lao động ngắn hạn.

*** *NCKH và HTQT***

Là một trường đại học định hướng ứng dụng, Trường ĐHQN chú trọng đẩy mạnh hoạt động NCKH hướng đến các đề tài có khả năng ứng dụng cao, nhờ đó ngày càng có nhiều đề tài và kết quả nghiên cứu gắn với mục tiêu, CTĐT, gắn với thực tế địa phương, được ứng dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo và giải quyết các vấn

đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực được phê duyệt thực hiện, nghiệm thu. Trong 5 năm trở lại đây, đội ngũ GV, NCV Nhà trường đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, Nafosted. Đồng thời, để nâng cao chất lượng các đề tài KH&CN, Nhà trường đã chủ động xây dựng quy chế, quy định hoạt động KH&CN, triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN theo hướng dẫn của các cấp quản lý; triển khai thực hiện và đánh giá nghiệm thu các đề tài KH&CN các cấp đúng thời hạn, bảo đảm yêu cầu chất lượng. Mặt khác, các kết quả nghiên cứu được công bố hàng năm trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế ngày càng tăng, Trong 3 năm trở lại đây có đến 114 bài báo được đăng trên các tạp chí SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế về các lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Kế toán, Kinh tế, Công nghệ thông tin, Địa lý... thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các GV, đối tác đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài và cũng tạo mọi điều kiện thuận lợi để CB quản lý, GV tham gia thực hiện các đề tài, các dự án KH&CN, tham dự các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

Để thực hiện mục tiêu nêu rõ trong tầm nhìn đến năm 2030, hoạt động HTQT được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong quá trình xây dựng và phát triển Trường ĐHQN, góp phần nâng cao CLĐT, chất lượng các công bố, các đề tài KH&CN tiến đến hội nhập với khu vực và thế giới. Hoạt động HTQT được chú trọng đẩy mạnh và phát triển theo chiều sâu qua các chương trình liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới như: chương trình học bổng EMMA và dự án VLIR do Cộng đồng chung Châu Âu và Đại học KU. Leuven Vương quốc Bỉ tài trợ. Cùng với đó, Nhà trường còn tích cực triển khai các dự án quốc tế đã ký kết (HR4ASIA, FCB TEAM, SI 2018, TWAS, KIST, MOMA); xây dựng dự án IUC (Institutional University Cooperation) do VLIR-UOS tài trợ với Đại học KU. Leuven, ERAMUS?.

Nhờ những nỗ lực HTQT về đào tạo và NCKH kể trên mà năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV được nâng cao và vị thế của Trường đối với một số nước trên thế giới ngày càng được củng cố và phát triển. Đồng thời, đem lại cho các GV, nhà khoa học trẻ của Trường nhiều cơ hội để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới.

**** Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác***

Nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ nâng cao CLĐT, chất lượng hoạt động NCKH, hỗ trợ tốt nhất cho người học và GV, Trường ĐHQN từ chỗ đảm bảo đủ các điều kiện về thư viện, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập và CSVC khác để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH, đang tiếp tục hoàn thiện để hướng đến đầu tư CSVC ngày càng hiện đại hơn.

Thư viện Trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí; có hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử như: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu), Cơ sở dữ liệu MathSciNet; phòng đọc, phòng mượn phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của người học và GV. Hệ thống giảng đường, hội trường, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ khu luyện tập thể dục thể thao đủ và ngày càng được đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại đáp ứng cả về số lượng và chất lượng phục vụ cho việc dạy học và NCKH, cho các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của SV; hệ thống phòng làm việc, trang thiết bị đáp ứng đủ cho các phòng, khoa, bộ môn; hiện nay đã có 2 phòng học đa năng được đưa vào sử dụng và đang tiếp tục đầu tư 2 phòng. Với xu hướng phát triển mạnh mẽ của các công cụ quản lý số, hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được Nhà trường chú trọng đầu tư và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo, các phần mềm đã được triển khai: Quản lý văn bản E-Office, Cổng thông tin điện tử - Portal, Quản lý nhân sự - HRM, Quản lý khảo sát ý kiến SV - eSurvey, Quản lý tạp chí khoa học - JMS, Kế toán thù lao giảng dạy, thu học phí SV; mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại khu KTX; triển khai E-Learning; triển khai giảng dạy trực tuyến. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

1.2.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế và Kế toán

**** Quá trình hình thành và phát triển***

Tháng 7 năm 1994, Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Quy Nhơn và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã ký kết hợp đồng liên kết đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Sự kiện này đã đặt “viên gạch” đầu tiên cho quá trình xây dựng và phát triển các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng và Kinh tế. Năm đầu tiên tuyển sinh – tháng 9 năm 1994 – Trường ĐHSP Quy Nhơn đã tuyển được 65 SV chuyên ngành Quản trị kinh doanh Du lịch. Nhiệm vụ quản lý SV của khóa học đầu tiên này được giao cho Khoa Sử - Chính trị.

Ngày 27 tháng 3 năm 2002, Bộ Giáo dục & Đào tạo ra Quyết định số 1247/QĐ - BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh. Đây là bước khởi đầu nhằm tạo tiền đề để phát triển Trường ĐHSP Quy Nhơn thành Trường ĐHQN đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Cũng trong năm học 2002 – 2003, Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh chính thức được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh do Trường ĐHQN cấp bằng. Hai sự kiện này là bước ngoặt lớn đặt nền móng cho quá trình phát triển của Khoa sau này. Những năm tiếp theo, các ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng và Kinh tế lần lượt ra đời. Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN ký Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN thành lập Khoa KT&KT và Khoa Tài chính - Ngân hàng & Quản trị kinh doanh trên cơ sở tách Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Hòa chung vào sự phát triển của Trường ĐHQN, trong suốt 18 năm qua Khoa KT&KT đã từng bước trưởng thành và phát triển mạnh mẽ trong công tác đào tạo, NCKH và hợp tác đào tạo.

*** *Sứ mệnh và tầm nhìn***

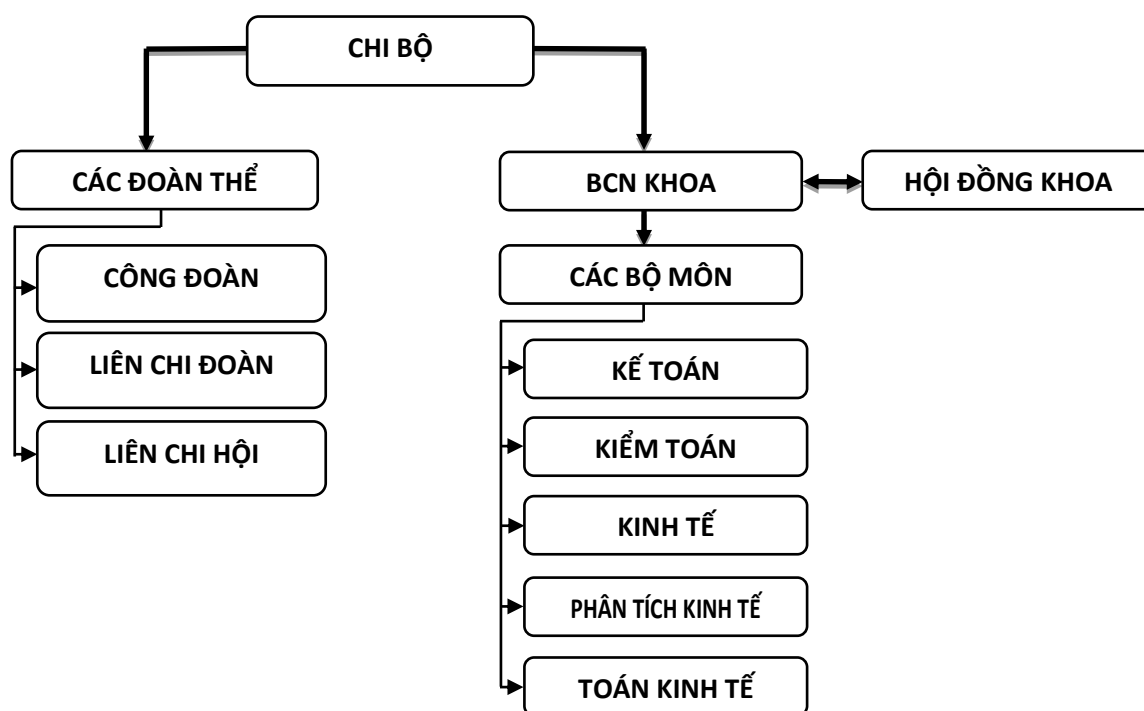
Để phát triển theo định hướng nêu trên, Khoa KT&KT đã lập kế hoạch chiến lược phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ ưu tiên... thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của Khoa như sau:

Sứ mệnh: Khoa KT&KT là một đơn vị đào tạo thuộc Trường ĐH Quy Nhơn, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kinh tế cho cả nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; là trung tâm NCKH và chuyển giao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kinh tế.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Khoa KT&KT Trường ĐH Quy Nhơn sẽ trở thành khoa có uy tín cao về đào tạo nguồn nhân lực và NCKH trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kinh tế phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0; đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

*** *Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ GV***

- Cơ cấu tổ chức của Khoa được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cụ thể theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức Khoa KT&KT

Khoa KT&KT hiện có 01 Trưởng khoa, 02 Phó Trưởng khoa; Hội đồng khoa gồm: Chủ tịch Hội đồng và 10 thành viên.

Đội ngũ GV của Khoa ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao trình độ, chất lượng, được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp giảng dạy tốt, nhiệt tình và tâm huyết. Hiện nay, Khoa có đội ngũ viên chức cơ hữu gồm 52 người; trong đó có 50 GV với 1 PGS, 8 TS, 21 ThS, 20 NCS (trong đó có 03 NCS đang học ở nước ngoài).

*** Quy mô và CTĐT**

Trong hơn 18 năm xây dựng và phát triển, Khoa đã đào tạo hơn 3.600 cử nhân Kế toán (hiện đang đào tạo 997 SV), hơn 1.600 cử nhân Kinh tế (hiện đang đào tạo gần 300 SV), hơn 30 cử nhân Kiểm toán đang đào tạo, 9 khóa ThS Kế toán với hơn 800 học viên đã tốt nghiệp (đang đào tạo hơn 70 học viên).

Hiện nay Khoa đang đảm nhận đào tạo 3 ngành: ngành Kế toán đào tạo trình độ đại học chính quy liên thông từ cao đẳng, đại học và cao học; ngành Kiểm toán và ngành Kinh tế với hai chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển đào tạo trình độ đại học. Việc đào tạo này đã và đang đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong quá

trình đổi mới ở khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Nhiều cựu SV, học viên của Khoa hiện đang nắm giữ các vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp, trong các tổ chức.

*** Công tác NCKH**

GV, chuyên viên Khoa KT&KT đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài KH&CN các cấp; nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo của các GV trong Khoa đã được xuất bản. Năm năm trở lại đây, GV, chuyên viên của Khoa đã thực hiện 41 đề tài KH&CN các cấp, đăng tải 139 bài báo khoa học và xuất bản 17 đầu sách.

*** Quan hệ hợp tác đào tạo**

Từ khi thành lập đến nay, Khoa KT&KT đã tạo lập được mối quan hệ với nhiều trường đại học, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến đào tạo và nghiên cứu. Cụ thể, Khoa có quan hệ hợp tác với Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Kiểm toán Nhà nước, Hội Kế toán - Kiểm toán Việt Nam, Vụ Chế độ Kế toán - Kiểm toán, Viện kế toán công chứng Anh (ACCA), Sở Khoa học & Công nghệ Bình Định, Sở Công thương Bình Định, Viện Phát triển Kinh tế - Xã hội Bình Định,... Khoa cũng xây dựng đội ngũ cộng tác viên là những người đang công tác ở các doanh nghiệp, công ty kiểm toán, ngân hàng, cơ quan thuế, các Sở và Viện nghiên cứu,... để trao đổi kinh nghiệm làm việc cũng như hỗ trợ trong quá trình thực tập, thực tế cho SV của Khoa.

*** Công tác phát triển nguồn nhân lực**

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Khoa đặc biệt quan tâm vì đây là một trong những nhân tố góp phần đáng kể vào việc nâng cao CLĐT. Hiện nay, Khoa có 50 GV, trong đó có 1 PGS, 8 TS, 41 ThS (trong đó có 20 GV đang học NCS). Đội ngũ GV của Khoa được đào tạo từ nước ngoài như: Mỹ, Pháp, Đức, Úc, Đài Loan, Thái Lan,... và các trường uy tín trong nước như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, điều này đã góp phần đáng kể vào quá trình đổi mới đào tạo trong xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay.

Xác định rõ CTĐT là một yếu tố cực kỳ quan trọng tác động đến CLĐT, Khoa KT&KT luôn chủ động đổi mới, cập nhật, chỉnh sửa CTĐT định kỳ 1 đến 2 năm. Riêng đối với ngành Kế toán - ngành đào tạo đầu tiên của Khoa từ khi mới thành lập - Khoa luôn xác định CLĐT của ngành phải tiên phong trong các ngành đào tạo của

Khoa đề hướng đến đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực. Chính vì vậy, việc đánh giá CTĐT ngành Kế toán nhằm cải tiến, nâng cao CLĐT là hết sức cần thiết.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT ngành Kế toán là một trong các CTĐT thuộc khối ngành Kinh tế đầu tiên của Trường ĐHQN, được giao cho Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh (nay là Khoa KT&KT) chủ trì đào tạo từ năm 2003 cho đến nay. Bên cạnh ngành Kế toán, Khoa KT&KT còn đang chủ trì đào tạo bậc đại học các ngành Kiểm toán và Kinh tế. CTĐT ngành Kế toán được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN. Trước khi xây dựng CTĐT, Khoa đã xác định mục tiêu đào tạo và xây dựng CDR của CTĐT. Đây là hai nội dung cần quan tâm nhất của toàn bộ CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán hiện nay được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN và phù hợp với mục tiêu của GDDH được quy định tại Luật GDDH năm 2012 và Luật GDDH sửa đổi năm 2018.

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, Khoa KT&KT xây dựng CDR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu riêng biệt mà SV ngành Kế toán cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, CDR cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các ý kiến đóng góp của các bên liên quan như các chuyên gia, nhà sử dụng lao động, các GV đầu ngành và cựu SV, cựu học viên của Khoa. Sau mỗi năm học, Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh CDR nhằm mục đích hoàn thiện và nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu của đổi mới GDDH. CDR được công bố công khai để người học, GV và các đơn vị tuyển dụng có thể tiếp cận dễ dàng thông qua nhiều kênh khác nhau.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Khoa KT&KT xác định rõ mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán không chỉ cần cụ thể, rõ ràng mà còn cần phù hợp với mục tiêu của GDDH được quy định tại Luật

GDDH năm 2012 và Luật GDDH sửa đổi năm 2018, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN cũng như sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.01.02]**.

Theo một quy trình đầy đủ và cụ thể, định kỳ, Trường ĐHQN lập kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật CTĐT căn cứ vào các quy định liên quan đến đào tạo trình độ đại học, quy định về xây dựng, phát triển CTĐT của Nhà trường **[H1.01.01.03]**, **[H1.01.01.04]**. Từ cơ sở đó, Khoa KT&KT xác định mục tiêu của CTĐT căn cứ vào kết quả khảo sát hoặc tổ chức hội nghị lấy ý kiến của chuyên gia, nhà tuyển dụng, SV, cựu SV, GV **[H1.01.01.05]**, **[H1.01.01.06]**. Mục tiêu của CTĐT sau khi được xác định sẽ được Hội đồng Khoa họp, góp ý và thông qua **[H1.01.01.07]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định gồm mục tiêu chung là “Đào tạo cử nhân ngành Kế toán có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán, phân tích tài chính, dự toán và phân tích ngân sách trong các tổ chức một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và được công nhận bởi các tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh, làm việc nhóm nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời”. Từ mục tiêu chung đó, mục tiêu cụ thể được xác định gồm các nhóm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Về kiến thức, cử nhân ngành Kế toán có kiến thức cơ bản tốt và chuyên ngành sâu rộng để có thể học tập suốt đời, thực hành nghề nghiệp thành thạo, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Về kỹ năng, cử nhân ngành Kế toán có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong kinh doanh; kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán; có tư duy phản biện, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp kế toán và có thể sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh), tin học văn phòng tốt **[H1.01.01.08]**. Với các mục tiêu chung và cụ thể đã xác định, có thể thấy mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại điều 5 của Luật GDDH sửa đổi năm 2018: “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ, tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân”. Đồng thời, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán cũng hoàn toàn phù hợp với

sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, đó là “Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”.

Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được Khoa KT&KT tiến hành rà soát và so sánh với mục tiêu đào tạo của các CTĐT Kế toán tại một số trường đại học trong khu vực và trên thế giới cũng như so sánh với mục tiêu của CTĐT trước đó thông qua đối sánh khung CTĐT nhằm đánh giá được sự đổi mới về mục tiêu CTĐT của ngành Kế toán theo hướng tiệm cận hơn với xu hướng phát triển của ngành [H1.01.01.09].

Ngoài ra, để người học và những người quan tâm có thông tin và thuận tiện hơn trong việc kiểm soát CTĐT có đáp ứng mục tiêu đã xác định, Trường và Khoa đã đăng tải thông tin về mục tiêu của CTĐT trên website ngay sau khi chương trình được cập nhật, sửa đổi (Tuyensinh.qnu.edu.vn/vi.nganh-dao-tao-dai-hoc/ke-toan, <http://fea.qnu.edu.vn>) [H1.01.01.10].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH. Bên cạnh mục tiêu chung là đào tạo cử nhân Kế toán có đạo đức, chuyên môn, có năng lực thực hành nghề nghiệp kế toán, kiểm toán thành thạo, mục tiêu của CTĐT đáp ứng được các yêu cầu năng lực về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT có thay đổi, cập nhật nhưng chưa thực sự theo kịp với các thay đổi, quy định mới về kế toán, kiểm toán, cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán sẽ được rà soát và chỉnh sửa (nếu cần thiết) để đảm bảo luôn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa KT&KT, Trường ĐHQN và Luật GDDH. Khoa KT&KT sẽ tiếp tục chủ động lấy ý kiến đa chiều từ người học, nhà tuyển dụng, các chuyên gia,... để rà soát và điều chỉnh mục tiêu đào tạo sao cho đáp ứng yêu cầu nhân lực của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030 và các sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục mà Trường ĐHQN cũng như Khoa KT&KT đã xác định, Khoa KT&KT đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, SV, cựu SV, chuyên gia và nhà sử dụng lao động về CĐR của CTĐT, trên cơ sở các báo cáo kết quả khảo sát nhận được và biên bản hội nghị, CĐR của CTĐT ngành Kế toán đã được xác định rõ ràng [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT ngành Kế toán bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt bao gồm 4 phần cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Cụ thể, thứ nhất là kiến thức và lập luận ngành bao gồm: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở cốt lõi của ngành, kiến thức cơ sở nâng cao của ngành; thứ hai là kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp bao gồm: năng lực tư duy, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; thứ ba là kỹ năng hoạt động trong môi trường doanh nghiệp và xã hội bao gồm: kỹ năng hoạt động trong môi trường doanh nghiệp, kỹ năng hoạt động trong môi trường xã hội; cuối cùng là năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường doanh nghiệp và xã hội bao gồm: hiểu bối cảnh xã hội và môi trường, hiểu bối cảnh doanh nghiệp và tổ chức, hình thành ý tưởng, xây dựng phương án, thực hiện phương án, đánh giá và cải tiến (mức tự chủ và trách nhiệm) [H1.01.02.04].

Đồng thời, các nội dung của CĐR cũng được thể hiện đầy đủ trong các đề cương học phần của CTĐT ngành Kế toán, trong đó thể hiện rõ mức độ đóng góp của các học phần (thấp, trung bình hoặc cao) đến CĐR của CTĐT, bao gồm 3 CĐR về kiến thức (PLO1 đến PLO3), 9 CĐR về kỹ năng (PLO4 đến PLO7 về kỹ năng chung, PLO8 đến PLO12 về kỹ năng chuyên môn), 2 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm (PLO13 đến PLO14). Cùng với đó, Khoa KT&KT cũng tiến hành rà soát CTĐT ngành Kế toán của mình qua so sánh với CTĐT ngành Kế toán các Trường khác nhằm cải tiến CTĐT ngành Kế toán tại Khoa hướng tới tiệm cận hơn với sự thay đổi của nhu cầu nhân lực kế toán [H1.01.02.05].

Ngoài ra, CTĐT ngành Kế toán cũng được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHQN, và Khoa KT&KT cũng như công khai cho SV từ đầu

năm để có thể nhận được phản hồi từ những đối tượng quan tâm đến CTĐT của Khoa, Trường cũng như minh bạch thông tin, chất lượng giảng dạy của Khoa, Trường [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Kế toán Trường ĐHQN được xác định rõ ràng và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT ngành Kế toán mặc dù được xác định rõ ràng nhưng còn nhiều học phần có CĐR chưa phù hợp với CĐR của ngành học.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT&KT cần tiếp tục xác định rõ CĐR của CTĐT ngành Kế toán tại Trường cũng như xác định các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trong CĐR của CTĐT ngành Kế toán tại Trường. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT cần điều chỉnh CĐR các môn học cho phù hợp với CĐR của toàn ngành Kế toán.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Dựa trên các quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT, trường ĐHQN đưa ra các kế hoạch sửa đổi, cập nhật CTĐT đại học hệ chính quy và giao nhiệm vụ cho Khoa KT&KT xây dựng CĐR của ngành Kế toán mà Khoa KT&KT quản lý [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Nội dung của CĐR đã được gửi đến các bên liên quan để lấy ý kiến, bao gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng, các cựu SV, SV năm cuối và các GV Khoa KT&KT [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Hội đồng Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và thông qua CĐR của CTĐT ngành Kế toán [H1.01.03.05]. CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán và đề cương môn học/học phần nhằm cụ thể hóa các hoạt động có thể đạt được các CĐR đã đề ra [H1.01.03.06]. CĐR phản ánh được yêu cầu đào tạo cử nhân ngành Kế toán có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán, phân tích tài chính, dự toán và phân tích ngân sách trong các tổ chức một cách độc lập; có phẩm chất tốt,

có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và được công nhận bởi các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán để đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động và cùng với các kỹ năng khác.

Từ năm học 2010-2011, khi Trường ĐHQN áp dụng đào tạo các ngành đại học theo hệ thống tín chỉ, Khoa KT&KT đã định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT vào các năm 2015, năm 2017, năm 2019 và năm 2020 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Quá trình rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện CĐR của CTĐT đều dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng, các cựu SV, SV năm cuối và các GV trực tiếp giảng dạy các học phần [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Đồng thời, Khoa cũng tham khảo, đối chiếu với CTĐT ngành Kế toán của một số trường uy tín trong khu vực cũng như các trường đại học trên thế giới, điều này được thể hiện trong sự thay đổi của CTĐT ngành Kế toán [H1.01.03.06], [H1.01.03.07].

CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi, công khai tới toàn thể GV tham gia giảng dạy, SV và các đơn vị sử dụng lao động thông qua website của trường ĐHQN, Khoa KT&KT và trong các buổi sinh hoạt lớp đầu năm học [H1.01.03.08].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Kế toán Khoa KT&KT được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường. Đồng thời, CTĐT ngành Kế toán phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng. Vấn đề này được công bố công khai rộng rãi qua website của Khoa và trong các buổi sinh hoạt lớp đầu năm học cho SV Khoa KT&KT.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&KT chưa triển khai được việc lấy ý kiến online về CĐR của CTĐT ngành Kế toán dành cho SV sau mỗi năm học/khoá học. Đồng thời, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Kế toán còn chưa rộng rãi đến các đơn vị sử dụng lao động trong cả nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021 – 2022, Khoa KT&KT cần tăng cường hơn nữa trong việc công khai rộng rãi CĐR của CTĐT ngành Kế toán bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để SV nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện

đúng đắn và chủ động. Đồng thời, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung để CĐR của CTĐT ngành Kế toán được cập nhật và hoàn thiện hơn.

Ngoài ra, Khoa cần khảo sát online lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu SV, GV và đơn vị sử dụng lao động về CĐR của CTĐT ngành Kế toán trên hệ thống website, trang facebook của Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi hơn.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu và CĐR của CTĐT là hai nội dung rất quan trọng không những đối với người học, người dạy mà còn quan trọng đối với các đơn vị tuyển dụng. Việc xây dựng mục tiêu và CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ sẽ định hướng tốt cho cả quá trình đào tạo. Mục tiêu và CĐR của CTĐT còn thể hiện cam kết của CSGD trong việc cung cấp nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại luật GDDH. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Mặc dù, mục tiêu của CTĐT có thay đổi, cập nhật nhưng chưa thực sự theo kịp với các thay đổi, quy định mới về kế toán, kiểm toán, cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT ngành Kế toán được xem là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng của CTĐT. Với tầm quan trọng của CĐR, Khoa KT&KT đã đầu tư trí tuệ, tâm huyết để xây dựng và định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR một cách bài bản, nghiêm túc với sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, sự tham khảo CĐR từ một số CTĐT ngành Kế toán của một số trường uy tín trong nước, ngoài nước và ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, GV, cựu học viên và cựu SV của Khoa. Ngoài ra, CĐR của CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi qua website của Khoa và trong các buổi sinh hoạt lớp đầu năm học cho SV Khoa KT&KT. Tuy nhiên việc công bố CĐR và tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan vẫn chưa được rộng rãi, thường xuyên. Sắp tới, Khoa sẽ đa dạng hơn

các hình thức công khai cũng như tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan được nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó có 2 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán theo hệ thống tín chỉ được xây dựng từ năm học 2010 - 2011, được điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2015, năm 2017, năm 2019 và năm 2020 để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường và yêu cầu của xã hội theo từng giai đoạn. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về kiểm tra, đánh giá học phần và phương pháp dạy, học. Nhờ vậy, người học có thể nắm bắt được các nội dung, lộ trình học tập và CDR các học phần của mình để có thể đạt được kết quả tốt nhất trong học tập.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp người học hiểu về CTĐT; giúp cho nhà tuyển dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm mà người học đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT luôn cập nhật những thông tin phản hồi từ phía SV đang học, cựu SV và các nhà tuyển dụng để cải tiến và hoàn thiện hơn CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Từ năm 2010, Trường ĐHQN chuyển từ hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Dựa trên các quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT, trường ĐHQN đã ra các quyết định và quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H2.02.01.01]. Trên cơ sở đó, trường ĐHQN đã lên kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật CTĐT cho phù hợp với những yêu cầu khi chuyển sang đào

tạo theo hệ thống mới [H2.02.01.02].

CTĐT ngành Kế toán có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của trường ĐHQN [H2.02.01.03]. Cụ thể, CTĐT có các thông tin: tên trường; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; mã ngành; tên tiếng Anh; loại hình đào tạo; hình thức đào tạo; thời gian đào tạo; mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; tiêu chí tuyển sinh, CDR, ma trận kỹ năng; và đề cương của các học phần.

CTĐT ngành Kế toán được in trên Tờ rơi, tài liệu quảng bá về ngành Kế toán, Sổ tay SV giúp thí sinh có cái nhìn toàn cảnh về CTĐT ngành Kế toán tại Trường ĐHQN khi lựa chọn trường đăng kí theo học cũng như SV năm đầu hiểu về chương trình kế toán mình đã chọn. Đồng thời, CTĐT ngành Kế toán cũng được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà Trường, Khoa để có thể nhận được phản hồi từ những đối tượng quan tâm đến việc đào tạo của Khoa, Trường cũng như minh bạch thông tin, chất lượng giảng dạy của Khoa, Trường [H2.02.01.04].

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán liên tục được cập nhật những vấn đề mới có liên quan. Ngoài việc tham khảo CTĐT của một số trường đại học uy tín trong nước và thế giới, Khoa KT&KT còn tổ chức họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [H2.02.01.05], [H2.02.01.06]. Điều này giúp CTĐT ngành Kế toán tại Khoa phù hợp hơn nữa với những yêu cầu trong thực tiễn. Cùng với đó, Khoa KT&KT thường xuyên tiến hành họp Hội Đồng Khoa nhằm rà soát CTĐT cho phù hợp với thực tiễn ngành Kế toán tại Việt Nam và sự vận động lý thuyết trên thế giới [H2.02.01.07]. Đồng thời, khoa KT&KT cũng thực hiện rà soát CTĐT của mình, so sánh với CTĐT ngành Kế toán các trường khác nhằm ngày càng nâng cao CLĐT tại Khoa [H2.02.01.08].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán tại trường ĐHQN có đủ các thông tin như: tên trường, tên ngành, thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng; đề cương các môn học/học phần; thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Đồng thời, luôn được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành học về lý thuyết cũng như thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật, rà soát CTĐT được thực hiện nhưng không thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022 trở về sau, Khoa cần tiếp tục mô tả rõ ràng các nội dung liên quan đến CTĐT. Và CTĐT cần tiếp tục cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành Kế toán. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT cần thường xuyên cập nhật CTĐT hơn nữa.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Đề cương chi tiết học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CĐR của học phần, đồng thời cũng là cơ sở để GV và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CĐR chi tiết của từng học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần chuyển đổi từ niên chế sang hệ thống tín chỉ, Khoa KT&KT đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và kế hoạch sửa đổi, cập nhật CTĐT của Trường ĐHQN [H2.02.02.01], [H2.02.02.02] [H2.02.02.03]. CTĐT và đề cương chi tiết học phần được rà soát, bổ sung, xây dựng vào các năm 2015, năm 2017, năm 2019 và năm 2020 dựa trên góp ý các bên liên quan [H2.02.02.04], [H2.02.02.05]. Sau đó, Khoa phân công các GV phụ trách giảng dạy học phần rà soát, bổ sung, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần và được Hội đồng Khoa thông qua [H2.02.02.06], [H2.02.02.07].

Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều được viết theo mẫu M4A-2018 và M4A-2020 với đầy đủ các thông tin như: tên trường; tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; mục tiêu; CĐR của học phần trong ma trận liên kết nội dung, chương mục với CĐR, các yêu cầu đối với GV và SV; cấu trúc học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CĐR của từng học phần. Đề cương chi tiết học phần đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần, phương pháp giảng dạy - học tập để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy [H2.02.02.08].

So với đề cương chi tiết học phần công bố năm 2015, đề cương chi tiết học phần công bố năm 2019 có sự thay đổi lớn về nội dung và hình thức: với cùng một học phần, ngoài mục tiêu chung gần như giống nhau, phiên bản mới còn có CĐR của học phần; liệt kê các CĐR mà SV phải đạt được sau khi học; mỗi yêu cầu tương ứng với

từng CDR của CTĐT và mức độ CDR. Bên cạnh đó, đề cương chi tiết học phần được công bố năm 2020 có thêm mục Mô tả học phần. Trong khi phiên bản công bố năm 2015 chỉ trình bày nội dung chi tiết học phần thì phiên bản năm 2020 có cả kế hoạch giảng dạy chi tiết, gồm nội dung kiến thức của từng buổi học kèm theo yêu cầu đối với SV và phương pháp giảng dạy, học tập rất chi tiết; ma trận quan hệ CDR và hình thức đánh giá cũng được bổ sung. Các nội dung cập nhật trong các học phần dựa trên tinh thần chuyển truyền thụ kiến thức sang dạy học phát triển năng lực, bao gồm sự điều chỉnh tên học phần, thay đổi cấu trúc chương, bài học, điều chỉnh sự tương quan giữa lý thuyết và thực hành, gia giảm nội dung kiến thức, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại [H2.02.02.08].

Cuối cùng, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai rộng rãi bằng các văn bản trên website của Khoa KT&KT và trường ĐHQN [H2.02.02.09].

2. Điểm mạnh

100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Trường ĐHQN và đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV và các đơn vị sử dụng lao động về đề cương chi tiết các học phần chưa được thực hiện định kỳ và trên phạm vi rộng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Khoa KT&KT cần tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá đề cương các học phần một cách bài bản để đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội. Bên cạnh đó, Khoa nên tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV, cựu SV và đơn vị sử dụng lao động theo định kỳ và trên phạm vi rộng hơn để có được nhiều thông tin cho việc hoàn chỉnh đề cương chi tiết học phần.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc phổ biến CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách rộng rãi, sau khi CTĐT ngành Kế toán được Trường ĐHQN ban hành, Khoa KT&KT đã công bố công khai cho các bên liên quan về bản mô tả CTĐT.

Khoa KT&KT đã công bố công khai cho các bên liên quan nội dung bản mô tả CTĐT ngành Kế toán bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Trường ĐHQN, website của Khoa KT&KT và trong các tài liệu giới thiệu về Trường; tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh trung học phổ thông; trong các thông báo của Nhà trường cho GV và SV; giới thiệu cho SV mới nhập học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa thông qua sổ tay SV và các buổi gặp mặt tân SV đầu khóa của Khoa KT&KT [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04].

Việc công bố bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần bằng nhiều hình thức trên, đặc biệt là được công bố hằng năm trong mục ba công khai trên website của Trường đã giúp các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV, học sinh, phụ huynh,... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Việc này giúp các nhà sử dụng lao động biết được nội dung SV được học để có kế hoạch tuyển dụng hợp lý, giúp GV chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi giảng dạy, giúp SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học, giúp cựu SV có thông tin để góp ý cho việc cập nhật CTĐT lần sau; giúp học sinh và phụ huynh tìm hiểu về ngành để có các quyết định đúng đắn. Ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động, SV, cựu SV là cơ sở quan trọng để ban soạn thảo CTĐT và đề cương chi tiết học phần có được thông tin cần thiết để rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động, các bậc phụ huynh dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin, đồng thời có thể góp ý, xây dựng để Khoa KT&KT có nhiều thông tin rà soát và sửa đổi CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các bên liên quan tiếp cận được bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng nhưng ngoài các phản hồi từ các đợt khảo sát và từ các cuộc họp hội nghị với các bên liên quan, Khoa KT&KT chưa nhận được phản hồi thường xuyên về chất lượng CTĐT cũng như đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán. Điều này làm ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành Kế toán.

4. Kế hoạch hành động

100% đề cương các môn học/ học phần được công bố thông qua các cuộc họp và CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong năm học 2021-2022, Khoa sẽ tiếp tục công bố đề cương chi tiết các môn học trên trang website.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Việc cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kế toán phù hợp với nhu cầu xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Khoa. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành Kế toán được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và nước ngoài; có sự tham gia đóng góp ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy, SV, nhà sử dụng lao động và cựu SV. Trên cơ sở tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Khoa đã triển khai điều chỉnh, cập nhật định kỳ CTĐT và đề cương chi tiết học phần. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Ma trận kiến thức, ma trận kỹ năng trong bản mô tả CTĐT hiển thị CDR của CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần. Mặc dù vậy, việc thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách rộng rãi; đối tượng lấy ý kiến phản hồi về CTĐT, đề cương chi tiết học phần chưa được sâu rộng. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. Vì vậy, khi xây dựng CTĐT ngành Kế toán, cấu trúc của chương trình được phân bổ một cách hợp lý và hệ thống, đảm bảo chặt chẽ các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo ngành Kế toán trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mệnh, tầm

nhìn của Nhà trường.

CTDH được thiết kế có hệ thống dựa trên CĐR về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Mỗi học phần trong CTDH đều có CĐR rõ ràng hướng đến đạt được CĐR của CTĐT. Nội dung và chủ đề của các học phần ngành Kế toán có cấu trúc, trình tự logic, hợp lý, được cập nhật và điều chỉnh thường xuyên đáp ứng yêu cầu đổi mới CTĐT. Hơn nữa, quá trình kiểm tra, đánh giá SV được thực hiện nghiêm túc, công bằng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của cả CTĐT và các CĐR của từng học phần. CTDH đã được triển khai đánh giá, thực hiện cải tiến, định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, SV và nhà tuyển dụng lao động.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. CTDH ngành Kế toán, Trường ĐHQN được xây dựng dựa trên các quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường và sứ mệnh tầm nhìn của Khoa [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. CTDH được thiết kế có hệ thống dựa trên CĐR về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Dựa trên kết quả khảo sát của các bên liên quan, để bổ sung và hoàn thiện CTDH, Khoa đã xem xét các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, các ý kiến của SV năm cuối, cựu SV và nhà sử dụng lao động về CTĐT ngành Kế toán, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Kế toán về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT với mong muốn đạt được các CĐR một cách tốt nhất [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Dựa trên các yêu cầu CĐR về kiến thức và lập luận ngành, về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường Nhà trường và Xã hội, CTĐT cử nhân ngành Kế toán được xây dựng [H3.03.01.05]. Theo đó, để đạt mục tiêu và CĐR, CTĐT ngành Kế toán đã có sự kết hợp hài hòa giữa các khối kiến thức như khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức khối ngành và cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành cũng như kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, khóa luận tốt nghiệp).

Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, được thể hiện qua

ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR trong CTĐT. Trong số 135 tín chỉ của CTĐT ngành Kế toán (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (các học phần điều kiện 12 tín chỉ), khối kiến thức giáo dục đại cương được phân bổ 24 tín chỉ đã cung cấp các kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, khoa học xã hội (Kỹ năng giao tiếp, Khởi nghiệp), ngoại ngữ; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 111 tín chỉ, bao gồm các học phần cơ sở của ngành và khối ngành là 28 tín chỉ, các học phần trang bị kiến thức ngành là 17 tín chỉ, các học phần chuyên sâu của chuyên ngành là 24 tín chỉ và 26 tín chỉ kiến thức bổ trợ bao gồm đào tạo, rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ và thực tập, thực tế; 6 tín chỉ còn lại được phân bổ cho khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp. Bên cạnh đó, CTDH ngành Kế toán được Khoa tiến hành rà soát và so sánh với CTDH Kế toán tại một số trường đại học trong khu vực và trên thế giới cũng như so sánh với CTDH trước đó [H3.03.01.06]. Để thực hiện tốt CTDH, Nhà trường đã có những kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH của từng năm học, mỗi GV đều có hồ sơ giảng dạy [H3.03.01.07], [H3.03.01.08].

Các khối kiến thức và các học phần trong CTDH được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CĐR của CTĐT. Các học phần trong CTDH ngành Kế toán được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau. Mỗi học phần đào tạo mô tả kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm thông qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Vì vậy, ngoài việc đảm bảo kiến thức về chuyên môn nghề nghiệp, người học ngành Kế toán còn được rèn luyện các kỹ năng cần thiết khác như kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của CĐR.

Các phương pháp giảng dạy, học tập, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được chú trọng nên đã góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Phương pháp dạy học tích cực “lấy người học làm trung tâm” như seminar, thảo luận nhóm,...được thường xuyên thực hiện trong tất cả các học phần. Nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan để đạt được CĐR .

2. Điểm mạnh

- CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CĐR trong CTĐT ngành Kế toán. Mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của CTDH. Tất cả các

học phần đều được thiết kế giúp đạt được CĐR của CTĐT.

- Với mong muốn đạt được CĐR tốt nhất, Khoa KT&KT đã phối hợp với Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi, góp ý của SV, GV, cựu SV về CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu SV khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu SV đối với CTDH sẽ được Khoa thực hiện định kỳ một cách đầy đủ và sâu rộng hơn từ năm học 2021-2022. Dựa trên những ý kiến đóng góp nhận được, CTDH sẽ được điều chỉnh, bổ sung,...một cách cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao CLĐT SV ngành Kế toán.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Trường ĐHQN ban hành các quyết định về CTĐT trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và các kế hoạch rà soát, đánh giá, bổ sung, cập nhật CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Trên cơ sở đó, Khoa KT&KT triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần trong CTDH nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT ngành Kế toán dựa trên ý kiến đóng góp của các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, cựu SV về CĐR và CTĐT ngành Kế toán; ý kiến phản hồi của SV năm cuối về CLĐT ngành Kế toán; ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp sau một năm ra trường [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.05].

CTDH ngành Kế toán thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTĐT ngành Kế toán đều có đề cương chi tiết học phần được biên soạn bởi các GV trực tiếp giảng dạy ở các Bộ môn của Khoa KT&KT và các khoa khác trong Nhà trường theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và CĐR của CTĐT [H3.03.02.01]. 100% các học phần trong CTDH đều xác định cụ thể CĐR về mức năng lực và kỹ năng cần đạt được phù hợp với CĐR của CTĐT. Thêm nữa, CTDH của ngành được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là Giáo dục đại cương và Giáo dục nghề

nghiệp. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Điều này được thể hiện rất rõ trong CTĐT ngành Kế toán **[H3.03.02.06]**.

Tất cả các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau một cách tốt nhất để đảm bảo đạt được CDR của CTĐT. Về phương pháp dạy, mỗi học phần đều được thiết kế thành các tổ hợp phương pháp cho từng nội dung theo hướng phát triển năng lực cho SV. Phương pháp thuyết giảng nhằm cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học; phương pháp dạy học theo nhóm để đưa ra các tình huống cho nhóm SV tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề; nêu câu hỏi gợi mở giúp SV phát triển tư duy để nắm được nội dung cốt lõi của môn học; phần bài tập giúp SV vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định. Trong quá trình học, các phương pháp đánh giá năng lực của người học được tiến hành thường xuyên trong các buổi dạy và được thể hiện thông qua điểm chuyên cần (trọng số đóng góp 10%), các bài kiểm tra giữa kì, các cuộc thảo luận nhóm, bài tập lớn (trọng số đóng góp từ 20% đến 40%) và điểm kết thúc học phần (trọng số đóng góp từ 50% đến 70%) **[H3.03.02.06]**. Kết quả đánh giá của từng SV sẽ được Phòng Đào tạo Đại học công bố thông qua tài khoản cá nhân đã được cấp **[H3.03.02.08]**.

Ngoài ra, Khoa còn xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm đảm bảo đạt được CDR của CTĐT một cách tốt nhất **[H3.03.02.07]**. Ngoài ra, Khoa phối hợp với Nhà trường tổ chức phổ biến đến người học nội dung và thể mạnh của CTĐT, kế hoạch thực hiện CTĐT **[H3.03.02.08]**.

2. Điểm mạnh

Các môn học/học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CDR, đồng thời cũng xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp nhằm đảm bảo đạt được CDR của CTĐT. Ngoài ra, nội dung của các môn học/học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CDR và định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CDR của ngành là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc nội dung đề cương chi tiết các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa KT&KT sẽ định kỳ tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần trong CTĐT, giúp cho việc đóng góp của các học phần đối với việc đạt được CDR của CTĐT tốt hơn. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục rà soát, đánh giá, cập nhật và bổ sung đề cương chi tiết cho tất cả các học phần dựa trên hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường và các ý kiến góp ý của các bên liên quan để phù hợp với xu hướng hội nhập của thị trường lao động

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, có tính tích hợp và nội dung cập nhật

1. Mô tả

CTDH ngành Kế toán của Khoa KT&KT, Trường ĐHQN được thiết kế theo quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD & ĐT và các quy định Trường ĐHQN, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, và giáo dục chuyên nghiệp [H3.03.03.01]. Kế hoạch giảng dạy hằng năm được xây dựng theo các công văn hướng dẫn của Nhà trường. Trong tổng 135 tín chỉ được xây dựng của CTĐT bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương 10 học phần, và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 42 học phần, đều thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Các học phần được sắp xếp theo trình tự: các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên, xây dựng các kỹ năng mềm cần thiết, đạo đức và ý thức của SV; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; đây lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành Kế toán.

Theo chủ trương chung của Nhà trường, theo định kì ít nhất 2 năm 1 lần, tất cả các học phần đều được rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của các chuẩn mực, luật, nghị định, thông tư mới trong Kế toán, việc này luôn được lên kế hoạch rõ ràng [H3.03.03.02]. Theo đó, từ năm 2015 đến nay, Khoa đã luôn tiến hành cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần theo quy định. Để có thể thay đổi nội dung cho phù hợp, Nhà trường và Khoa KT&KT đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan như người học, doanh nghiệp... về CTDH và CLĐT ngành Kế toán [H3.03.03.03] để có thể nhận được phản hồi, góp ý từ những đối tượng này đến CTDH ngành Kế toán tại trường ĐHQN để nâng cao tính cập nhật của CTDH ngành Kế toán cho phù hợp thực tiễn.

Các môn học trong CTDH ngành Kế toán tại ĐHQN được bố trí hợp lý, điều

này được thể hiện trong biên bản thông qua CTĐT ngành Kế toán của Hội đồng Khoa KT&KT [H3.03.03.04]. Sự bố trí hợp lý này được thể hiện qua các học phần điều kiện, thời lượng cho mỗi học phần, học kỳ thực hiện....

Điều này được thể hiện rõ trong CTĐT ngành Kế toán tại Khoa KT&KT, trường ĐHQN [H3.03.03.05]. Việc cấu trúc các môn học như thế này đảm bảo CTDH là một khối thống nhất.

Khoa KT&KT định kì lập các bảng đối sánh CTĐT ngành Kế toán với CTĐT tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước để xem mức độ phù hợp của CTDH tại Khoa với các trường đại học khác. Trên cơ sở đó, sẽ xem xét tham khảo các CTĐT tiên tiến từ các trường trong nước và quốc tế để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp khi tiến hành điều chỉnh [H3.03.03.06].

CTDH ngành Kế toán được in trên các tài liệu sinh hoạt đầu năm, sổ tay SV và các trang thông tin điện tử của Khoa, Trường nhằm giúp các SV và người có nhu cầu học Kế toán thấy được cấu trúc và trình tự CTDH ngành Kế toán tại Trường ĐHQN, giúp họ xây dựng lộ trình học tập phù hợp hay ra quyết định lựa chọn ngành cho phù hợp [H3.03.03.07]. Khoa KT&KT và Trường ĐHQN đã lập kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH, đảm bảo CTDH ngành Kế toán đạt chất lượng như cam kết trên các tài liệu quảng bá này [H3.03.03.08].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Kế toán, trường ĐHQN được cấu trúc, trình tự theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức cơ bản đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Đồng thời, nội dung được cập nhật với sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế và CTDH ngành Kế toán, trường ĐHQN có tính tích hợp cao.

3. Điểm tồn tại

CTDH được thiết kế theo trình tự một cách logic theo các năm học, tuy nhiên thời lượng dành cho các học phần thực tế sử dụng máy tính chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa KT&KT cần tiếp tục nâng cao cấu trúc và trình tự logic các môn học khi điều chỉnh CTDH. Đồng thời, tăng cường cập nhật CTDH ngành Kế toán cho phù hợp các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế, tăng cường tính tích hợp của CTDH ngành Kế toán. Bên cạnh đó, Khoa cần tăng cường thời gian cho các học phần sử dụng máy tính cũng như đưa nhiều học phần vào học thực tế trên máy

tính hơn nữa.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Mặc dù còn một số hạn chế trong phương pháp giảng dạy ở một số học phần, chưa kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, thời gian thực hành chưa nhiều, tuy nhiên CTDH của Khoa KT&KT nói chung đã được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT, có cấu trúc, trình tự logic và có sự tích hợp của các các học phần nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp và từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, được đi thực tế, thực tập để hiểu hơn về ngành Kế toán. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng mềm. Nội dung các học phần luôn được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật với sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến trên thế giới và ý kiến của các bên liên quan nhằm đạt được kết quả theo CDR. Dựa trên đề cương chi tiết của mỗi học phần cụ thể, các học phần tiên quyết được đề ra một cách hợp lý, đầy đủ, không gây khó khăn cho người học trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Đề cương chi tiết học phần đã mô tả được học phần, thể hiện rõ mục tiêu, CDR của học phần, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết và hình thức đánh giá kiểm tra đối với người học đảm bảo tính khách quan, chính xác và công bằng.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học có vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định đến CLĐT. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận dạy và học thích hợp là cơ sở để đạt được mục tiêu, CDR của CTĐT. Trên cơ sở nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận dạy và học trong công tác cải tiến CLĐT, đồng thời dựa trên triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, Khoa KT&KT đã xác định mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán. Từ mục tiêu này, Khoa xây dựng CTĐT của ngành Kế toán theo hướng tiên tiến và hiện đại, phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phù hợp và phổ biến rộng rãi đến GV, người học trong Khoa giúp cho người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR của chương trình. Ngoài ra, Khoa KT&KT luôn chú trọng tổ chức các

chương trình, hoạt động hỗ trợ thích hợp nhằm hướng dẫn, hỗ trợ người học hình thành ý thức học tập chủ động, tích cực cũng như năng lực tự học, tự nghiên cứu để góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành văn bản công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN [H4.04.01.01]. Bên cạnh đó, triết lý giáo dục của Trường cũng đã được công bố rõ ràng trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN với nội dung “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp” [H4.04.01.02]. Các nội dung này đã được đăng tải công khai trên website của Trường và phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức, người lao động, SV, học viên trong toàn Trường [H4.04.01.03].

Nội dung “Toàn diện” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội; nội dung “Khai phóng” được xác định theo nghĩa hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. Nội dung “Thực nghiệp” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.04]. Tương tự, trong Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 cũng đề cập đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường và được phổ biến sâu rộng đến toàn thể viên chức, người lao động, người học và xã hội được biết; qua đó khẳng định vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.05].

Trên cơ sở triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa KT&KT tiến hành xác định mục tiêu đào tạo ngành Kế toán của Khoa hướng đến việc đào tạo những cử nhân ngành Kế toán có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán, phân tích tài chính, dự toán và phân tích ngân sách trong các tổ chức một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và được công nhận bởi các tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh, làm việc nhóm nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời [H4.04.01.06], [H4.04.01.07]. Về mặt kiến thức, chương trình nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội cũng như những kiến thức chuyên sâu về kế toán làm nền tảng giúp người học hiểu rõ và giải thích được bản chất các sự kiện kinh tế, tài chính phát sinh trong thực tiễn và có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn. Về kỹ năng, chương trình trang bị cho người học kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp kinh doanh, năng lực thực hành nghề nghiệp, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán. Đồng thời, CTĐT còn hướng đến mục tiêu đào tạo người học có đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế. Các mục tiêu này đã được thể hiện trong bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần [H4.04.01.07].

Mục tiêu đào tạo và CDR về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học được phổ biến rộng rãi đến SV, GV, nhà tuyển dụng... thông qua nhiều kênh khác nhau. Định kỳ vào đầu năm học mới, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá nhằm giúp cho SV năm thứ nhất tiếp cận với các hoạt động dạy và học [H4.04.01.08]. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT cũng thường xuyên tổ chức các chương trình, các hoạt động ngoại khóa bổ ích nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo, chẳng hạn, các buổi sinh hoạt lớp đầu năm học, hội nghị học tốt, hội nghị SV NCKH [H4.04.01.09].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường ĐHQN được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Tất cả viên chức, người lao động, người học đều hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, GV, cựu SV... đối với triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục chưa được Nhà trường và Khoa KT&KT tiến hành theo định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa KT&KT sẽ chủ động, phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, định kỳ thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng, GV cũng như cựu SV về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường và của ngành Kế toán. Dựa vào các thông tin này sẽ giúp cho Khoa bổ sung, hoàn thiện mục tiêu giáo dục và cập nhật lại CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn với yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, Nhà trường cần thường xuyên cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường để GV, người học và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa triết lý, mục tiêu giáo dục của Trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Từ năm học 2009 - 2010, Nhà trường thực hiện chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ. Vì vậy, CTĐT của ngành Kế toán cũng được xây dựng lại theo hướng phù hợp với học chế tín chỉ mới [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H4.04.02.04].

Các hoạt động dạy và học trong chương trình được thiết kế phù hợp nhằm đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chương trình được xây dựng hướng đến việc cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về chính trị, kinh tế, xã hội và pháp luật; áp dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và phân tích tài chính để đánh giá các vấn đề về kế toán, kiểm toán, tài chính; có kỹ năng tham gia và quản lý nhóm trong ngành kế toán, kiểm toán, nhóm đa ngành hiệu quả; có khả năng giao tiếp hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau, giao tiếp bằng tiếng Anh; quản lý thời gian và tổ chức công việc một cách khoa học; có năng lực tổ chức, quản lý hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; phân tích, hoạch định, ra quyết định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và đề xuất được các giải pháp, kiến nghị trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; triển khai được công tác kế toán; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các phần mềm thông dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán phục vụ cho nghề nghiệp; giải quyết được các công việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và các lĩnh vực có liên quan; có năng lực học tập suốt đời, năng lực tự học, tự nghiên cứu và

tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội [H4.04.02.04].

Đội ngũ GV của Khoa luôn tích cực, chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả bài giảng. Cụ thể, trong quá trình giảng dạy các GV đã sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với thảo luận và làm việc nhóm. Và tùy theo từng nội dung bài giảng, các GV đưa ra những liên hệ thực tiễn sinh động, phong phú và gợi mở các tình huống, các chủ đề nghiên cứu để phân tích, làm sâu sắc thêm bài giảng, đồng thời giao thêm bài tập tại lớp và về nhà nhằm giúp người học rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu [H4.04.02.05]. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã thiết lập Góc học tập trên website của Khoa để người học có thể tiếp cận các nguồn tài liệu khác nhau được hỗ trợ từ GV phục vụ cho việc tự học của SV một cách thuận tiện và hiệu quả [H4.04.02.06].

Nhằm giúp SV có cơ hội tiếp xúc, làm quen với kỹ năng và nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp, CTĐT của ngành Kế toán có cấu trúc phù hợp giữa các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, khối kiến thức ngành, chuyên ngành, bổ trợ và khóa luận tốt nghiệp, đặc biệt các học phần thực hành, thực tập, thực tế tại doanh nghiệp được quan tâm, chú trọng [H4.04.02.04]. Cụ thể, học phần Thực tập nhận thức/Thực tập tổng hợp được thực hiện vào học kỳ 6 đối với SV năm thứ ba và học phần Thực tập tốt nghiệp vào học kỳ 8 đối với SV năm thứ tư. Theo đó, SV được giới thiệu đến các doanh nghiệp để tìm hiểu đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm tổ chức công tác kế toán, công tác lập chứng từ, ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính tại doanh nghiệp, đồng thời vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để nhận diện các hạn chế trong công tác kế toán tại các đơn vị và đề xuất các giải pháp hoàn thiện [H4.04.02.07]. Kết thúc mỗi đợt thực tập nhận thức/Thực tập tổng hợp và thực tập tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa yêu cầu đơn vị thực tập đánh giá về quá trình thực tập của SV. Thông qua các thông tin và ý kiến phản hồi của các đơn vị thực tập sẽ giúp cho Trường, Khoa có những đánh giá sơ bộ về khả năng đáp ứng yêu cầu công tác thực tiễn của SV sau khi tốt nghiệp cũng như hoàn thiện nội dung thực tập nhận thức/Thực tập tổng hợp và thực tập tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu thực tiễn [H4.04.02.08], [H4.04.02.09]. Ngoài ra, Khoa cũng đã phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan của Trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ cựu SV, nhà tuyển dụng để giúp cho Khoa có thêm cơ sở đánh giá về CLĐT của ngành [H4.04.02.10].

Với mục đích đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành song song nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo định kỳ hàng tháng, đồng thời thực hiện lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ cũng như cả năm học thông qua website đào tạo tín chỉ [H4.04.02.11].

2. Điểm mạnh

Về cơ bản các hoạt động dạy học và hoạt động học tập đã được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đạt được CĐR của CTĐT, phần lớn người học và GV hài lòng với các phương pháp giảng dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

Đội ngũ GV của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp SV tiếp thu, lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng nghề nghiệp.

GV trong Khoa đã tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của người học nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và đạt được CĐR của ngành. Người học thích nghi tốt và hài lòng với sự thay đổi trong phương pháp giảng dạy của GV.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy. Bên cạnh đó, chất lượng đầu vào không đồng đều tạo nên những rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học. Ngoài ra, việc cho SV có môi trường tiếp xúc với thực tế các doanh nghiệp thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn cuối của khóa học; việc liên kết với các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế như: Hội Kế toán & Kiểm toán Việt Nam, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc,... còn hạn chế nên sự kết nối được giữa SV với các tổ chức nghề nghiệp chưa được thường xuyên và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Trường ĐHQN sẽ tăng cường đầu tư, mua sắm, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ tích cực cho việc nâng cao chất lượng dạy và học ngành Kế toán. Bên cạnh đó, Khoa sẽ đề nghị Nhà trường đẩy mạnh công tác tuyển sinh, lựa chọn phương thức tuyển sinh phù hợp nhằm cải tiến chất lượng SV đầu vào. Ngoài ra, Khoa KT&KT sẽ hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt trong

bối cảnh hội nhập quốc tế cũng như cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ hiện nay; tăng cường hợp tác với các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp như Hội Kế toán & Kiểm toán Việt Nam, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc,... tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ và các hoạt động hỗ trợ để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cũng như cơ hội việc làm cho người học; tạo cơ hội cho SV tiếp xúc sớm hơn và nhiều hơn các hoạt động thực tế tại các doanh nghiệp.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Hoạt động dạy và học được thiết kế đều hướng đến mục tiêu thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, năng lực tự học tự nghiên cứu và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Điều này được thể hiện rõ trong các đề cương chi tiết các học phần. Với CTĐT được ban hành, sửa đổi, bổ sung qua các năm thì đề cương chi tiết các học phần cũng thay đổi để đáp ứng mục tiêu nêu trên **[H4.04.03.01]**, **[H4.04.03.02]**. Trường có website để SV thuận tiện đăng ký tín chỉ, Khoa KT&KT có website với nhiều chuyên mục, đặc biệt với chuyên mục Góc học tập giúp SV có thể tiếp cận đa dạng các nguồn tài liệu khác nhau hỗ trợ cho việc tự học, tự nghiên cứu **[H4.04.03.03]**.

Bên cạnh đó, việc triển khai các hoạt động khóa luận tốt nghiệp và hoạt động NCKH trong SV đã giúp SV phát huy năng lực tự nghiên cứu, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau, từ đó tạo ra sự say mê học hỏi, đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Các đề tài NCKH SV được nghiệm thu ở cấp Khoa, những đề tài đạt kết quả xuất sắc được lựa chọn dự thi cấp Trường, cấp Bộ **[H4.04.03.04]**. Khóa luận tốt nghiệp thực hiện theo đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc giao đề tài khóa luận tốt nghiệp cho SV đủ điều kiện theo quy định cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp **[H4.04.03.05]**.

Hoạt động thực tập, thực tế tại doanh nghiệp là một học phần trong CTĐT, nhằm giúp SV không những vận dụng những kiến thức trên giảng đường vào trong thực tế doanh nghiệp mà còn rèn luyện cho SV các kỹ năng thiết yếu như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng tin học văn phòng, và một số kỹ năng mềm khác **[H4.04.03.06]**. Cổng thông tin học tập trực tuyến được thiết lập thông qua đa dạng các

kênh: Góc học tập trên website của khoa, các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo,... Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc tiếp cận các nguồn tài liệu phục vụ học từ GV ngoài giáo trình, việc trao đổi kiến thức giữa GV và SV cũng trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn và SV cũng mạnh dạn trao đổi hơn. Qua các kênh này, SV cũng có thể chia sẻ kinh nghiệm học tập cũng như các vấn đề khác với nhau. Nguồn tư liệu quan trọng giúp SV tìm hiểu nội dung bài giảng, kiến thức của môn học và giải các dạng bài tập là các giáo trình, Khoa KT&KT đã từng bước xây dựng hệ thống các giáo trình cho các học phần, các giáo trình này đều được thẩm định và được xuất bản ở các nhà xuất bản có uy tín [H4.04.03.07].

Đội ngũ GV với vai trò là người truyền tải tri thức luôn tích cực nghiên cứu, học hỏi trao đổi kinh nghiệm để góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng bài giảng của mình, sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Để giúp cho GV có thông tin phản hồi kịp thời từ người học, định kỳ Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.03.08]. Kết quả phản hồi được sử dụng để hỗ trợ GV thay đổi, điều chỉnh phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá để đạt được các yêu cầu của CDR.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho SV rèn luyện các kỹ năng, giúp SV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho SV tự tin hơn trong việc lựa chọn và đưa ra các quyết định hợp lý về những vấn đề trong thực tiễn.

Đề cương chi tiết tất cả các học phần đều quy định về thời gian tự học. Bên cạnh đó, tổ chức việc tự học cho SV thông qua các các phương thức NCKH SV, đặc biệt với chuyên mục Góc học tập trên website của Khoa giúp SV có thể tiếp cận đa dạng các nguồn tài liệu khác nhau hỗ trợ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Tổ chức việc tự học thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

Giáo trình, tài liệu môn học cho tất cả các học phần được trang bị khá đầy đủ nhằm đảm bảo trong công tác dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng đầu vào, ý thức học tập của một bộ phận SV còn hạn chế gây khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động giảng dạy theo hướng tích cực. Hiệu quả đạt

được của phương pháp giảng dạy chưa được phát huy tối đa khi mà một bộ phận SV chưa thích nghi hay đáp ứng được với khả năng tự học.

Công thông tin học tập trực tuyến của Nhà trường hiện nay chưa được thiết lập hoàn thiện. Do đó, phương pháp học tập trực tuyến chưa được phát huy nhằm giảm bớt thời gian đến lớp, tăng cường thời gian tự học cho người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KT&KT sẽ tiếp tục cập nhật đề cương chi tiết theo hướng đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV. Tổ chức tốt các buổi hỗ trợ kỹ năng cần thiết giúp cho SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất. Bên cạnh đó, GV tiếp tục cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng. Mặt khác, Trung tâm Công nghệ thông tin & Truyền thông phối hợp với Khoa KT&KT thiết lập các tính năng của công thông tin học tập trực tuyến của Trường và Khoa để phát huy hiệu quả của giảng dạy trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Xây dựng phương pháp tiếp cận trong dạy và học phù hợp để đạt được CDR của CTĐT là công tác trọng tâm luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của tập thể lãnh đạo, viên chức Khoa KT&KT. Ý thức được điều này, Khoa KT&KT đã quan tâm nghiên cứu, khảo sát, cập nhật và điều chỉnh phương pháp dạy và học để không ngừng cải tiến, nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nhìn chung, dưới sự nỗ lực của Khoa, chất lượng CTĐT ngành Kế toán đã đạt được những kết quả ấn tượng. Về cơ bản, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường đã được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan (người dạy, người học, người tuyển dụng,...) thông qua nhiều kênh khác nhau: website của Trường; tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, chương trình chào tân SV, các buổi sinh hoạt lớp, các hội nghị, hội thảo. Bên cạnh đó, tập thể GV của Khoa tích cực trau dồi kiến thức chuyên môn và tiếp cận các phương pháp giảng dạy mới, từ đó góp phần cải thiện chất lượng của công tác dạy và học. Ngoài ra, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau như: SV NCKH; các hội thảo khoa học, hội nghị học tốt, cùng các hoạt động hỗ trợ SV thiết thực khác được Khoa chỉ đạo Đoàn thanh niên, Hội SV tổ chức đã góp phần đáng kể thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời của người học.

Mặc dù Khoa KT&KT đã có sự nỗ lực đáng kể, vẫn còn tồn tại những điểm cần được tiếp tục cải tiến trong thời gian đến để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Công tác

khảo sát thực tế, thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan cần được quan tâm và thực hiện sâu rộng hơn. Đồng thời, một số khó khăn về chất lượng SV đầu vào, về cơ sở vật chất, môi trường thực hành, thực tế và việc kết nối với các tổ chức nghề nghiệp trong nước, quốc tế còn hạn chế, công thông tin học tập trực tuyến chưa được thiết kế hoàn chỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến CLĐT, do vậy Nhà trường và Khoa cần tiếp tục xem xét cải tiến phù hợp hơn với tình hình bối cảnh kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt được 3/3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học ở bậc đại học. Nó được ví như bánh lái điều khiển quá trình dạy học, đóng vai trò kiểm chứng kết quả đổi mới nội dung, phương pháp theo mục tiêu môn học đã đề ra trong những thời điểm nhất định; giúp cho việc định hướng, điều chỉnh kế hoạch dạy học tiếp theo tiến hành phù hợp và có hiệu quả hơn. Nhận thức được vai trò quan trọng đó, công tác đánh giá kết quả học tập của người học đối với ngành Kế toán luôn được chú trọng, nội dung và hình thức đánh giá được cải tiến cho phù hợp với mục tiêu của CTĐT, phù hợp với các mức độ đạt được của CDR trong CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo được các tiêu chuẩn về tính khách quan; tính toàn diện; tính thường xuyên, có hệ thống; tính phát triển và tính công khai với các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng, được thông báo công khai tới người học và các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Các kết quả đánh giá thu được không chỉ bao hàm mục đích tạo ra động cơ học tập và định hướng phát triển cho người học mà còn góp phần cải tiến chất lượng giảng dạy của GV trong Khoa. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy luôn gắn liền với việc đổi mới phương pháp đánh giá kiến thức và kỹ năng của người học. Bên cạnh đó, người học cũng tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy chế của Bộ GD&ĐT về kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR được quy định rõ trong Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường ĐHQN, Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Các quy định này được cập nhật và thông báo công khai cho người học trên website của Trường và Khoa [H5.05.01.04].

Đầu mỗi năm học, Trường tổ chức thảo luận, thống nhất và ban hành kế hoạch đào tạo, trong đó quy định thời điểm cụ thể cho các lần đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo cho SV được biết [H5.05.01.05].

Để công tác tổ chức thi hiệu quả, phòng chức năng tham mưu về góp ý dự thảo quy định tổ chức kiểm tra và thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhằm hoàn thiện quy trình thi với các Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ được sửa đổi, rà soát và điều chỉnh [H5.05.01.06], [H5.05.01.07]. Nhà trường ra các quyết định thành lập Ban tổ chức kỳ thi, sau đó tổng kết công tác tổ chức kỳ thi để có căn cứ đánh giá kết quả học tập của SV [H5.05.01.08].

Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: Điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần. Đề cương các học phần trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Các mục tiêu, yêu cầu này đều được các Bộ môn thảo luận, thống nhất dựa trên các mức độ đáp ứng CĐR. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, vấn đáp đối với đánh giá cuối kỳ và được quy định trong các đề cương chi tiết học phần. Từ mục tiêu của học phần, GV xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh

giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với CDR của học phần. Bảng tiêu chí đánh giá, mẫu phiếu đánh giá khóa học, môn học, bài thi giữa kỳ, cuối kỳ được thể hiện rõ trong mục 8 của đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.09]. Người học được phổ biến cụ thể, chi tiết các hình thức và nội dung thi cho từng môn học. Đối với đề thi cuối kỳ, hiện tại, Trường ĐHQN là trường đa ngành, do đó, việc làm ngân hàng đề thi gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực đáng kể, Khoa KT&KT đã bước đầu thực hiện việc xây dựng ngân hàng đề thi. Đề thi trước khi đưa vào sử dụng luôn được các GV giảng dạy học phần tham gia thảo luận để đề thi đạt được các tiêu chuẩn theo yêu cầu. Chấm thi cuối kỳ sẽ tiến hành chấm chung tại văn phòng Khoa với mục đích đánh giá kết quả học tập của SV một cách khách quan, công bằng, đảm bảo nội dung đề đúng trọng tâm, đáp ứng CDR của học phần [H5.05.01.10]. Đề thi được tổ chức biên soạn, nghiệm thu theo qui định của Nhà trường và được phê duyệt trước khi thi. Bên cạnh đó, về các học phần về thực tập nhận thức/ thực tập tổng hợp, chuyên đề thực tập tốt nghiệp được Khoa có những quy định, hướng dẫn cụ thể [H5.05.01.11].

Việc giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc chọn SV đủ điều kiện được làm khóa luận cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Đối với SV khá, giỏi đáp ứng các quy định của Nhà trường sẽ được giao đề tài làm Khóa luận tốt nghiệp. Nhà trường có quy định giao đề tài, quyết định giao đề tài, thành lập hội đồng chấm Khóa luận tốt nghiệp. Khoa thực hiện quy trình chấm Khóa luận tốt nghiệp, các mẫu phiếu chấm, mẫu nhận xét của giáo viên phản biện [H5.05.01.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa KT&KT có hệ thống các văn bản, tài liệu hướng dẫn, quy định, kế hoạch rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học từ quá trình đào tạo, thi đến chấm khóa luận tốt nghiệp. Từ đó, việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CDR của CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Nhà trường và Khoa KT&KT có các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá để đo lường, kiểm tra sự phù hợp với mức độ đạt được CDR.

Có quy định rõ ràng, cụ thể trong đánh giá học phần về thực tập như thực tập nhận thức/ thực tập tổng hợp, chuyên đề thực tập tốt nghiệp nhằm đáp ứng các tiêu chí

như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề tại các doanh nghiệp, ...

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của SV một cách chính xác.

CĐR về mức tự chủ và chịu trách nhiệm hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp: Thực tế, thực tập,...

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR. Khoa KT&KT sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT thiết kế đề cương chi tiết xác định trọng số điểm học phần phù hợp trong đánh giá CĐR về mức tự chủ và chịu trách nhiệm.

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Nhằm giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của người học theo các mức độ đạt được của CĐR tốt nhất, Trường ĐHQN đã xây dựng và ban hành các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rất rõ ràng, đồng thời khoa KT&KT cũng có quy định riêng liên quan. Các quy định của Trường bao gồm: Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập, Quy định về việc giao đề án tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04]. Ngoài ra, Khoa KT&KT cũng ban hành quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV [H5.05.02.05]. Các quy định này và đề cương chi tiết các học phần được thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa, Sổ tay SV [H5.05.02.06], [H5.05.02.07]. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội

dung liên quan) cũng được Khoa và Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới người học. Ngay từ khi nhập học, Nhà trường, Khoa bố trí lịch sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV và chào tân SV, qua đó phổ biến các nội dung liên quan đến các quy định, công bố mục tiêu và các CĐR của ngành đào tạo, hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập phù hợp nhằm đáp ứng các CĐR đã được công bố **[H5.05.02.08]**.

Các quy định về phương thức kiểm tra, đánh giá học phần, các thành phần điểm và trọng số tương ứng, thời điểm kiểm tra cũng được quy định rõ ràng trong Đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán **[H5.05.02.06]**. Cụ thể, điểm đánh giá học phần bao gồm 03 cột điểm: chuyên cần, quá trình học tập, thi kết thúc học phần. Trọng số của mỗi thành phần được cho phép GV linh động trong việc lựa chọn nhằm phù hợp với đặc thù riêng của mỗi học phần.

Đối với báo cáo thực tập tổng hợp, chuyên đề thực tập tốt nghiệp, đề án môn học, khóa luận tốt nghiệp có các quy định rõ ràng: Trách nhiệm của SV và GV hướng dẫn SV thực hiện, trình bày nội dung báo cáo **[H5.05.02.09]**. Riêng với khóa luận tốt nghiệp đại học còn có quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện. Cách tính điểm cũng được quy định cụ thể và rõ ràng trước khi thực hiện.

Thời gian thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo Đại học lên kế hoạch và được Nhà trường phê duyệt sau đó được công bố cho SV ngay từ đầu năm học **[H5.05.02.10]**. Cuối mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng lập kế hoạch thi và thông báo cho SV biết thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu **[H5.05.02.11]**. Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và công bố công khai cho người học **[H5.05.02.12]**. Người học được quyền yêu cầu kiểm tra hoặc phúc khảo các điểm chuyên cần, giữa kỳ và bài thi cuối kỳ nếu cảm thấy kết quả chưa được như kỳ vọng, quy trình trình kiểm tra, phúc khảo được quy định rõ ràng theo quy định của Khoa **[H5.05.02.13]**.

Với mục tiêu đảm bảo CLĐT, Nhà trường đã ban hành Quy định CĐR ngoại ngữ, tin học đối với SV đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ SV được biết **[H5.05.02.14]**, **[H5.05.02.15]**. Theo đó, khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy, SV phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, CĐR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là rõ ràng và được

thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin, do vậy giúp người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Hầu hết các học phần, kết quả học tập của SV được phản hồi nhanh chóng vào tài khoản cá nhân của từng SV, giúp SV chủ động trong việc lập kế hoạch học tập và cải thiện kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được quy định chi tiết, rõ ràng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn có tình trạng chậm trễ trong việc nộp kết quả học tập của người học.

Hầu hết các học phần đều chưa xây dựng được bản rubrics để đánh giá học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KT&KT thường xuyên nhắc nhở, yêu cầu các GV, trong đó chủ yếu là các GV bên ngoài Khoa, nghiêm túc thực hiện các quy định về thời gian hoàn thành kết quả học tập cho người học. Triển khai xây dựng bản rubrics cho tất cả các học phần trong CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định cụ thể trong cả những Quy định của Trường ĐHQN và của Khoa KT&KT, bao gồm: Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Đề cương chi tiết các học phần, Quy định tổ chức và quản lý thực tập, Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy [H5.05.03.01], [H5.05.03.02].

Phương pháp tổ chức thi kết thúc học phần đa dạng, đáp ứng yêu cầu về việc đo lường mức độ đạt được CDR của học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết (tự luận), vấn đáp, đề án môn học, báo cáo thực tập tổng hợp, chuyên đề thực tập tốt nghiệp và được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ

thống tín chỉ **[H5.05.03.01]**. Đề thi đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra cũng như đề thi cuối kỳ, các GV tiến hành thảo luận, điều chỉnh nhằm đạt được sự thống nhất về nội dung và mức độ đánh giá giữa các lớp học phần, hướng đến sự công bằng nhất định cho NH **[H5.05.03.03]**. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức chung một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế **[H5.05.03.01]**.

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong công tác chấm bài thi, mỗi bài thi đều do hai CB chấm thi độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa **[H5.05.03.01]**. Trợ lý khoa quản lý học phần ráp phách và lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Các bài thi vấn đáp, đồ án, thực hành được chấm bởi hai GV. Cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần cũng quy định rõ ràng, người học được quyền phản hồi nếu cảm thấy không thỏa mãn với kết quả đánh giá bằng việc viết đơn đề nghị kiểm tra hoặc phúc khảo bài thi theo đúng quy trình **[H5.05.03.01]**, **[H5.05.03.04]**, **[H5.05.03.05]**. Sau mỗi kỳ thi, Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần **[H5.05.03.06]**.

Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó, điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70%; hoặc nhóm điểm tương ứng 10%, 30% và 60%; hoặc 10%, 40% và 50% **[H5.05.03.01]**. Với khóa luận tốt nghiệp, Khoa KT&KT thực hiện theo Quy định về việc giao đồ án tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện **[H5.05.03.01]**, **[H5.05.03.07]**. Việc chấm khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các

điểm các thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, điểm của GV hướng dẫn và điểm của GV phản biện **[H5.05.03.01]**.

Sau mỗi năm học, Khoa tổ chức tổng kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT **[H5.05.03.08]**. Bên cạnh đó, định kỳ Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của giáo viên, SV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề **[H5.05.03.09]**, **[H5.05.03.10]**, **[H5.05.03.11]**.

Ngoài ra, Ban chủ nhiệm Khoa tăng cường chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc và đổi mới công tác ra đề, coi thi, kiểm tra, chấm thi; là Khoa đầu tiên trong cả trường làm Ngân hàng đề thi và thực hiện chấm bài thi tại văn phòng Khoa, GV không được phép mang bài thi về nhà; tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, học kỳ một cách nghiêm túc; đánh giá khách quan, công bằng kết quả học tập của người học **[H5.05.03.12]**.

2. Điểm mạnh

Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học.

Việc triển khai công tác đánh giá người học được thực hiện nghiêm túc, quy trình chặt chẽ, giảm thiểu tối đa các sai sót.

3. Điểm tồn tại

Công tác thống kê, phân tích kết quả học tập của người học chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ ở tất cả các học phần dẫn đến việc không có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh đề thi cho phù hợp. Do đó, một số đề thi chưa đạt được yêu cầu cao về đánh giá theo các mức năng lực, chưa đáp ứng được CDR của học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KT&KT tổ chức thống kê, phân tích kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần để điều chỉnh các nội dung cho phù hợp

với việc đánh giá mức độ đáp ứng CDR của học phần. Bên cạnh đó, từng bộ môn sẽ tăng cường công tác đánh giá, điều chỉnh đề thi, kết quả thi một cách thường xuyên và đồng bộ để đề thi đạt được yêu cầu cao về đánh giá theo các mức năng lực, đáp ứng được CDR của học phần.

5. *Tự đánh giá*: Mức độ đạt được của tiêu chí: 6/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Căn cứ theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, Trường ĐHQN đã ban hành Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15 tháng 5 năm 2014 về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo tín chỉ và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ, đồng thời Khoa KT&KT cũng xây dựng những quy định chi tiết về kiểm tra, đánh giá SV nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.04.01]. Kết quả học tập của người học được tổng hợp và đưa vào báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa [H5.05.04.02]. Số lượng và danh sách SV vi phạm quy chế thi từng học kỳ, kết quả xét lên lớp hàng năm và kết quả xét tốt nghiệp của SV ngành Kế toán đều được thống kê cụ thể nhằm theo dõi kết quả học tập của SV sau mỗi năm học [H5.05.04.03].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến SV thông qua tài khoản cá nhân đồng thời bảng điểm được gửi trực tiếp cho SV xác nhận sau mỗi năm học nhằm giúp SV có thể phản hồi kịp thời và có kế hoạch cải thiện việc học tập [H5.05.04.04], [H5.05.04.05]. Đối với kết quả đánh giá chuyên cần và giữa kỳ, GV thông báo cho SV ngay khi kết thúc học phần. Các điểm thành phần cho các học phần của SV được Trợ lý học tập của Khoa cập nhật lên phần mềm quản lý đào tạo chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi. Điểm học phần được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Khoa, lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường và được sao lưu định kỳ [H5.05.04.06]. Điều này giúp hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của SV dễ dàng, nhanh chóng và tiện lợi.

Ngay khi nhận được kết quả học tập, SV có quyền gửi đơn đề nghị xem lại các điểm thành phần, nếu phát hiện có sai sót trong khâu nhập điểm so với kết quả mà GV

đã công bố hoặc đề nghị phúc khảo bài thi kết thúc học phần nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình **[H5.05.04.07]**. Quy trình kiểm tra và phúc khảo bài thi được Nhà trường quy định chặt chẽ về các bước thực hiện, người thực hiện và thời gian thực hiện **[H5.05.04.08]**.

Mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV nhằm tuyên dương, khen thưởng các em có thành tích xuất sắc **[H5.05.04.09]**. Bên cạnh đó, Nhà Trường cũng kịp thời đưa ra cảnh báo hoặc ngưng tiến độ học tập đối với các SV có kết quả học tập không đạt yêu cầu **[H5.05.04.10]**. Ngoài ra, SV còn được hỗ trợ trong quá trình đăng ký cải thiện kết quả học tập trong học kỳ phụ **[H5.05.04.11]**. Việc phản hồi kịp thời kết quả học tập cũng giúp SV chủ động trong kế hoạch học tập của mình: cải thiện kết quả học tập, vượt tiến độ chung, xin nghỉ học tạm thời, ... đồng thời Nhà trường có các hướng dẫn thủ tục đăng ký cụ thể **[H5.05.04.12]**.

Kết hợp việc đánh giá mức độ hài lòng của SV về phản hồi kết quả học tập với các mục tiêu đào tạo khác, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV đại học hệ chính quy về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ theo “Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV Trường ĐHQN” bằng hình thức trực tuyến trên website **[H5.05.04.13]**. Hàng năm, Nhà Trường có kế hoạch/thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, cũng như khảo sát SV năm cuối về chất lượng ngành học/CTĐT, đồng thời Khoa KT&KT cũng có kế hoạch khảo sát cựu SV về CTĐT **[H5.05.04.14]**. Đây là hoạt động nhằm tạo điều kiện cho tất cả người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV ở tất cả các học phần cũng như đánh giá CTĐT để có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp.

Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của SV cho lãnh đạo Nhà trường và các khoa nhằm nắm bắt tình hình giảng dạy của GV, giúp GV có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời kết quả khảo sát cũng giúp Nhà Trường và Khoa điều chỉnh CTĐT kịp thời và phù hợp **[H5.05.04.15]**.

2. Điểm mạnh

Nhà Trường ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của SV và được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến những đối tượng có liên quan. Đặc biệt, Khoa có ban hành thêm quy định kiểm tra, đánh giá SV và tiên phong trong việc ra ngân hàng đề thi, chấm bài thi tại Trường. Nhà Trường và Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp

bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp.

Kết quả học tập của SV được thông báo kịp thời qua tài khoản cá nhân, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn nhằm đảm bảo việc thông báo kết quả học tập nhanh chóng, tiện lợi và riêng tư.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký học phần, kế hoạch học tập của SV, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Ban chủ nhiệm Khoa tiếp tục nhắc nhở các GV thực hiện nghiêm túc việc đánh giá chuyên cần, giữa kỳ và thi cuối kỳ; đôn đốc Trợ lý khoa làm phách; GV chấm và nộp bài đúng thời gian quy định để thông báo kết quả kịp thời cho SV. CVHT của Khoa cần nắm vững các quy định có liên quan và phổ biến đầy đủ, kịp thời cho SV, đồng thời hỗ trợ tư vấn xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với từng SV. Khoa tiếp tục triển khai ngân hàng đề thi, yêu cầu thực hiện nghiêm túc quy trình lưu trữ thông tin.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Việc khiếu nại về kết quả học tập được Nhà trường quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời Khoa KT&KT cũng ban hành quy định về việc thực hiện quy trình kiểm tra, phúc khảo [H5.05.05.01]. Quy trình này được công bố cho SV dễ dàng tiếp cận, cụ thể như sau:

Những văn bản quy định liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của SV, các quy trình và hình thức khiếu nại được triển khai ngay từ khi SV nhập học, thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các giờ sinh hoạt lớp trong giai đoạn trước khi kết thúc học phần và được công khai trên trang web của Trường, in trong quyển sổ tay SV và cung cấp cho SV ngay từ khi nhập học [H5.05.05.02], [H5.05.05.03], [H5.05.05.04]. Trong quá trình học tập, SV được quyền khiếu nại kết quả học tập theo quy định nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài thi, bài kiểm tra của mình.

Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi GV công bố điểm trên lớp. Nếu thấy điểm trên phần mềm không chính xác thì SV làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại **[H5.05.05.05]**.

Đối với điểm thi kết thúc học phần: Kết quả học tập của SV được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến SV thông qua tài khoản của SV để người học có thể phản hồi và khiếu nại kết quả học tập **[H5.05.05.06]**. Ngay sau khi có điểm thi kết thúc học phần, Khoa sẽ thông báo thời gian phúc khảo lên trang web của Khoa **[H5.05.05.07]**. Nếu SV thấy kết quả thi không tương xứng với bài làm của mình thì làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại **[H5.05.05.08]**. Trưởng Bộ môn sẽ phân công GV kiểm tra lại bài thi, Thư ký Văn phòng Khoa phối hợp với GV để giải quyết cho SV chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận đơn. Tất cả các đơn khiếu nại về kết quả học tập của SV đều được tiếp nhận, ghi chép vào sổ theo dõi khiếu nại kết quả học tập của SV và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng **[H5.05.05.09]**.

Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 CB chấm thi. Trường hợp phải điều chỉnh điểm thi, Khoa sẽ gửi biên bản, phiếu điều chỉnh điểm học phần, bảng điểm gốc về Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo Đại học để điều chỉnh điểm thi. Kết quả phúc khảo bài thi sau mỗi kỳ được đưa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu và là kết quả cuối cùng của học phần **[H5.05.05.10]**. Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, SV đều được in bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót **[H5.05.05.11]**.

Sau mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra - Pháp chế đều kiểm tra khâu lên điểm, ráp phách và nhập điểm vào phần mềm và lập biên bản có xác nhận của Khoa và Phòng Thanh tra - Pháp chế **[H5.05.04.12]**.

2. Điểm mạnh

Nhà Trường có ban hành các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của SV và được công bố rộng rãi, công khai đến SV ngay từ khi nhập học cũng như trong quá trình học tập và trước mỗi đợt thi kết thúc học phần. Đặc biệt, Khoa cũng có ban hành quy định về việc thực hiện quy trình kiểm tra, phúc khảo.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ viên chức để hỗ trợ người học trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập. Hàng năm, có không quá 2% số người học khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Một số SV vẫn chưa nắm rõ quyền khiếu nại và quy trình khiếu nại kết quả học tập dẫn đến việc khiếu nại đã quá thời gian quy định, gây khó khăn cho Khoa trong việc giải quyết khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, CVHT tiếp tục phổ biến các quy định liên quan đến khiếu nại cho SV và nhắc nhở SV thời gian khiếu nại sau mỗi kỳ thi. Ngoài ra, Ban chủ nhiệm Khoa kịp thời nắm bắt các đơn khiếu nại của SV và phân công GV thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra lại bài thi.

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập SV theo CTĐT ngành Kế toán được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng, công khai tới SV với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và hướng đến sự công bằng cho SV. Nội dung đánh giá đạt được yêu cầu đánh giá đúng năng lực, trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành và khả năng vận dụng kiến thức của SV trong phạm vi CTĐT nhằm đảm bảo phân loại trình độ năng lực của SV, phù hợp với mục tiêu của mỗi học phần. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để giúp cho SV cải thiện việc học tập và nâng cao thành tích của mình. Tuy nhiên, việc đánh giá điểm thành phần ở một số ít học phần giữa các GV còn có sự chênh lệch, chưa tạo ra sự công bằng cao đối với SV.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt được 5/5 tiêu chí và có 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm, 1 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Xây dựng và phát triển đội ngũ GV và CB quản lý đạt chuẩn tương đương với GV, CB quản lý ở các đại học tiên tiến trong nước và quốc tế vừa là mục tiêu, vừa là động lực và được coi là một trong các yếu tố quan trọng nhất để xây dựng và phát triển các Khoa, phát triển Trường ĐHQN ngang tầm với các đại học uy tín trong nước và quốc tế.

Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường

cần có một lực lượng GV có trình độ và đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho GV là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Đội ngũ GV của Khoa KT&KT khá mạnh, họ vừa có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn sâu, phương pháp giảng dạy tốt, nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, có năng lực quản lý và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đặc biệt đội ngũ để thực hiện CTĐT ngành Kế toán có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu công việc được giao, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Đội ngũ GV của Khoa KT&KT được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, đề bạt CB được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Hiện nay, đội ngũ viên chức của Khoa gồm 52 người trong đó gồm 50 GV cơ hữu được chia làm 05 bộ môn (Kế toán, Phân tích kinh tế, Kiểm toán, Kinh tế, Toán kinh tế) và 01 chuyên viên, 01 chuyên viên chính. Hiện CB cơ hữu của Khoa có độ tuổi bình quân là 32,1. Số GV có học hàm PGS.TS: 01 (chiếm 2%), số GV đạt trình độ TS: 08 (chiếm 15,4%), số GV đang làm NCS trong và ngoài nước là 20 (chiếm 38,5%), số GV có trình độ ThS: 21 (chiếm 40,4%). Phân hạng GV, bao gồm: GV cao cấp: 01, GV chính: 11, GV: 38, chuyên viên chính: 01, chuyên viên: 01. Việc quy hoạch đội ngũ GV của Khoa KT&KT là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cần phải làm thường xuyên để có thể luôn đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng năm học.

Thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyên giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ -

Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN [H6.06.01.01]. Điều cốt lõi trong việc thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nói trên cần phải có một lực lượng GV, NCV có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH thì mới có thể thực hiện thành công sứ mệnh to lớn ấy. Từ năm 2011, Nhà trường đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB ở trong và ngoài nước giai đoạn 2011 – 2015, và tiếp tục có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB ở trong và ngoài nước giai đoạn từ năm 2016 đến nay [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Chính vì vậy, với vai trò là đơn vị chuyên môn, đào tạo cử nhân Kế toán cho đất nước, căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Khoa KT&KT luôn chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV và tạo điều kiện cho GV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]. Để xây dựng được đội ngũ GV có chất lượng, Khoa đã thực hiện việc quy hoạch, tuyển dụng GV đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên, năng lực giảng dạy, năng lực NCKH..., chấm dứt hợp đồng với GV không đáp ứng yêu cầu thử việc [H6.06.01.06]. Việc đề bạt, bổ nhiệm CB quản lý có trình độ chuyên môn và năng lực NCKH cao, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực quản lý cùng với lòng tận tụy yêu nghề,... cũng được Khoa chú trọng, đề nghị Nhà trường tiến hành kịp thời. Việc bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường [H6.06.01.07]. Hơn nữa, Khoa luôn chủ động trong việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV nhằm đáp ứng cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Khoa rà soát lại những mặt được và những mặt còn hạn chế để tiếp tục xây dựng kế hoạch chiến lược của Khoa, kế hoạch, quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV. Những hoạt động quy hoạch đội ngũ GV, NCV của Khoa dựa vào bảng thống kê về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, NCV và bảng mô tả vị trí việc làm của GV, NCV của Khoa [H6.06.01.08], [H6.06.01.09].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa không chỉ được xây dựng đủ về số lượng và có cơ cấu chuyên môn phù hợp giữa các tổ bộ môn, mà còn phải có trình độ chuyên môn cao, năng lực NCKH và nghiệp vụ sư phạm vững vàng nhằm đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT.

Đội ngũ GV của Khoa phần lớn tuổi đời còn trẻ nên thích nghi nhanh được với sự thay đổi tích cực, luôn có tinh thần học hỏi, trau dồi kiến thức và luôn học tập, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài, đội ngũ GV của Khoa hầu hết là trẻ nên kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều, nhiều GV trong Khoa đang đi học NCS, Cao học nên khó khăn cho việc tổ chức, triển khai các hoạt động ở Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường sẽ ban hành chính sách thu hút nhân tài hợp lý, GV chủ động khắc phục những khó khăn riêng để nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa KT&KT tiếp tục động viên, tạo điều kiện cho GV được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giảng dạy, năng lực NCKH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/Người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Khoa KT&KT có số lượng SV tuyển sinh hàng năm khá lớn [H6.06.02.01]. Cụ thể:

Bảng 6.2.1 Bảng thống kê số lượng GV-SV giai đoạn 2015-2020

TT	Năm học	SL GV	SLSV Ngành Kế toán		
			Đại học	Cao đẳng	Tổng cộng
1	2015 - 2016	50	1186	122	1308
2	2016 - 2017	50	1089	118	1207
3	2017 - 2018	50	1210	32	1242
4	2018 - 2019	52	1107	0	1107
5	2019 - 2020	50	918	0	918

Căn cứ vào kết quả rà soát, Khoa kịp thời đề xuất với Nhà trường có kế hoạch tuyển đủ về số lượng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng GV nên đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Cụ thể năm 2015 tuyển thêm 02 GV, năm 2018 tuyển 02 GV, tuy nhiên do 01 GV không đáp ứng yêu cầu thử việc nên Nhà trường đã chấm dứt hợp đồng [H6.06.02.02].

Hiện nay tổng số CB của Khoa KT&KT là 50 GV cơ hữu; trong đó gồm 01 PGS.TS, 08 TS, 20 NCS và 21ThS (trong đó có 03 NCS NCS đang học nước ngoài). Với lực lượng GV như vậy, Khoa KT&KT là một trong những Khoa có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn rất mạnh của Nhà trường. Số lượng GV quy đổi của ngành Kế toán hiện nay là 63,6 người và số lượng người học chính quy ngành Kế toán năm 2019-2020 là 918 SV. Như vậy, tỷ lệ SV/GV của ngành Kế toán là 14,43/1. Tỷ lệ này thấp hơn so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỷ lệ số SV chính quy tính trên một GV quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối ngành II là 18/1) **[H6.06.02.03]**.

Hàng năm, căn cứ vào Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN và bản mô tả vị trí việc làm của GV, Trưởng Khoa và các tổ trưởng cân nhắc phân công giờ giảng cho mỗi GV đủ chuẩn theo quy định, phân bổ công việc liên quan đến NCKH đồng đều, hợp lý, phù hợp với năng lực chuyên môn của từng GV theo chuyên ngành phụ trách nhằm đảm bảo khối lượng giờ giảng hàng năm cũng như chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng **[H6.06.02.04]**, **[H6.06.02.05]**. Do vậy, các GV của Khoa đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và số giờ định mức về NCKH hàng năm theo đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH **[H6.06.02.06]**, **[H6.06.02.07]**. Ngoài ra, có nhiều GV trong Khoa rất tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua số công trình được công bố hàng năm trên các tạp chí uy tín cùng với số đề tài trường, cấp tỉnh và cấp Bộ do GV của Khoa làm chủ nhiệm, ngoài ra GV còn biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy **[H6.06.02.08]**.

Nhằm cải tiến CLĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã ban hành các quy định, quy chế về các chính sách nhân sự như Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy chế nâng bậc lương trước hạn đối với công chức, viên chức, người hợp đồng lao động có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ Trường ĐHQN; Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN. Các Quy định này được thực hiện thống nhất trong Nhà trường. Công việc của GV, NCV được giám sát, đánh giá dựa trên những quy định về của các chính sách nhân sự này **[H6.06.02.09]**. GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm sẽ không được xét chiến sĩ thi đua cơ sở và bị trừ thu nhập tăng thêm theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường **[H6.06.02.10]**. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ

hoàn thành, bộ môn đánh giá, Lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.11]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H6.06.02.12].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đó, hằng năm các GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo quy định.

Đội ngũ GV của Khoa phần lớn tuổi đời còn trẻ, có năng lực cao trong NCKH, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, thích nghi nhanh được với sự thay đổi tích cực.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV nhập học có chiều hướng giảm nên việc phân công giờ giảng đảm bảo đủ chuẩn cho GV thuộc các tổ bộ môn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT cân nhắc trong việc phân công giờ giảng, đảm bảo GV giảng dạy đủ chuẩn và tích cực NCKH để không bị trừ giờ chuẩn theo quy định. Ngoài ra, Nhà trường sẽ ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH phù hợp với trình độ, chức danh của GV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được thể hiện rõ ràng, chi tiết và đầy đủ trong quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H6.06.03.01]. Các

tiêu chí tuyển dụng gồm: 1-Là công dân Việt Nam trên 18 tuổi, có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức tốt, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, đảm bảo điều kiện về sức khỏe; 2-Ứng viên có trình độ TS chuyên ngành phù hợp, có chức danh GS, phó GS. Nếu ứng viên có học vị TS thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy xếp loại khá trở lên. Nếu ứng viên có học vị ThS chuyên ngành phù hợp thì bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy đạt loại giỏi, điểm trung bình chung các học phần và điểm luận văn tốt nghiệp ở bậc đào tạo ThS từ 8,0 trở lên; không quá 35 tuổi. Nếu ứng viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên, phù hợp với chuyên ngành cần tuyển dụng thì kết quả học tập xếp loại khá trở lên liên tục trong ba năm ở bậc trung học phổ thông. Ở tất cả các trình độ thì ứng viên phải đủ điều kiện về ngoại ngữ và tin học như sau: Trình độ ngoại ngữ đạt tối thiểu bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ GD&ĐT; tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông; 3-Ứng viên thể hiện được năng lực NCKH thông qua các công trình NCKH như đề tài, bài báo, báo cáo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học.

Trong kỳ thi tuyển dụng, mỗi ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Kết quả được phổ biến công khai trên trang web của nhà trường. Sau khi trúng tuyển, GV có một năm tập sự theo quy định của Nhà trường, Lãnh đạo Khoa cử một GV hướng dẫn trực tiếp cho GV mới được tuyển dụng [H6.06.03.02]. Các GV đều phải biên soạn bài giảng, thông qua người hướng dẫn và giảng thử tại bộ môn rồi mới lên lớp chính thức. Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm CB quản lý, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV cao cấp, GV chính, GS, PGS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trưởng/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.03.03], [H6.06.03.04], [H6.06.03.05].

2. Điểm mạnh

Các văn bản về các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm được quy định rất rõ ràng và được công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong từng khoa và phòng chức năng. Trên cơ sở đó, Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ giảng dạy, NCKH, các kỹ năng về tin học và ngoại ngữ. Các GV luôn trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác. Nhiều GV được tuyển dụng đã và đang được đào tạo SĐH ở các trường đại học có uy tín của

nước ngoài (Mỹ, Pháp, Đức, Séc, Úc, Đài Loan, ...). Những GV sau khi được đào tạo ở nước ngoài về đã tiếp tục phát huy năng lực nghiên cứu, góp phần vào việc nâng cao uy tín của Nhà trường trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh việc giảng dạy và NCKH, GV còn kiêm nhiệm nhiều hoạt động khác trong Nhà trường như công tác công đoàn, đoàn thanh niên, hội SV, CVHT,... nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa đủ tốt để thu hút được nguồn GV có trình độ chuyên môn cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT chủ động đề xuất với Nhà trường những ý tưởng về chính sách đãi ngộ thường niên và đột xuất để có thể thu hút nguồn GV có trình độ chuyên môn cao.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Việc xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ GV có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của Khoa nói riêng và Nhà trường nói chung. Hoạt động này được Nhà trường thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chính xác đã tạo động lực cho GV hăng say làm việc, góp phần mang lại sự thay đổi sâu sắc cho CLĐT của Nhà trường.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí về năng lực của GV, bao gồm tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu,... trên cơ sở các quy định hiện hành [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Các ứng viên khi được tuyển làm GV của Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng đều phải đáp ứng các yêu cầu đặc thù nghề nghiệp về ngoại hình, kỹ năng sư phạm, phương pháp sư phạm và các tiêu chuẩn chuyên môn về học vị, trình độ ngoại ngữ, tin học, năng lực NCKH. Sau khi trúng tuyển, GV phải thực hiện chế độ tập sự (12 tháng) để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của GV. Đồng thời, các GV phải củng cố, bổ sung kiến thức và kỹ năng về chuyên môn được phân công giảng dạy; dự giờ và chuẩn bị bài giảng; cách thức phát triển CTĐT; phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập; quản lý lớp vào giao tiếp với người học; tự bồi dưỡng kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, thực hiện kế hoạch bổ sung, hoàn thiện đề án vị trí việc làm Trường ĐHQN,

Khoa KT&KT cũng đã xây dựng đề án vị trí việc làm, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm một cách cụ thể, rõ ràng [H6.06.04.03]. Việc xác định rõ ràng tiêu chuẩn về năng lực của đội ngũ GV theo quy định hiện hành là cơ sở giúp Khoa cũng như Nhà trường đánh giá chính xác năng lực về mọi mặt của từng GV.

Vào tháng 6 hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại viên chức và người lao động [H6.06.04.02]. Nhà trường có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.06.04.04]. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT cũng ban hành Bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức với 3 nhóm tiêu chí công tác giảng dạy, công tác NCKH, công tác hoạt động chuyên môn và nhiệm vụ khác [H6.06.04.05]. GV làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao, trình bày tại cuộc họp Khoa để mọi người tham dự đóng góp ý kiến. Chi ủy Chi bộ Khoa có ý kiến bằng văn bản về viên chức lãnh đạo được đánh giá, phân loại. Sau khi tham khảo ý kiến góp ý của mọi người và Chi ủy Chi bộ trong cuộc họp Khoa, Trưởng khoa đánh giá, phân loại viên chức và người lao động của Khoa, Hiệu trưởng quyết định đánh giá, xếp loại đối với Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa [H6.06.04.06], [H6.06.04.07]. Trên cơ sở hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động, Nhà trường ban hành công văn thông báo đến các đơn vị kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm [H6.06.04.08]. Kết quả đánh giá hàng năm, đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH. Nhiều GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, nhận được Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H6.06.04.09]. Đa số GV có trình độ chuyên môn tốt, tích cực NCKH, thể hiện qua số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế ngày càng tăng, trong đó, có các bài báo thuộc danh mục ISI và danh mục Scopus; nhiều GV chủ trì hoặc tham gia đề tài KH&CN các cấp [H6.06.04.10], [H6.06.04.11].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Công tác đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm được Nhà Trường thực hiện nghiêm túc và đánh giá chính xác năng lực của GV. Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Đồng thời, Khoa Kinh tế và Kế toán đã xây dựng Bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên

chức góp phần đánh giá chính xác hơn năng lực của GV. Hầu hết GV của Khoa có kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Điểm tồn tại

Năng lực của GV chưa được đánh giá toàn diện trên nhiều mặt, chẳng hạn, chưa đánh giá năng lực về ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, về đóng góp cho cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Khoa KT&KT tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá năng lực của GV theo các quy định của Nhà trường. Đồng thời, Khoa hoàn thiện Bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức đáp ứng các quy định hiện hành.

Khoa KT&KT chủ động đề xuất với Nhà trường về các tiêu chí để xác định và đánh giá năng lực của GV một cách toàn diện. Cụ thể, bao gồm đầy đủ các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,...

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Trường ĐHQN đã xác định rõ nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV của nhà trường. Để làm được điều này, Nhà trường đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV. Dựa vào những thông tin mà Nhà trường cung cấp, Khoa KT&KT đã lập bảng đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của GV trong Khoa và đề xuất lên Nhà trường [H6.06.05.01].

Trên cơ sở kết quả thu thập được, Nhà trường đã có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, cụ thể là Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030; Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015-2020; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020. Dựa trên

kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường, Khoa KT&KT đã tổ chức họp CB chủ chốt về xây dựng chiến lược phát triển Khoa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.05.02], [H6.06.05.03], [H6.06.05.04], [H6.06.05.05].

Nhà trường đã thực hiện những nội dung có trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV. Để triển khai công việc một cách hiệu quả, Nhà trường đã thông báo công khai thông tin về đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHQN; Danh sách các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV hàng năm [H6.06.05.06], [H6.06.05.07]. Hàng năm, các chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài do Bộ GD&ĐT thông báo đều được Nhà trường triển khai đến tất cả các đơn vị trong Trường và Khoa phổ biến đến toàn thể GV của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Nếu GV đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh thì Nhà trường cử đi học tập và có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo quy định chung của Trường [H6.06.05.08].

Căn cứ vào nội dung được ban hành trong kế hoạch cũng như các công việc được triển khai tương ứng, Nhà trường cũng đã giám sát và có đánh giá kết quả hàng năm thông qua Hội nghị Công chức viên chức; thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy cũng được Nhà trường chú trọng nhằm giúp GV trau dồi kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm trong quá trình đào tạo SV [H6.06.05.09], [H6.06.05.10], [H6.06.05.11]. Công bố rộng rãi và công khai danh sách các GV được tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng GV chính [H6.06.05.12]. Nhiều GV trong Khoa KT&KT được tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước và tại các nước phát triển [H6.06.05.13].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Nhà trường và Khoa xác định rõ, có kế hoạch chiến lược cùng với đó là những hoạt động được triển khai kịp thời và phù hợp.

Chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV, NCV tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được phổ biến rộng rãi.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho những GV nhận được học bổng học tập và nghiên cứu tại các nước trên thế giới và những GV tham gia vào việc xây dựng hồ sơ các dự án quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Rất nhiều GV có năng lực ngoại ngữ còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa sẽ thực hiện các cuộc khảo sát nhằm xác định nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, NCV; lên kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm, đồng thời kiến nghị kịp thời về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc để GV, NCV có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Quản trị theo kết quả công việc của GV là việc mà Trường ĐHQN đã triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trường ĐHQN đã ban hành những Quy định cụ thể về công tác thi đua khen thưởng trong Trường trong những năm qua [H6.06.06.01]. Căn cứ vào kết quả đạt được từ những dữ liệu thống kê về số lượng GV tham gia hội đồng biên tập tạp chí, tham gia biên soạn sách, tham gia các đề tài, dự án và số lượng các bài báo khoa học được đăng trên các hội thảo, hội nghị, tạp chí hàng năm kết hợp với các kế hoạch công tác cụ thể của GV hàng năm, bao gồm: hoạt động giảng dạy được phân công đầu mỗi học kỳ với số lượng môn học mỗi GV đảm nhận và thời gian thực hiện, danh sách đăng kí các seminar với tên các báo cáo và thời gian thực hiện cùng với các đề tài hướng dẫn NCKH SV và đề tài NCKH cấp trường của GV mà Khoa có sự đánh giá, xếp loại viên chức đúng theo các tiêu chuẩn của Nhà trường [H6.06.06.02], [H6.06.06.03].

Dựa vào mức độ hoàn thành công việc và các đóng góp của GV cho hoạt động chung của Khoa, Khoa thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV hằng năm theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật của Nhà trường đồng thời theo bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên

chức do Khoa KT&KT ban hành. Theo Quyết định về việc Ban hành bản tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức của Khoa KT&KT thì ngoài chấm điểm thực hiện nhiệm vụ của GV, còn có điểm cộng khuyến khích cho các GV có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực NCKH, hướng dẫn SV NCKH đạt giải, có sáng kiến về các nội dung liên quan đến đổi mới phương pháp, tổ chức dạy học, sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho công tác chuyên môn, quản lý đơn vị, có các giải trong hoạt động của Trường nhằm khích lệ tinh thần học tập nghiên cứu, tinh thần năng động và sáng tạo trong đội ngũ GV của Khoa KT&KT một cách nghiêm túc. Căn cứ theo quy trình đánh giá toàn diện Khoa sẽ đề nghị xét, công nhận thi đua khen, thưởng hàng năm [H6.06.06.04]. Sau đó, Nhà trường lập Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm [H6.06.06.05].

Những GV hoàn thành tốt công tác giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác, luôn được ghi nhận và khích lệ bằng những danh hiệu xứng đáng như: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng,... và sẽ được khen thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.06.06], [H6.06.06.07].

Như vậy, các hoạt động khen thưởng rõ ràng, nghiêm túc không những tạo động lực cho việc không ngừng phấn đấu học tập và nghiên cứu của GV mà còn là hoạt động công nhận và biểu dương khích lệ tinh thần rất lớn cho những các nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng đã giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhiều GV của Khoa đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng,... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV về NCKH của Nhà trường vẫn chưa có mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn NCKH hàng năm và bảo lưu số giờ NCKH cho một năm tiếp theo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.

Nhà trường cần nghiên cứu đưa ra quy định định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của GV về việc khen thưởng các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI. Nhà trường cũng nên nghiên cứu đưa ra quy định định lượng mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn. Bên cạnh đó cố gắng cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Nhà trường coi là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao CLĐT và HTQT. Điều này thể hiện qua các tài liệu quy định về việc tuyển chọn, thực hiện đề tài NCKH các cấp; Quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN; Quy định về công tác thi đua khen thưởng [H6.06.07.01], [H6.06.07.02], [H6.06.07.03]. Ngoài ra, Trường còn thực hiện chính sách khen thưởng của Bộ GD&ĐT cho các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI [H6.06.07.04].

NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong Khoa KT&KT, GV, NCV có thể dễ dàng tiếp cận với các văn bản, biểu mẫu hướng dẫn chi tiết các hoạt động NCKH các cấp [H6.06.07.05]. Trong bảng kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; hướng dẫn SV làm NCKH, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn ThS) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, tương ứng với bản mô tả vị trí công việc của GV, NCV [H6.06.07.06].

Căn cứ trên nhiệm vụ được giao và kế hoạch đăng kí (seminar, đề tài KHCN các cấp, thi đua,...) đầu năm, các GV, NCV thực hiện nhiệm vụ được giao [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]. Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về chất lượng và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV. Điều này thể hiện qua kết quả thống kê các công trình NCKH của đội ngũ GV của Khoa, thống kê giờ NCKH; đồng thời các công trình nghiên cứu này được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng [H6.06.07.08], [H6.06.07.09], [H6.06.07.10]. Để từ đó, Khoa tiến hành đánh giá, phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm [H6.06.07.11]. Bên cạnh đó, các GV của Khoa cũng đã đưa ra các ý kiến phản hồi về chế độ chính sách, giải pháp phát huy hoạt động NCKH của Khoa và Nhà trường [H6.06.07.12].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN [H6.06.07.13]. Khoa KT&KT và Nhà trường luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết thực hiện NCKH với các tổ chức và cá nhân từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao trình độ NCKH và giảng dạy nhằm phục vụ cho công tác đào tạo tại Khoa [H6.06.07.14]. Khoa KT&KT đã phối hợp hoặc đăng cai tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia và cấp Trường [H6.06.07.15]. Các GV trong Khoa luôn được đánh giá cao trong NCKH, GV tham gia nhiều hoạt động NCKH trong và ngoài trường như tham gia hướng dẫn NCKH tham gia hội đồng biên tập tạp chí, tham gia biên soạn sách, tham gia các đề tài, dự án tham gia vào Tổ xây dựng dự án Quốc tế IUC và Erasmus+ [H6.06.07.09], [H6.06.07.16], [H6.06.07.17]. Thông qua lý lịch khoa học của các GV cũng cho thấy rằng, năng lực NCKH của GV được cải thiện rõ rệt, chất lượng các kết quả nghiên cứu ngày càng tăng cao. GV luôn cố gắng học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng, tích cực tham gia các đề tài, dự án, công bố các công trình nghiên cứu ở các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước [H6.06.07.18]. Một số GV đã được các khen thưởng liên quan đến các kết quả NCKH [H6.06.07.19].

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV được Trường xác lập rõ ràng. Từ đó, quy trình giám sát được xây dựng và triển khai. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, hội thảo trong nước và quốc tế có uy tín, tham gia các dự án nghiên cứu trong và ngoài nước, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo, tham

khảo trong nước và quốc tế để phục vụ đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Quá trình giám sát, đối sánh cho thấy Khoa chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, số lượng GV tham gia các đề tài NCKH với các đối tác nước ngoài còn hạn chế.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú, số lượng bài báo được công bố trong các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất cho GV NCKH; đề nghị khen thưởng xứng đáng với GV thành tích NCKH xuất sắc; đẩy mạnh hoạt động xây dựng nhóm NCKH mạnh trong GV và tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích GV, NCV nỗ lực NCKH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐHQN đã hoàn thành tốt việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) qua đó đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá một cách chính xác, khách quan. Thêm nữa, những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Trường ĐHQN xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng, nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV đã được Trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 6 có 7/7 tiêu chí đạt, trong đó có 6 tiêu chí đạt mức 5/7 và 1 tiêu chí đạt mức 6/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Trong trường đại học, bên cạnh đội ngũ GV, một bộ phận khác đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đó là đội ngũ nhân viên, những người làm công tác tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ, cùng với đội ngũ GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT rất coi trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên. Để tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai. Bên cạnh việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ cũng được triển khai nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đóng một vai trò không nhỏ trong việc hỗ trợ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Chính vì vậy, Trường ĐHQN đã và đang quan tâm đến việc quy hoạch đội ngũ này nhằm đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng, tạo được hiệu quả cao trong công việc chung của Nhà trường.

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, các phương hướng, nhiệm vụ mỗi năm học, Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo giai đoạn 2015 – 2020 và Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHQN, Nhà trường đã phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ này đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.01.03], [H7.07.01.04]. Tùy theo nhu cầu cụ thể của từng giai đoạn và nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường sẽ có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên theo chiến lược phát triển đội ngũ chung đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về đào tạo của Nhà

trường, chủ động tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo đội ngũ nhân viên được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ và 20% chuyên viên đủ tiêu chuẩn nâng hạng chuyên viên chính [H7.07.01.05].

Trên cơ sở triển khai thực hiện đổi mới cơ cấu Trường ĐHQN nói chung và việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị, Thư viện cũng có Đề án đổi mới hoạt động theo hướng hiện đại phù hợp với đội ngũ nhân viên của Thư viện hiện có 15 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình của CB, GV và SV trong toàn trường nói chung và Khoa KT&KT nói riêng [H7.07.01.01], [H7.07.01.06], [H7.07.01.07], [H7.07.01.08], [H7.01.01.09].

Riêng về đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng khoa, theo cơ cấu chung của Nhà trường, Khoa KT&KT có 01 thư ký và 01 trợ lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa như: quản lý điểm thi; quản lý đăng ký học học kỳ phụ, xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; đánh giá điểm rèn luyện, giải đáp thắc mắc của SV ... Trong những năm qua, đội ngũ nhân viên này đã thực hiện tốt các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu và triển khai ứng dụng của GV và NCS của Khoa KT&KT [H7.07.01.10]. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT cũng như toàn Trường đã hoàn thiện đề án vị trí việc làm để có dự báo về số lượng nhân viên cần thiết phù hợp hơn với công việc hỗ trợ, phục vụ hoạt động đào tạo tại Khoa [H7.07.01.11].

Ngoài ra, đội ngũ nhân viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị như: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, phòng máy tính, phòng thực hành, Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác [H7.07.01.12]. Nhìn chung, qua kết quả khảo sát của Nhà trường cho thấy phần lớn SV và GV hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường [H7.07.01.13].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa KT&KT có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ

cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến GV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo cho việc quy hoạch phù hợp chưa được thực hiện thường xuyên.

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ.

Bên cạnh đó, các chính sách thu hút, phát triển và đãi ngộ đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường cần chú trọng công tác khảo sát, đánh giá thường xuyên hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ GV và người học để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách đãi ngộ, khen thưởng và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng cần có các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên này để luôn đảm bảo phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công việc.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Việc tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và điều chuyển với các tiêu chí rõ ràng, cụ thể và công khai là hết sức quan trọng để tổ chức và quản lý hoạt động của Nhà trường. Trong những năm qua, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên để cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thực hiện tốt nhất. Trường và Khoa luôn quan tâm về việc khảo sát phân tích nhu cầu nhân lực để có cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng nhân viên.

Trước khi ban hành Quyết định về Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm

viên chức giữ chức vụ quản lý, Nhà trường luôn thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp cho Dự thảo từ các đơn vị trong trường [H7.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN và các quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHQN dựa trên quy định chung của Bộ GD&ĐT [H7.07.02.02], [H7.07.02.03]. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,... Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác,...

Trong thời gian qua, Nhà trường và Khoa KT&KT nói riêng cũng đã xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm để công tác quy hoạch đội ngũ viên chức, thực hiện công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp và đánh giá viên chức hàng năm được hiệu quả hơn [H7.07.02.04]. Bên cạnh những công việc được mô tả trong Đề án việc làm, nhân viên còn phải biết một số quy định về kế hoạch đào tạo năm học, lịch trình công việc cũng như một số nội dung quy định về đào tạo để hỗ trợ trong quá trình công tác hàng năm thông qua Sổ tay năm học [H7.07.02.05].

Việc tuyển dụng nhân viên với các chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể được Nhà trường xây dựng và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, website hay bảng tin của Nhà trường. Nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức và danh sách ứng viên trúng tuyển và bổ nhiệm, Nhà trường sẽ công bố công khai [H7.07.02.06].

Đồng thời, tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản đến các đơn vị cụ thể trong Nhà trường [H7.07.02.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai.

Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường cần xây tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.

Bên cạnh đó, Nhà trường cần liên tục hoàn thiện, nâng cấp và cập nhật hệ thống website của Trường và các đơn vị thuộc Trường. Các văn quy định mới và các quyết định cũng cần nhanh chóng được đưa đến các đối tượng liên quan.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Ngay từ khâu tuyển dụng đầu vào, đội ngũ nhân viên được tuyển dụng đã phải đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu được nêu trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN, cũng trong quy chế này cũng đã quy định rất rõ căn cứ, quy trình, nội dung, tiêu chí và thẩm quyền đánh giá phân loại viên chức. Bên cạnh đó, hằng năm, căn cứ vào Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc xác định và đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H7.07.03.01], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03]. Bên cạnh những tiêu chí của Trường, Khoa KT&KT cũng đã xây dựng những tiêu chuẩn riêng để áp dụng đánh giá cho GV và nhân viên trong Khoa [H7.07.03.04]. Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công và cá nhân đăng ký việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và ban lãnh đạo Khoa hoặc đơn vị chức năng đánh giá và xếp loại [H7.07.03.03], [H7.07.03.05], [H7.07.03.06]. Trong quá trình đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên, Trưởng đơn vị

xem xét kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ, phục vụ đào tạo trước khi đánh giá. Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của người học và GV là cơ sở để các đơn vị và đội ngũ nhân viên có những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn [H7.07.03.07]. Kết quả đánh giá viên chức các đơn vị là cơ sở để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm [H7.07.03.08].

Hiện nay Khoa KT&KT có 02 chuyên viên hỗ trợ, phục vụ đào tạo: 01 thư ký và 01 trợ lý, đều có trình độ đại học. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Khoa hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu Lao động tiên tiến [H7.07.03.08]. Trong công tác chuyên môn, đội ngũ nhân viên của Khoa luôn cố gắng học tập, bồi dưỡng chuyên môn, trau dồi kinh nghiệm, đặc biệt đã có 01 chuyên viên được thăng hạng chức danh từ chuyên viên lên chuyên viên chính [H7.07.03.09]. Ngoài các hoạt động chuyên môn, đội ngũ nhân viên của Khoa còn tích cực tham gia các hoạt động NCKH [H7.07.03.10], hoạt động công đoàn và được khen thưởng Liên Đoàn Lao động tỉnh Bình Định, Công đoàn Giáo dục Việt Nam [H7.07.03.11]. Về cơ bản, đội ngũ nhân viên của Khoa KT&KT đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra và được lãnh đạo đánh giá cao [H7.07.03.12].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng đã xây dựng được quy trình, phương pháp đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên cũng đã được xây dựng. Đặc biệt, Khoa KT&KT đã xây dựng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức của Khoa làm căn cứ để đánh giá xếp loại nhân viên.

Trường ĐHQN đã và đang thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc. Đặc biệt, Trường tiến hành các cuộc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Tuy hằng năm Nhà trường có đánh giá, xếp loại viên chức, có xét tặng các danh hiệu thi đua nghiêm túc nhưng vẫn chưa phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên. Nguyên nhân việc này do Nhà trường chỉ thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng nhưng vấn đề phê bình và tự phê bình chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chi tiết hơn để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng đạt kết quả cao hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa KT&KT tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ nhân viên một cách toàn diện.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường, Khoa coi trọng và thực hiện nghiêm túc nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên đáp ứng mục tiêu chung của Nhà trường đã đề ra.

Trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường ĐHQN đã xác định rõ các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức hành chính: đào tạo trình độ đại học, ThS, TS; bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Đồng thời, Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan [H7.07.04.01]. Định kỳ Nhà trường rà soát, xác định và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ viên chức để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02].

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn năm 2030 chỉ rõ kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên bao gồm: Xây dựng đội ngũ chuyên viên và phục vụ đào tạo đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cao đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về đào tạo của Nhà trường; có khả năng tham mưu và chủ động, tích cực, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Nâng cấp đội ngũ viên chức bộ phận phục vụ đào tạo để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới, đảm bảo 100% đội ngũ chuyên viên được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, tin học và ngoại ngữ, trong đó có 20% chuyên viên đủ tiêu chuẩn nâng hạn chuyên viên chính [H7.07.04.03]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Trường đều có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và

đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H7.07.04.04].

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa KT&KT nói riêng luôn được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại Trường hoặc tại các tỉnh, thành trên cả nước [H7.07.04.05]. Nhà trường có phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.06], [H7.07.04.07]. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Trên cơ sở khảo sát, Nhà trường có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên

Nhà trường triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và có chính sách hỗ trợ kinh phí cho nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường tổ chức thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT tiếp tục thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở đó, Khoa xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với đội ngũ nhân viên của Khoa.

Khoa đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân sự nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với chiến lược đào tạo và sự phát triển của Trường ĐHQN. Nhà trường đã ban hành các văn bản trong đó quy định rõ nhiệm vụ của nhân viên phục vụ đào tạo cũng như quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của đơn vị, Khoa KT&KT đã xây dựng Đề án vị trí việc làm của Khoa, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ phục vụ cho đào tạo [H7.07.05.03]. Hằng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể [H7.07.05.04]. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.05].

Trên cơ sở các quy định trên, Trường Khoa chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên dựa trên khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công cho nhân viên theo kế hoạch công tác cũng như được quy định rõ trong đề án vị trí việc làm [H7.07.05.03], [H7.07.05.06]. Kết thúc mỗi năm học, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với nhân viên [H7.07.05.07]. Trên cơ sở Trường khoa đánh giá, phân loại viên chức và người lao động, Nhà trường ban hành công văn thông báo đến các đơn vị kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm [H7.07.05.08]. Kết quả đánh giá hằng năm, đội ngũ nhân viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có nhân viên

nhận được Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam trong 2 năm **[H7.07.05.08]**, **[H7.07.05.09]**.

Trong khuôn khổ xây dựng đề án vị trí việc làm, từng nhân viên của Khoa đã xác định khối lượng công việc cụ thể của từng cá nhân, điều kiện đảm bảo để thực hiện công việc và các phẩm chất năng lực chuyên môn cần thiết để thực hiện tốt các nhiệm vụ của vị trí việc làm đang đảm nhận **[H7.07.05.03]**. Đây chính là cơ sở ban đầu để mỗi nhân viên có trách nhiệm tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành công việc được giao.

Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các quy định về nhiệm vụ của nhân viên, cũng như các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị viên chức hằng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung **[H7.07.05.10]**. Quy trình trên đã giúp Nhà trường đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc. Tỷ lệ nhất trí cao trong các cuộc họp đánh giá, xếp loại viên chức và thi đua khen thưởng cho thấy sự hài lòng về việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên cũng như việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa, Trường đối với nhân viên. Ngoài ra, thông qua các kỳ hội nghị đại biểu công chức, viên chức cấp Khoa, Trường, viên chức và người lao động được tham gia phát biểu ý kiến và được giải đáp đầy đủ các thắc mắc về các chế độ, chính sách của Nhà trường **[H7.07.05.11]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định về nhiệm vụ cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Công tác đánh giá, xếp loại viên chức và công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên, công khai, minh bạch.

Đội ngũ nhân viên Nhà trường được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các quy định đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Nhân viên của Trường hài lòng về công tác theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

Một số nhân viên chưa có kế hoạch làm việc cụ thể do đó còn khó khăn trong việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa KT&KT tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường xây dựng quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, Khoa yêu cầu toàn thể nhân viên trong Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa KT&KT đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường ĐHQN và Khoa KT&KT có cơ chế tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên của Khoa hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường. Trong những năm vừa qua, Nhà trường và Khoa KT&KT đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm nhằm làm căn cứ theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn 7 có 5/5 tiêu chí đạt, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 4/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong các giai đoạn vừa qua, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT luôn chú trọng đến CLĐT cũng như thực hiện nhiều hoạt động hướng đến và hỗ trợ cho SV ngành Kế toán nhằm nâng cao chất lượng đầu ra đáp ứng với các yêu cầu của ngành nghề, xã hội. Nhà trường xây dựng và hoàn thiện chính sách tuyển sinh theo hướng ngày càng phù hợp, rõ ràng và có các tiêu chí, phương thức tuyển sinh đa dạng, công khai, minh bạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các thí sinh mà vẫn đảm bảo đúng quy chế và chất lượng. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa KT&KT cũng có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV hợp lý. Hơn nữa, các hoạt động tư vấn và hỗ trợ SV được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để hỗ trợ cho việc học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp,.. cũng được thực hiện thường xuyên và sôi nổi thu hút được sự tham gia của rất nhiều SV. Song song với các hoạt động trên, Nhà trường đặc biệt quan tâm cải thiện môi trường tâm lý xã hội, sức khỏe, làm cho cảnh quan trong và xung quanh Trường đẹp và tiện ích hơn cho người học.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật hàng năm.

Khoa KT&KT tuyển người học theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường ĐHQN [H8.08.01.01]. Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định và ghi trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường, công bố trên website của Nhà trường, niêm yết tại bảng tin; giới thiệu cho học sinh trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Kontum, Quảng Ngãi,... do Nhà trường tổ chức. Đồng thời, hằng năm, Trường ĐHQN phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh ngay tại Trường dưới hình thức ngày hội tư vấn hướng nghiệp - tuyển sinh và ngày hội tư vấn xét tuyển [H8.08.01.02].

Kết quả trúng tuyển theo các phương pháp xét học bạ, xét điểm thi Trung học phổ thông quốc gia, xét tuyển thẳng vào các ngành của các Khoa đều được công bố rộng rãi, kịp thời và chính xác cho thí sinh. Bên cạnh đó Nhà trường luôn thu thập cơ

sở dữ liệu về số lượng người học thực tế, các báo cáo thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh nhằm phục vụ cho công tác tuyển sinh vào năm sau [H8.08.01.03].

Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh của ngành Kế toán trong 5 năm học gần đây

Năm học	Số lượng được tuyển
2015 – 2016	348
2016 – 2017	271
2017 – 2018	319
2018 – 2019	270
2019 – 2020	220

Chính sách tuyển sinh của ngành Kế toán được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, có sự nghiên cứu, xem xét dựa trên báo cáo phân tích dự báo nhu cầu nhân lực của ngành [H8.08.01.04]. Đồng thời, hàng năm, cùng với Trường, các GV trong Khoa cũng thường xuyên góp ý kiến cho công tác tuyển sinh và tiêu chí lựa chọn người học trong các Đề án tuyển sinh mà Trường đưa ra [H8.08.01.05].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành Kế toán của Khoa KT&KT luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên trên website của Trường ĐHQN, website của Khoa và một số địa chỉ khác. Từ đó, người học luôn có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập ngành Kế toán, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh sự ổn định tương đối về lượng SV ngành Kế toán, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong tuyển sinh nhưng công tác quảng bá ngành học của Khoa vẫn chưa thực sự mạnh mẽ và hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực vào ngành Kế toán.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy các mặt mạnh trong tuyển sinh của Khoa, luôn công khai và cập nhật các thông tin tuyển sinh trên website của Trường và Khoa. Bổ sung chi tiết thông tin về ngành học, môn học mới của ngành để thí sinh và SV có cái nhìn đầy đủ về ngành Kế toán.

Để giải quyết những tồn tại nêu trên, từ năm học 2021-2022, Khoa KT&KT sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học thực hiện một số công việc như sau: (1) Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành Kế toán, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh; (2) Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn, mỗi GV trong Khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết, và tích cực về Khoa, ngành Kế toán cũng như các chuyên ngành khác của Khoa; (3) Lãnh đạo Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học. Đặc biệt là có thể thu hút được ngày càng nhiều các học sinh giỏi, có năng lực vào học ngành Kế toán.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Đối với Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng, việc tuyển chọn người học được xác định là một khâu rất quan trọng góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ đào tạo. Việc tuyển chọn người học được quy định bằng những tiêu chí rõ ràng, cụ thể và với những phương pháp tuyển chọn hợp lý, khoa học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được cập nhật sửa đổi thường niên.

Có nhiều phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường sử dụng như dựa trên xét điểm thi Trung học phổ thông quốc gia, học bạ THPT, hoặc xét tuyển thẳng học sinh có giải thưởng từ các cuộc thi quốc gia/quốc tế. Ngoài ra, Trường ĐHQN còn có quy định rõ ràng về ưu tiên xét tuyển, trong đó các thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia,... tùy theo thành tích sẽ được cộng điểm vào tổng điểm 3 môn xét tuyển. Đối với thủ tục tuyển sinh, thí sinh có thể gửi hồ sơ qua bưu điện, hoặc nộp trực tiếp tại Trường ĐHQN. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Khoa, Trường xác định và ghi rõ trong CTĐT, chính sách tuyển sinh, có tổ chức thi và xét tuyển. Cụ thể là từ năm học 2014-2015 về trước, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức cũ, các ngành của Khoa tuyển thí sinh dự thi khối A, A1, D1 đối với ngành Kinh tế và khối A đối với ngành Kế toán; thí sinh được tuyển dựa vào kết quả thi chung do Bộ GD&ĐT tổ chức. Từ năm học 2015-2016, công tác tuyển sinh của Khoa thực hiện theo chính sách tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT, chuyển sang thi Trung học phổ thông quốc gia, xét tuyển dựa theo kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia [H8.08.02.01].

Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học dựa trên ý kiến các bên liên quan. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường ĐHQN đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa KT&KT cũng luôn có những ý kiến đóng góp về chỉ tiêu tuyển sinh cho ngành Kế toán, về phương pháp lựa chọn người học, cách thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả cho đề án tuyển sinh của Trường [H8.08.02.02].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành thu thập, phân tích dữ liệu tuyển sinh của năm trước, thống kê và phân loại thông tin của thí sinh nộp hồ sơ vào Trường và các thí sinh trúng tuyển như thuộc địa phương, đối tượng ưu tiên, khối ngành học nào,... để rà soát, đánh giá và có sự điều chỉnh hàng năm về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.02.03].

Với các tiêu chí và phương pháp để tuyển chọn người học theo cách mới như trên, ngành Kế toán nói riêng và Khoa KT&KT nói chung đã tuyển được thí sinh đạt các tiêu chí đặt ra và cơ bản đạt chuẩn chất lượng đầu vào.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Kế toán được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác. Đồng thời các tiêu chí và phương pháp này luôn được rà soát, góp ý hàng năm nhằm nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại

Trong những năm qua, thí sinh nhập học vào ngành Kế toán dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia và điểm học bạ thường chỉ xấp xỉ điểm sàn xét tuyển, chất lượng đầu vào chưa cao. Trong khi đó, CTĐT của ngành Kế toán yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số SV không theo kịp CTĐT của Khoa, kết quả học tập chưa cao. Ngoài ra, cần lưu ý nữa là số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp.

4. Kế hoạch hành động

Đẩy mạnh hơn nữa công tác rà soát, góp ý của các bên liên quan đến chính sách tuyển sinh cho ngành Kế toán của Khoa hàng năm. Bổ sung thêm khảo sát ý kiến của đối tượng sử dụng lao động nhằm hoàn thiện công tác tuyển chọn người học cho Khoa.

Bên cạnh đó để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường, trao đổi, thảo luận và đưa ra các giải pháp như sau: đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào ngành Kế toán một cách phù hợp; có phương pháp thích hợp lọc hồ sơ và thí sinh ảo, kêu gọi thí sinh nhập học; có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thể hiện cụ thể, chi tiết qua các mốc chuẩn tham chiếu, các nguồn minh chứng để đánh giá các tiêu chí, cụ thể như sau:

Việc học tập, rèn luyện của người học được đánh giá dựa trên các quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định của Trường ĐHQN và đề cương chi tiết của từng học phần do Nhà trường ban hành [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Công tác giám sát được thực hiện bởi sự phân công của CB chuyên trách phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận phòng ban chức năng theo Quy định chức năng và nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường ĐHQN với các CVHT của Khoa KT&KT [H8.08.03.03], [H8.08.03.04].

Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện theo Đề cương chi tiết đã ban hành. Sự chuyên cần của người học được theo dõi chặt chẽ qua từng tiết học và được thông qua trọng số 10%, kết quả giữa kỳ được đánh giá trên cơ sở các bài kiểm tra/ bài thảo luận nhóm với các mức trọng số 20%, 30% hoặc 40%, kết quả cuối kỳ được đánh giá qua điểm thi kết thúc học phần với các trọng số 70%, 60% hoặc 50% [H8.08.03.05]. Với cách đánh giá này, người học sẽ được giám sát chặt chẽ, chính xác trong mỗi tiết học cũng như trong suốt quá trình học tập của mỗi học phần bởi GV là người trực tiếp giảng dạy học phần

Công tác tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của người học được tiến hành một cách khoa học, nghiêm túc theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN ban hành giúp việc đánh giá được khách quan, chính xác, hình thành thói quen, thái độ học tập tốt, trung thực và nghiêm túc [H8.08.03.06].

Hệ thống giám sát còn được thực hiện thông qua phần mềm quản lý đào tạo mà Nhà trường đã đầu tư trang bị và nâng cấp theo định kỳ. Điều đó giúp cho người học tiếp cận công nghệ và theo dõi tiến độ học tập cũng như kết nối tương tác với CB hỗ trợ học tập một cách nhanh chóng và đạt hiệu quả cao [H8.08.03.07].

Kết quả học tập, rèn luyện của người học được đánh giá thông qua kết quả học tập kết hợp với các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội SV, hoạt động NCKH SV và được xếp loại cụ thể trong bảng xếp loại rèn luyện và được Nhà trường ra quyết định công nhận kết quả từng học kỳ, cuối khoá theo đúng quy định hiện hành của Trường ĐHQN [H8.08.03.08]. Nhằm mục đích khuyến khích, thúc đẩy người học có nhiều tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện, Trường ĐHQN đã dành một phần kinh phí được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ cũng như phối hợp với các tổ chức hỗ trợ học tập cho SV khác để hỗ trợ cho hoạt động này và ra quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV [H8.08.03.09].

Kết quả đánh giá người học còn được thể hiện một cách khách quan, công bằng thông qua việc sau khi người học được thông báo kết quả học tập và rèn luyện, người học có sự phản hồi kết quả cho Khoa KT&KT. Khoa có trách nhiệm kiểm tra tất cả phản hồi của người học và thông tin lại kết quả đến người học [H8.08.03.10].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát phù hợp đã giúp cho việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp GV, CVHT kịp thời nắm bắt được tình trạng học tập và rèn luyện của người học để có thể nhắc nhở, động viên, giúp người học cải thiện kết quả trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm tồn tại

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT&KT tiếp tục cập nhật CTĐT, các quy định, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của ngành Kế toán đến người học hằng năm.

Khoa đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ để người học cập nhật thông tin được kịp thời, phục vụ cho việc học tập và giám sát tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được tiến hành xuyên suốt, liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập của SV ở Trường ĐHQN.

Công tác đón tiếp người học ngay từ khi nhập học được Nhà trường phân công cho các phòng chức năng và các khoa liên quan thực hiện. Người học nhập học được hướng dẫn chu đáo và cụ thể các thủ tục nhập học **[H8.08.04.01]**. Ngay sau khi nhập học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân SV để phổ biến quy chế, quy định đào tạo, chế độ khen thưởng, kỉ luật cũng như các vấn đề liên quan đến quyền lợi học tập, rèn luyện và sức khỏe cho người học. Kết thúc tuần sinh hoạt SV làm bài thu hoạch, sau đó Nhà trường ra Quyết định công nhận kết quả **[H8.08.04.02]**. Nhà trường đã ban hành Quy định về CVHT, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của CVHT và ra quyết định phân công GV làm công tác CVHT trên cơ sở đề nghị của khoa. CVHT là những GV có kinh nghiệm sẽ hỗ trợ, tư vấn cho người học các vấn đề cần thiết liên quan đến học tập như việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, ... và các hoạt động khác thông qua kế hoạch cụ thể **[H8.08.04.03]**. Định kì 1 lần/tháng, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó thông tin cụ thể đến người học tình hình hoạt động của Nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của người học để người học biết và thuận tiện tham gia. Qua đó, CVHT tham dự các buổi sinh hoạt lớp để phổ biến, nhắc nhở, đôn đốc việc học tập và rèn luyện của người học **[H8.08.04.04]**.

Nhà trường đã thành lập Trung tâm hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Câu lạc bộ Kinh tế - Kế toán làm cầu nối giữa người học và doanh nghiệp, tạo cơ hội tiếp cận việc làm cho người học sau tốt nghiệp **[H8.08.04.05]**. Từ khi được thành lập, với sự kết hợp hoạt động của Trung tâm, Đoàn thanh niên và Hội SV, nhiều chương trình ngày hội việc làm, tuyển dụng, SV khởi nghiệp đã được thực hiện tại Trường ĐHQN. Bên cạnh đó, thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp luôn được cập nhật và thông báo kịp thời đến người học **[H8.08.04.06]**. Các hoạt động này đã nâng cao cơ hội tiếp

xúc, định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp cho người học.

Ngoài hoạt động học tập, người học được tham gia rất nhiều các hoạt động thi đua, phong trào do Câu lạc bộ, Đoàn, Hội các cấp trong Nhà trường tổ chức nhằm hỗ trợ kiến thức học tập, hoàn thiện các kỹ năng nghề nghiệp, tăng cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.07].

Nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận với thực tế trên cơ sở những kiến thức đã được trang bị, Khoa KT&KT phối hợp cùng Nhà trường đã kí kết hợp tác với nhiều cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp [H8.08.04.08]. Trong quá trình học tập ở Trường, người học được tham gia thực tập tổng hợp/ thực tập nhận thức thực hiện trong học kỳ 2 năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp thực hiện ở học kỳ 2 năm thứ 4 tại các doanh nghiệp dưới sự phân công hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra tiến độ thực tập của các GV giàu kinh nghiệm [H8.08.04.09]. Thông qua hoạt động thực tập, người học sẽ có cơ hội được tiếp xúc, trải nghiệm thực tế, học hỏi được nhiều kỹ năng, tích lũy kinh nghiệm quan trọng liên quan đến nghề nghiệp.

Việc đánh giá chất lượng đào tạo được thể hiện thông qua sự phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động, kết quả khảo sát tình hình có việc làm của người học sau khi kết thúc chương trình học tập 4 năm tại Trường ĐHQN. Để thu thập thông tin tương đối đầy đủ, Khoa KT&KT kết hợp cùng với Nhà trường tiến hành khảo sát người học hằng năm [H8.08.04.10], [H8.08.04.11]. Việc khảo sát này giúp cho Khoa và Trường từng bước cải tiến, hoàn thiện CTĐT, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn ngành nghề mà người học lựa chọn.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ Trợ lý Khoa, CVHT có kinh nghiệm, trách nhiệm sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho người học trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế.

Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng tốt trong học tập và trong cuộc sống.

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện bằng nhiều hình thức giúp SV ngành Kế toán có cơ hội tiếp cận việc làm sau khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

SV ngành Kế toán chưa chủ động trong việc tiếp cận với GV để trao đổi các nội dung liên quan đến học tập, nghiên cứu và các hoạt động Đoàn, Hội. Việc trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khoá vẫn còn thụ động.

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, đội ngũ phục vụ đào tạo, GV phụ trách thực tập, thực tế chưa thực hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT sẽ tiếp tục tăng cường khuyến khích SV NCKH thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài, tăng thêm các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng mềm. Bên cạnh đó, Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp cần tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng, xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế cho SV khối ngành Kế toán.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường ĐHQN được xem là một trong những ngôi trường có vị trí đẹp nhất Việt Nam, có khuôn viên rộng rãi, kiến trúc đẹp và khá hiện đại. Trường có hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện và nhà luyện tập thể dục thể thao với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn [H8.08.05.01].

Trong tiến trình xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường Đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhấn mạnh triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực trong tư tưởng của toàn thể CB, GV và SV. Trường ĐHQN đã ban hành các quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động; quan hệ ứng xử của người học nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, cởi mở, trung thực, văn minh trong Nhà trường [H8.08.05.02]. Nhà trường cũng đã ban hành các nội quy giảng đường, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá nhằm tạo ra trật tự, kỉ cương và môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện và thoải mái trong khuôn viên Trường. Các quy định, nội quy phòng thí nghiệm, thực hành cũng được ban hành nhằm đảm bảo an toàn cho người học và tạo môi trường làm việc nghiêm túc, tăng hiệu quả của những giờ thực hành thí nghiệm và NCKH [H8.08.05.02].

Để chuẩn bị tốt cho hoạt động học tập, Nhà trường tiến hành kí hợp đồng với các cơ sở y tế có uy tín và thông báo kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho SV. Vấn đề chăm sóc sức khỏe của người học cũng được quan tâm, SV được phổ

biển, trang bị những kiến thức cơ bản để phòng chống những căn bệnh xã hội, đặc biệt là chia sẻ, tư vấn kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho các SV nữ **[H8.08.05.03]**.

Căn tin Trường ĐHQN được đầu thầu và chọn những nhà thầu uy tín, các món ăn phục vụ đa dạng, giá cả hợp lý và đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm **[H8.08.05.04]**. Công tác kiểm tra phòng cháy chữa cháy được kiểm tra định kỳ thường xuyên **[H8.08.05.05]**. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường như thành lập Đội SV tự quản, tự bảo vệ về an ninh trật tự Ký túc xá hàng năm, đồng thời phối hợp với các Cơ quan an ninh của khu vực nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phối hợp kiểm tra công tác SV nội trú, ngoại trú, tổ chức các Hội nghị giao ban công tác quản lý SV nội trú, ngoại trú nhằm nắm bắt tâm lý, hiện trạng xã hội tại nơi cư trú của SV **[H8.08.05.06]**.

Nhà trường, Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong nhà trường hàng năm, đa số SV đều có phản hồi tích cực và hài lòng về môi trường học tập và cảnh quan của trường **[H8.08.05.07]**.

2. Điểm mạnh

Trong môi trường học tập có cảnh quan xanh sạch đẹp, rộng rãi, bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh, an toàn, lành mạnh nhằm tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho GV, SV trường ĐHQN cũng như ngành Kế toán nói riêng. Nhà trường, khoa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ người học một cách tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Không gian làm việc của Khoa KT&KT cũng như các khoa trong Trường bố trí ở khu nhà 15 tầng còn hạn chế, Khoa chỉ có 2 phòng làm việc và chưa có phòng riêng cho các hoạt động Đoàn Hội và gặp gỡ SV.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa KT&KT sẽ tiếp tục tổ chức tuyên truyền phổ biến thường xuyên nếp sống văn minh, giữ gìn và cải thiện cảnh quan nhà trường cho SV của khoa nói chung và ngành kế toán nói riêng trong các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp nhằm tăng cường ý thức cho các em góp phần rèn luyện phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp. Đồng thời, Khoa sẽ đề xuất Nhà trường bố trí thêm phòng tiếp đón SV,

học viên nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ SV, tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, người học và hoạt động hỗ trợ người học được Khoa KT&KT xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo ngành Kế toán nói riêng và các ngành học khác của Khoa nói chung. Chính sách tuyển sinh ngành Kế toán được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Kế toán luôn được xác định rõ ràng, được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Trường ĐHQN và thường xuyên được đánh giá. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học ngành Kế toán phù hợp. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Khối lượng kiến thức học tập của ngành Kế toán được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở mỗi học kỳ. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác được khoa và nhà trường thực hiện linh hoạt, đa dạng, chất lượng và hợp lý nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Khoa và Trường xanh, sạch, đẹp đã góp phần phát huy sự sáng tạo, sự thoải mái cho người học.

Bên cạnh đó, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhưng chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực vào ngành Kế toán. Do đó, dẫn đến chất lượng đầu vào chưa cao, một số SV không theo kịp CTĐT của ngành Kế toán. Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo theo tín chỉ; việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, đội ngũ phục vụ đào tạo, GV phụ trách thực tập, thực tế vẫn chưa thực hiện đầy đủ. SV vẫn còn thụ động khi tham gia các chương trình, hoạt động của Trường, Khoa mà chưa chủ động tìm kiếm, tích lũy kỹ năng cần thiết. Ngoài ra, Khoa vẫn chưa có phòng riêng cho các hoạt động Đoàn Hội hỗ trợ người học.

Trong thời gian tới, để khắc phục những tồn tại, Khoa cần thực hiện một số công việc như luôn công khai và cập nhật các thông tin tuyển sinh trên website của Trường và Khoa; phối hợp cùng với các phòng chức năng bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành Kế toán; tiếp tục cập nhật CTĐT, các quy định, quy chế kiểm tra,

đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của ngành Kế toán đến người học hằng năm. Khoa cũng sẽ đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tin chỉ để người học cập nhật thông tin được kịp thời, bố trí thêm phòng tiếp đón SV, học viên nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ SV, tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 1 tiêu chí đạt mức 4/7 và 4 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHQN có tổng diện tích đất là 24 ha, bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích gần 13,2 ha tại 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm với diện tích gần 11 ha nằm ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị được Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng đảm bảo để thực hiện các hoạt động đào tạo và NCKH của GV và SV. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, hệ thống loa, quạt đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người học. Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng. Hệ thống công nghệ thông tin luôn được nâng cấp đầu tư để đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Khoa KT&KT được trang bị phòng thực hành về Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế góp phần gắn kết đào tạo với thực tiễn, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Thư viện của Trường có hệ thống sách giáo trình, sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí và các nguồn học liệu khác đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu và đào tạo ngành Kế toán nói riêng và Trường ĐHQN nói chung. Trường ĐHQN có cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp; các vấn đề an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự luôn được đảm bảo.

Hằng năm, Nhà trường luôn chú trọng đầu tư, cải tạo, tu bổ hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị, đặc biệt là hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu, nguồn học liệu để đảm bảo cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu; cải tạo cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe, trật tự, an ninh, an toàn cho GV, viên chức và SV.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường có các khu giảng đường: A1, A2, A3, A5, A8, 04 phòng hội thảo, 03 hội trường lớn và nhà 4 tầng với 144 phòng học có tổng diện tích sàn xây dựng là 25.748m², trong đó có 01 Thư viện có 700 chỗ ngồi với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của CB, GV và người học, 30 phòng học có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ ngồi, 101 phòng học có sức chứa từ 50 đến 100 chỗ ngồi, 13 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ ngồi và 2 phòng học đa năng với sức chứa 40 chỗ ngồi cho mỗi phòng học [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, tivi, bảng và có hệ thống điện chiếu sáng, quạt thông gió, wireless internet,... đảm bảo phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, học tập, SV ngành Kế toán sử dụng các phòng học ở các giảng đường và phòng thực hành tin học theo bố trí của Phòng Đào tạo đại học. Ngoài ra, Khoa còn được trang bị 01 phòng thực hành tin học đáp ứng cho nhu cầu thực hành của SV trong Khoa [H9.09.01.02], [H9.09.01.03].

Văn phòng Khoa KT&KT được Nhà trường bố trí tại tầng 11 của nhà 15 tầng với 01 văn phòng, 01 phòng họp và 01 phòng thực hành tin học; Văn phòng khoa và phòng họp được trang bị đầy đủ hệ thống bàn ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính với các phần mềm quản lý, máy in, máy chiếu, internet để phục vụ các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu và trao đổi khoa học với các nhà khoa học trong nước và quốc tế [H9.09.01.02], [H9.09.01.03]. Hệ thống máy tính tại văn phòng Khoa được cài đặt các phần mềm quản lý hoạt động đào tạo như đăng ký tín chỉ, quản lý thi học phần,...

Hệ thống cơ sở vật chất Khoa KT&KT thường xuyên được Nhà trường quan tâm sửa chữa, nâng cấp kịp thời [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].

Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của CB, GV, viên chức và người học về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H9.09.01.06]. Kết quả phản hồi là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh các biện pháp quản lý, bổ sung trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp các phòng học, hội trường, thư viện,... nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Khoa KT&KT có hệ thống phòng làm việc và phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo diện tích theo quy định để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH của GV và SV Khoa KT&KT.

Hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ trang thiết bị, cơ sở vật chất tuy nhiên tiến độ bảo dưỡng, sửa chữa vẫn còn chậm, một số thiết bị của Khoa vẫn chưa được bảo dưỡng và nâng cấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT tiếp tục trang bị thêm cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng dạy và học của GV và SV.

Ngoài ra, Khoa đề nghị Nhà trường cần nâng cao tiến độ bảo dưỡng các trang thiết bị nhằm tránh sự hỏng hóc không cần thiết, sửa chữa kịp thời để đảm bảo quá trình làm việc và học tập của GV và SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Thư viện là đơn vị tổ chức và quản lý các hoạt động thông tin - thư viện, phục vụ công tác đào tạo, NCKH của GV, học viên và SV trong Trường. Thư viện tọa lạc trên khuôn viên phía Đông Nam của Trường ĐHQN, có tổng diện tích sàn xây dựng gần 4.500 m², bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Thư viện có 01 phòng giáo trình, 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 01 phòng đọc thân thiện, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học với tổng cộng khoảng 700 chỗ ngồi [**H9.09.02.01**].

Thư viện mở cửa từ 7h00 sáng đến 17h00 chiều, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu. Nhằm định hướng cho bạn đọc, Thư viện đã gắn các bảng hướng dẫn tra cứu tài liệu tại lối đi hành lang, bên trong các phòng đọc, phòng truy cập internet, trên website của đơn vị, cập nhật nội quy sử dụng Thư viện. Bên cạnh đó, Thư viện cũng tổ chức các hoạt động nhằm xây

dựng phong trào đọc sách và không gian văn hóa đọc bổ ích, thiết thực cho nhiều đối tượng bạn đọc thông qua việc tổ chức Ngày hội Sách hàng năm [H9.09.02.02].

Từ năm 2016, Thư viện đã hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu kèm theo hướng dẫn khai thác cơ sở dữ liệu [H9.09.02.02].

Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Thư viện không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Thư viện đang phục vụ gần 30.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), gần 3.000 luận văn, luận án, đồ án các loại, hơn 70 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài... Hàng năm, danh mục sách giáo trình, sách tiếng anh, sách tham khảo, tập bài giảng được Thư viện gửi về cho Khoa KT&KT để rà soát và cập nhật nhằm bổ sung đầy đủ tài liệu để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và học tập của SV ngành Kế toán [H9.09.02.03].

Với sự chỉ đạo của Ban chủ nhiệm Khoa, các GV thường xuyên cập nhật bài giảng, tích cực đăng ký biên soạn các giáo trình mới phục vụ cho học phần đồng thời hàng năm Khoa cũng rà soát các tài liệu tại thư viện để đăng ký bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của ngành Kế toán [H9.09.02.04]. Nhờ đó, nguồn học liệu của Thư viện luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV ngành Kế toán.

Bên cạnh đó, Thư viện cũng đề xuất các văn bản kế hoạch và dự án đầu tư, đề án cải tiến hàng năm nhằm đổi mới hoạt động, nâng cao hiệu suất phục vụ của Thư viện [H9.09.02.05].

Hàng năm, Thư viện tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng của thư viện về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu đào tạo thông qua việc khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc [H9.09.02.06]. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy GV, SV và học viên đều đồng ý rằng các đầu sách, báo và các tài liệu đáp ứng về cơ bản nhu cầu học tập, tham khảo của người học, quy trình mượn, trả sách và tài liệu khá rõ ràng, hợp lý, 90% bạn đọc đánh giá thư viện có đủ không gian cho học tập và tra cứu tài liệu, đáp ứng đủ tài liệu.

2. Điểm mạnh

Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm, có nội dung, quy định, hướng dẫn được trang bị các thiết bị để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và ngành Kế toán. Hàng năm, thư viện

cũng tiến hành lấy ý kiến đánh giá của GV, SV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện nhằm xây dựng dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện.

3. Điểm tồn tại

Thư viện chưa có hệ thống mượn - trả tài liệu tự động, cách quản lý vẫn còn chưa được hiện đại hóa; nguồn tài liệu, học liệu nước ngoài chưa cập nhật nhanh.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục đầu tư trang bị phần mềm quản lý thư viện hiện đại, xây dựng cổng thông tin điện tử và phát triển tài nguyên số. Ngoài ra, cần thường xuyên bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và Khoa KT&KT nói riêng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

SV ngành Kế toán được sử dụng 01 phòng thực hành tin học ở Nhà 4 tầng nhằm phục vụ cho các học phần sử dụng phần mềm Kế toán của CTĐT, phòng được trang bị 50 dàn máy vi tính với các phần mềm tin học và các thiết bị bao gồm bàn, ghế, máy chiếu, đồ dùng dạy học và hệ thống quạt, điện, điều hòa đảm bảo cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của SV [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Các trang thiết bị trong phòng thực hành tin học được sử dụng hiệu quả, đáp ứng được các chức năng cần thiết khi thực hành của SV, thông qua đó giúp cho SV ngành Kế toán tiếp cận gần hơn với công việc thực tế [H9.09.03.03], [H9.09.03.04].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức kiểm tra định kỳ đối với các trang thiết bị trong các phòng thực hành để tiến hành bảo trì, sửa chữa và nâng cấp để phù hợp với những thay đổi của CTĐT và đã bố trí nhân viên phụ trách, ban hành quy định, hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học, sổ ghi lịch thực hành [H9.09.03.05].

Ngoài ra, Nhà trường cũng luôn quan tâm đến công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, triển khai khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của SV, GV về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thực hành tin học, từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản [H9.09.03.06].

2. Điểm mạnh

Các phòng thực hành tin học, phòng thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của SV. Phòng thực hành tin học luôn có người phụ trách thường xuyên, quá trình quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị luôn được cập nhật hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị phòng thực hành vẫn còn chậm bảo dưỡng, nâng cấp, thiếu phần mềm hiện đại để quản lý các thiết bị chung.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT Khoa sẽ rà soát, đánh giá toàn bộ các thiết bị thực hành, xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường thay thế các thiết bị đã cũ.

Nhà trường đầu tư trang bị thêm phần mềm quản lý hiện đại để giúp người phụ trách phòng thực hành có thể theo dõi dễ dàng hơn với quá trình học và sử dụng trang thiết bị của phòng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHQN đã cung cấp đầy đủ hệ thống máy tính để phục vụ hoạt động đào tạo người học chủ yếu để thực hành tin học, khai thác tư liệu tại thư viện và hoạt động của các phòng ban. Ngoài ra, khoa KT&KT được cung cấp một phòng máy riêng để phục vụ thực hành ngành Kế toán - Kiểm toán. Hệ thống mạng truyền dẫn, các phần cứng, phần mềm và các đường truyền Internet được đầu tư hiện đại, phù hợp và ổn định [**H9.09.04.01**].

Quá trình sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin đều được ghi chép trong các sổ theo dõi để cập nhật, quản lý quá trình sử dụng cũng như quản lý hệ thống thiết bị công nghệ thông tin chặt chẽ. Phòng máy dành cho Khoa KT&KT hoạt động ổn định, an toàn và được ghi chép, quản lý quá trình sử dụng cẩn thận [**H9.09.04.02**].

Nhà Trường luôn định kỳ kiểm kê, bảo dưỡng, đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin. Nhà Trường đều trang bị email công vụ cho các viên chức, GV. Ngoài ra, Nhà Trường sử dụng các phần mềm có bản quyền; các phòng học đều

có máy chiếu, micro, loa để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH, học tập. Toàn bộ các công thông tin, hệ thống email, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng đảm bảo [H9.09.04.03].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có trách nhiệm duy trì hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Các CB của trung tâm được giao chức năng và nhiệm vụ rõ ràng để phụ trách hệ thống mạng, hệ thống máy tính, phần mềm,... với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả. [H9.09.04.04].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hệ thống công nghệ thông tin của trường. Nội dung khảo sát này được lồng ghép trong các khảo sát như khảo sát về chất lượng ngành học, mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ đào tạo, ý kiến về CTĐT,... Kết quả cho thấy về cơ bản viên chức, GV và người học hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường và đánh giá hệ thống công nghệ thông tin về cơ bản đáp ứng tốt các hoạt động học tập và nghiên cứu cũng như các hoạt động khác trong nhà trường [H9.09.04.05].

2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin về cơ bản đáp ứng được yêu cầu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các ngành đào tạo nói chung và ngành Kế toán nói riêng, khi có sự cố được hỗ trợ, khắc phục tương đối kịp thời. Nhà trường có các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng đồng thời hoạt động đầu tư mới hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin được chú trọng.

Toàn trường đã được phủ sóng wifi, tạo điều kiện rất thuận lợi cho CB, GV, SV trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy

Nhà trường đã thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính đã cũ, cấu hình thấp nên hiệu năng sử dụng không cao. Bên cạnh đó, trong một số trường hợp thời gian sửa chữa thiết bị còn hơi lâu. Chất lượng wifi ở một số khu vực và trong một số thời điểm còn chưa tốt.

Nhà trường đã triển khai đề án dạy học trực tuyến nhưng chưa hoàn thành.

Hệ thống phần mềm phục vụ đào tạo cho ngành Kế toán cập nhật chậm hơn so với thực tế thị trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, đề nghị Nhà Trường triển khai các hoạt động sau:

Nhà Trường duy trì sự ổn định và an toàn, thực hiện cập nhật và hiện đại hóa, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin định kỳ.

Nhà Trường cần triển khai đề án dạy học trực tuyến, đầu tư trang bị thiết bị dạy học trực tuyến, nâng cấp chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực còn yếu.

Nhà Trường tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp và sửa chữa thiết bị kịp thời phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Nhà Trường tạo điều kiện cập nhật những phần mềm chuyên ngành Kế toán phù hợp với thực tế.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Bên cạnh các quy định chung của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trường ĐHQN cũng đã ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn **[H9.09.05.01]**.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ như tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thành lập ban chỉ đạo và đội phòng cháy chữa cháy của trường. Nhà trường đã phối hợp với phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ. Các thiết bị phòng cháy chữa cháy trang bị đầy đủ và chất lượng. Nhà trường thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của các theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế **[H9.09.05.02]**.

Hằng năm, nhà trường đều khám sức khỏe định kỳ cho SV và viên chức, GV. Tất cả các SV đều tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc hàng năm. Trạm y tế đáp ứng yêu cầu về y tế cơ bản trong trường. Từ năm học 2018-2019, nhà trường đã đầu tư hệ thống nước lọc phục vụ nước uống tinh khiết cho SV tại khu vực giảng đường, thư viện và kí túc xá. Trường cũng có các văn bản hướng dẫn để xử lý các trường hợp xảy

ra hằng năm để bảo đảm sức khỏe, an toàn cho người học, viên chức và GV. **[H9.09.05.03].**

Môi trường, cảnh quan của Trường ĐHQN luôn xanh, sạch, đẹp, và an toàn. Cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ được trồng và chăm sóc chu đáo nhằm tạo không gian thoáng mát, trong lành. Nhà trường hợp đồng với doanh nghiệp để thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, đặc biệt là chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Nhà trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo quản lý chất thải nguy hại. Hằng năm, trường đều hợp đồng với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn tổ chức phun hóa chất diệt côn trùng, diệt muỗi trong phạm vi toàn trường **[H9.09.05.04].**

An ninh, an toàn giao thông trật tự luôn được Nhà Trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Nhà Trường có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hằng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Nhà trường đã phối hợp tốt với công an phường Nguyễn Văn Cừ và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực Trường **[H9.09.05.05].**

Hằng năm, Nhà Trường luôn tổ chức các buổi tổng kết, báo cáo tổng kết, sơ kết việc thực hiện các hoạt động liên quan đến môi trường, sức khỏe, an toàn trên các khía cạnh như an ninh trật tự kí túc xá, an toàn giao thông, công tác sức khỏe và an toàn cho người học, viên chức và GV **[H9.09.05.06].**

Nhà Trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng môi trường, an toàn, sức khỏe để có các giải pháp hoàn thiện ngày càng tốt hơn **[H9.09.05.07].**

2. Điểm mạnh

Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn do CSGD ban hành theo quy định hiện hành đầy đủ, rõ ràng, phù hợp.

Nhà Trường luôn quan tâm đến công tác môi trường, an toàn sức khỏe, an toàn và xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp.

Nhà trường đã chú trọng đến lấy và tổng kết ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để có những điều chỉnh, kế hoạch hợp lý để đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

3. Điểm tồn tại

Các chính sách quan tâm đến người khuyết tật ở trường ĐHQN còn hạn chế.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường, an toàn, sức khỏe còn chưa đầy đủ đặc biệt nhu cầu đặc thù của người khuyết tật chưa được lưu ý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường cần triển khai các hoạt động như sau:

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự.

Nhà trường triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật; thực hiện sửa chữa, cải tạo các khu vực ra vào khu làm việc, giảng đường, thư viện, ký túc xá phù hợp với việc di chuyển của SV khuyết tật.

Nhà trường cần lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường, an toàn và sức khỏe đầy đủ và đúng quy trình trong có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Khoa KT&KT đã được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành Kế toán. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Kế toán; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là nguồn tài liệu tiếng nước ngoài; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH; Các phòng thực hành tin học với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu; Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CB, GV và SV rèn luyện sức khỏe; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CB, GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu.

Tuy nhiên, bên cạnh đó Nhà trường cần khắc phục một số hạn chế về cách quản lý của Thư viện chưa được hiện đại hóa. Thư viện chưa có hệ thống mượn - trả tài liệu tự động; nguồn tài liệu nước ngoài chưa được cập nhập nhanh. Một số máy tính, thiết bị, phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy và học đã cũ cần được bảo dưỡng, nâng cấp và thay mới kịp thời để phục vụ tốt hơn. Ngoài ra, tại một số khu vực, chất lượng wifi vẫn còn yếu, tuy đề án dạy học trực tuyến đã được Nhà trường triển khai nhưng vẫn

chưa hoàn thành. Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, cảnh quan, an toàn còn chưa đầy đủ, đặc biệt nhu cầu đặc thù của người khuyết tật vẫn chưa được lưu ý.

Trong thời gian tới, Khoa KT&KT phối hợp với các phòng chức năng của Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp và sửa chữa thiết bị kịp thời phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Vận dụng các biện pháp nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong công tác đào tạo và nghiên cứu. Đề nghị Nhà trường triển khai xây dựng dự án thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số, kết hợp với thường xuyên bổ sung nguồn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành Kế toán nói riêng. Ngoài ra, Nhà trường cần đảm bảo chất lượng wifi tại một số khu vực nhất định để tránh ảnh hưởng đến công tác dạy và học; chú ý hơn đến lấy phản hồi các bên liên quan về môi trường, an toàn, sức khỏe và các chính sách liên quan đến người khuyết tật.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 6/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Việc nâng cao chất lượng trong GDDH là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của một trường đại học. Do vậy, nhiều năm qua, Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng đều rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng các ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống. Dựa trên các quy định do Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN ban hành, kết hợp với việc tiếp nhận thông tin phản hồi của các bên có liên quan (GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng), Nhà trường và Khoa KT&KT đã thường xuyên rà soát, cập nhật, cải tiến, phát triển CTĐT nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Bên cạnh đó, Trường và Khoa còn áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và xã hội.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động là các doanh nghiệp, SV đang học, cựu SV, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành

và CB quản lý được Khoa sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH ngành Kế toán trình độ đại học.

CTDH ngành Kế toán được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao CLĐT và đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế và điều chỉnh chương trình dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường ĐHQN [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Trong quá trình thực hiện hoạt động giảng dạy, Nhà trường luôn có kế hoạch và tích cực thu thập, lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV, chuyên gia, nhà sử dụng lao động,... nhằm liên tục cải tiến chất lượng CTDH [H10.10.01.03].

Trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH, Khoa luôn chủ động tiến hành khảo sát các bên liên quan, ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng và cựu SV trong Hội thảo góp ý về CTĐT ngành Kế toán, được làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán [H10.10.01.04]. Hàng năm Trường và Khoa còn thường xuyên thực hiện lấy ý kiến SV năm cuối về CTĐT, các kết quả thu thập từ phản hồi được Nhà Trường xử lý và tổng hợp trong các báo cáo về ý kiến phản hồi [H10.10.01.05]. Ngoài ra, Khoa đã tiến hành xây dựng, điều chỉnh CTĐT dựa trên việc so sánh với các CTĐT trên thế giới, cũng như lấy ý kiến các GV có kinh nghiệm của Khoa để Hội đồng Khoa, các ý kiến phản hồi được thảo luận nhằm cải tiến CLĐT, phát triển CTDH thông qua các buổi họp Hội đồng Khoa [H10.10.01.06].

Sau các đợt thực tập thực tế của SV tại các doanh nghiệp, thông qua Nhật ký thực tập và nhận xét từ các đơn vị thực tập giúp Khoa có cái nhìn về yêu cầu thực tế đối với CDR và CTĐT của ngành Kế toán để từ đó có những điều chỉnh phù hợp hơn [H10.10.01.07]. Bên cạnh đó để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, tiếp thu kinh nghiệm, kiến thức thực tế, Khoa còn thường xuyên cử CB, GV tham gia các hội nghị chuyên đề, chương trình tập huấn về các học phần trong ngành Kế toán [H10.10.01.08].

Cuối cùng, Khoa cũng xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV thông qua nhiều hình thức: internet (website, facebook,...), các buổi lễ kỷ niệm thành lập Khoa và Trường, hay các mối quan hệ xã hội khác nhằm nắm bắt thông tin và nhu cầu của các bên liên quan về CTDH [H10.10.01.09].

Đồng thời, Khoa cũng tổ chức các cuộc họp tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp, từ đó làm cơ sở cho việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.10].

2. Điểm mạnh

Hiện nay Nhà trường đã có hệ thống thu thập thông tin phản hồi online nên việc thu thập thông tin sẽ được thuận lợi hơn nhiều so với trước đây. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện liên kết với doanh nghiệp thông qua cựu SV nhằm mở rộng liên hệ hỗ trợ cho việc thu thập thông tin.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi đang được thực hiện theo yêu cầu của Nhà trường, còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT sẽ chủ động thực hiện thu thập thêm thông tin từ các bên liên quan. Trong các buổi sinh hoạt lớp, CVHT các lớp sẽ tăng cường việc tuyên truyền nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường. Khoa sẽ tăng cường khảo sát, tổ chức các hội nghị với các SV đã tốt nghiệp cũng như nhà sử dụng lao động để nắm rõ hơn nhu cầu nhân lực của xã hội, từ đó đảm bảo sự tương thích và phù hợp của CTĐT với thực tế.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật, phát triển CĐR, CTĐT của ngành Kế toán đảm bảo đúng theo quy trình và quy định của Trường ĐHQN và Bộ GD&ĐT. Cập nhật những xu hướng mới về CTĐT và đảm bảo được sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan là yếu tố không thể thiếu trong việc tạo tính phù hợp của ngành học với nhu cầu xã hội.

Trong những năm qua, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán đã được Khoa KT&KT thực hiện theo các kế hoạch, quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN [H10.10.02.01].

CTDH ngành Kế toán được thiết kế và phát triển theo xu hướng và cách tiếp cận phát triển Giáo dục hướng đến CĐR - Outcomes-based Education (OBE) với nguyên lý nhấn mạnh vai trò trung tâm của CĐR và mối liên kết giữa các thành phần của CTDH. Dạy học theo cách tiếp cận phát triển năng lực đầu ra là hướng vào hình

thành ở người học hệ thống năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm và xã hội thông qua CDR. Đây là một giải pháp nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu xã hội trên cơ sở xác định CDR để thiết kế chương trình và phương pháp đào tạo theo một quy trình khoa học. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTĐH của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN, đồng thời tiếp thu ý kiến các bên liên quan bao gồm: SV và cựu SV, nhà tuyển dụng, GV, Khoa xác định CDR của CTĐT ngành Kế toán, thiết kế CTĐT dựa trên CDR, thực hiện CTĐT và đánh giá CTĐT [H10.10.02.02], [H10.10.02.03].

Theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường từ năm 2015, Khoa đã tiến hành tổ chức rà soát, đánh giá, sửa đổi và cập nhật CTĐT ngành Kế toán hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.02.01]. Trong mỗi lần cập nhật điều chỉnh CTĐH, Khoa đều mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các đơn vị có sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa, GV và CB quản lý các cấp tham gia vào thảo luận, góp ý sửa đổi CTĐT [H10.10.02.03]. Ngoài ra, các ý kiến phản hồi của SV năm cuối về CTĐT về CTĐT các học phần cũng là cơ sở quan trọng cho việc điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả của chương trình. Điều này được thể hiện trong Bản báo cáo tự đánh giá của Trường ĐHQN và các báo cáo của các cuộc khảo sát SV [H10.10.02.04], [H10.10.02.05].

Hội đồng khoa Khoa KT&KT sẽ tiến hành họp và thảo luận để thống nhất điều chỉnh, cập nhật, phát triển CTĐH sau khi tiếp nhận các ý kiến đóng góp của các bên liên quan về đánh giá tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CDR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy, mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT,...). Theo văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa tiến hành biên soạn các đề cương chi tiết cụ thể từng học phần, giáo trình đáp ứng CDR. Việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT có sự đối sánh với các CTĐT chuyên ngành Kế toán của các trường đại học nước ngoài có uy tín, Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính sư phạm, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT [H10.10.02.06], [H10.10.02.07], [H10.10.02.08].

Theo quy định chung về giờ chuẩn giảng dạy của Nhà trường, Khoa cũng tiến hành lập danh sách và đề nghị các GV tiến hành đăng ký viết giáo trình phù hợp với CDR vừa cập nhật để phục vụ việc học tập của SV. [H10.10.02.09].

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt

động khảo sát ý kiến GV và các bên liên quan về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo CLĐT, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Kết quả khảo sát SV về CTĐT trong những năm qua cho thấy phần lớn SV của Khoa hài lòng về CTĐT cũng như sự đổi mới liên tục của CTĐH đáp ứng kịp thời với nhu cầu xã hội [H10.10.02.05], [H10.10.02.10].

2. Điểm mạnh

CTĐT và CTĐH ngành Kế toán được thực hiện đúng quy trình, quy định, có sự rà soát, đánh giá và thường xuyên cải tiến theo định kỳ nhằm nâng cao CLĐT, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần chưa biên soạn giáo trình kịp thời để đáp ứng nhu cầu của người học. Hệ thống giáo trình, học liệu tham khảo sử dụng chủ yếu của các trường đại học trong nước. Hơn nữa, hiện tại vẫn chưa có các thiết bị hỗ trợ thực tế cho các GV của Khoa để hướng dẫn người học tiếp cận các phương pháp học tập hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Khoa KT&KT sẽ tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình và tăng cường đăng ký viết, xuất bản các giáo trình để phục vụ nhu cầu của người học. Đồng thời, xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học. Bên cạnh đó, Khoa sẽ tiếp tục đánh giá và thu nhập thông tin liên quan phục vụ cho việc cập nhật, điều chỉnh CTĐT theo định kỳ nhằm nâng cao CLĐT, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Ngoài ra, hệ thống chương trình, tài liệu giảng dạy sẽ tiếp tục cập nhật thường xuyên các chuẩn mực kế toán ban hành. Định hướng CTĐT trong thời gian tới theo hướng tiệm cận với chuẩn mực kế toán quốc tế, tiếp tục tăng cường hợp tác với tổ chức ACCA.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả

Trường ĐHQN ban hành quy định, hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.01]. Trường ban hành quy định kế hoạch đào tạo hệ đại học chính quy để đầu năm học gửi kế hoạch năm

học chung đến các Khoa. Đầu học kỳ, Trường gửi thông báo đăng ký học tín chỉ đến SV và hướng dẫn cách đăng ký môn học trên trang <http://tinchi.qnu.edu.vn> [H10.10.03.02]. Cuối học kỳ, Trường gửi thông báo lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV để cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học. Kết thúc học kì, Trường gửi thông báo xét kết quả học tập đến Khoa, SV để nhận phản hồi nếu có vấn đề phát sinh [H10.10.03.03].

Trường ban hành quy định cụ thể về rà soát, đánh giá phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo tương thích và phù hợp với CDR. Trên cơ sở này, Khoa họp thông qua các vấn đề liên quan đến dạy học, lập ngân hàng đề thi, chấm thi,... triển khai cụ thể đến từng GV. Từ năm học 2018 – 2019, Khoa là đơn vị đi đầu trong triển khai lập ngân hàng đề thi, chấm điểm tập trung tại văn phòng khoa, chấm thi cuối kỳ qua 02 vòng độc lập. [H10.10.03.04].

Cuối học kỳ, Trường lập ban tổ chức thi kết thúc học phần. Đánh giá kết quả học tập được tiến hành nghiêm túc từ khâu ra đề, tổ chức thi, chấm thi theo biểu mẫu quy định của Trường. Kết thúc mỗi kỳ thi, Nhà trường tổ chức họp tổng kết, đánh giá công tác tổ chức coi thi, ra đề, in sao đề thi, chấm thi,... để rút kinh nghiệm và cải tiến chất lượng công tác đánh giá kết quả học tập SV phù hợp hơn [H10.10.03.05].

Để đảm bảo sự tương thích giữa quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập, đầu mỗi năm học Trường đều lên kế hoạch thanh tra năm học nêu rõ trách nhiệm giữa các phòng ban và Khoa. Cuối mỗi năm học, Trường thực hiện báo cáo thanh tra năm học nhằm phát hiện các vấn đề còn tồn tại, từ đó hoàn thiện các biện pháp cải tiến trong năm học tiếp theo [H10.10.03.06].

Trường thu thập dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy – học và kết quả học tập thông qua phần mềm khảo sát người học. Dựa trên các phiếu thu về, Trường lập báo cáo kết quả phản hồi của SV [H10.10.03.07], [H10.10.03.08].

Khoa tập trung nâng cao, đổi mới giảng dạy, học tập, NCKH,... Toàn thể GV nỗ lực đổi mới giảng dạy, tổ chức seminar trao đổi kinh nghiệm, chủ trì hội thảo khoa học cấp quốc gia và đồng tổ chức với nhiều đơn vị có uy tín chuyên môn trong cả nước [H10.10.03.09].

Các hoạt động diễn ra liên quan đến quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học của Khoa đều gắn liền với kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục do Trường ban hành [H10.10.03.10].

2. Điểm mạnh

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát thường xuyên theo từng học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV tuy được Nhà trường thực hiện thường xuyên nhưng chưa thu thập được ý kiến đánh giá đối với 100% học phần. Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát ý kiến SV; Phòng CTCTSV tăng cường việc nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Đối với Khoa KT&KT, CVHT tăng cường nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường. Khoa tập huấn phương pháp giảng dạy cho GV; các bộ môn dự giờ giảng, đặc biệt là GV trẻ để góp ý nâng cao chất lượng giảng dạy. Bên cạnh đó, tiếp tục phát huy lợi thế của Khoa là lực lượng GV nhiệt tình, năng động, chuyên môn tốt, ý thức trách nhiệm cao trong xây dựng và đóng góp quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Hoạt động giảng dạy và NCKH luôn song hành với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà Trường đã xây dựng Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo 2015-2020, xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 và đã ban hành văn bản Quy định “Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN” [H10.10.04.01], [H10.10.04.02], [H10.10.04.03]. Cụ thể, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là GV trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH. Nhiều GV là chủ nhiệm đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Trường,... [H10.10.04.04], [H10.10.04.05]. Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Khoa KT&KT đã

thực hiện 2 đề tài NCKH cấp NN, 2 đề tài NCKH cấp Bộ và 16 đề tài NCKH cấp Trường được trình bày tại Bảng 10.4.1.

Bảng 10.4.1: Thống kê đề tài NCKH của GV Khoa KT&KT

STT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng cộng
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	1	2
2	Đề tài cấp Bộ	1	1	0	1	5	8
3	Đề tài cấp Trường	6	7	8	6	5	16
Tổng cộng		4	7	8	8	7	11

Các đề tài cấp Bộ đều gắn liền với sản phẩm đào tạo, mỗi đề tài ít nhất đào tạo 01 ThS hoặc 01 NCS. Đối với các đề tài NCKH cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo, NCKH cho GV và SV trong Khoa [H10.10.04.06].

Bên cạnh việc thực hiện đề tài NCKH, GV của Khoa còn thường xuyên công bố bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, đặc biệt nhiều GV có công bố trong các tạp chí ISI và Scopus có uy tín trên thế giới. So với quy định chung của cả nước và so với quy định hiện hành về giờ chuẩn NCKH của Trường và của Bộ GD&ĐT, thì số lượng và chất lượng công bố khoa học của các GV Khoa là khá cao. Đồng thời hoạt động NCKH còn hỗ trợ đắc lực cho các GV trong Khoa nâng cao kiến thức, tăng cường bổ sung biên soạn bài giảng, sách,... phục vụ hoạt động dạy và học [H10.10.04.07].

Khoa KT&KT còn rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, cụ thể 20% SV học ngành Kế toán tham gia hoạt động NCKH thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp [H10.10.04.08]. Cùng với đó, GV của Khoa còn tích cực khuyến khích và tạo điều kiện để người học tham gia hoạt động NCKH thông qua việc hướng dẫn SV thực hiện NCKH. Số lượng SV đăng ký tham gia hoạt động NCKH ngày càng tăng và đạt được các giải trong các cuộc thi NCKH cấp Trường hay cấp Bộ. Từ năm học 2015-2016 cho đến năm học 2019-2020, SV của Khoa đã thực hiện 45 đề tài NCKH cấp trường với kết quả thể hiện trong Bảng 10.4.2 [H10.10.04.09].

Bảng 10.4.2. Thống kê đề tài NCKH của SV Khoa KT&KT

Năm học	Số đề tài	Cấp Trường			Cấp Bộ		
		Nhất	Nhì	Ba	Nhất	Nhì	Ba
2015-2016	4		1				
2016-2017	13		2	1			
2017-2018	13	1	1	1			
2018-2019	9	1		1			1
2019-2020	6	1	1			1	
Tổng cộng	45	3	5	3	0	1	1

Ngoài ra, Khoa cũng đã tham gia tổ chức thành công các hội nghị, hội thảo chuyên ngành về Kế toán. Khoa cũng thực hiện ký kết các biên bản hợp tác với các đơn vị về tăng cường trao đổi nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ GV và năng lực học, kỹ năng cho SV [H10.10.04.10].

2. Điểm mạnh

Khoa đã có phong trào NCKH rất mạnh, huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong Khoa cũng như các em SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng. Thông qua NCKH, SV hòa nhập tốt với công việc nghiên cứu và vận dụng trong môi trường làm việc ngành Kế toán.

3. Điểm tồn tại

Phần lớn các đề tài NCKH SV chỉ mới dừng lại ở mức độ đọc hiểu vì thông thường các SV năm thứ 3 mới được tuyển chọn để bắt đầu làm NCKH thực sự. Do đó các đề tài NCKH SV chưa thực sự có đóng góp lớn trong việc sáng tạo kết quả mới.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KT&KT sẽ chủ động xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh kết hợp giữa GV và SV. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT sẽ tiếp tục tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình và tăng cường đăng ký viết, xuất bản các giáo trình để phục vụ nhu cầu của người học; xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ GV và SV, Trường ĐHQN đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ **[H10.10.05.01]**.

Các đơn vị chức năng triển khai nhiều hình thức lấy ý kiến qua kênh phiếu khảo sát, sinh hoạt lớp, tổ chức đối thoại giữa SV với Hiệu trưởng đã thu thập được nhiều thông tin đề xuất, phản ánh xác đáng liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ **[H10.10.05.02]**. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập **[H10.10.05.03]**.

Hàng năm Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại cơ sở vật chất của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo. Việc này được Nhà trường và Khoa tổ chức thực hiện hàng năm nhằm đánh giá một cách tổng quát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập **[H10.10.05.04]**.

Nhà trường thường xuyên cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ Thư viện như triển khai mua phần mềm, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, cải tiến chất lượng dịch vụ **[H10.10.05.05]**. Để nâng cao chất lượng phòng thực hành Khoa thường xuyên rà soát và kiến nghị Nhà trường đầu tư, cải tiến các trang thiết bị phòng thực hành, giáo trình đáp ứng CTĐT của Khoa triển khai lắp đặt hệ thống wifi cho KTX; ký hợp đồng với công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện phần mềm Cổng thông tin điện tử, phần mềm đồng bộ dữ liệu E-Learning, phần mềm Tạp chí Khoa học online, phần mềm quản trị nhân sự và phần mềm kế toán thù lao giảng dạy; triển khai việc lắp đặt thêm máy lọc nước sạch tại các giảng đường, Nhà luyện tập thể dục thể thao, Trạm y tế, Thư viện **[H10.10.05.06]**, **[H10.10.05.07]**, **[H10.10.05.8]**, **[H10.10.05.9]**. Ngoài ra Nhà trường tổ chức đấu thầu bộ phận giữ xe của Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi xe ra vào Trường nhằm tăng cường nguồn đầu tư, nâng cao chất lượng phục vụ cho GV và SV **[H10.10.05.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa luôn quan tâm, đầu tư các thiết bị tin học, hệ thống mạng, phần mềm học tập. Hệ thống phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin được

trang bị trang thiết bị đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thực hiện tốt cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời và thường xuyên do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Các thiết bị phòng thực hành chưa được thường xuyên bảo dưỡng. Chất lượng dịch vụ của Thư viện còn hạn chế, chưa hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Trường ĐHQN sẽ tiếp tục đáp ứng các nhu cầu về cơ sở vật chất để nâng cao CLĐT như duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên phòng thực hành. Xây dựng thư viện điện tử để SV và GV có thể tiếp cận nguồn tài liệu từ nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Tại Trường ĐHQN, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống. Được thành lập theo Quyết định số 1301/QĐ-ĐHQN của Hiệu trưởng Trường ĐHQN ngày 23/10/2009, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng của Trường ĐHQN là đơn vị chịu trách nhiệm về việc tổ chức, triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng, hoàn thiện hệ thống các loại phiếu khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát cho Bộ GD&ĐT cũng như Hiệu trưởng; tiếp nhận và xem xét các kết quả phản hồi để đánh giá chất lượng giáo dục cấp CTĐT và cấp Trường theo định kỳ cũng như xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.06.01]. Dựa vào các văn bản hướng dẫn về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ra các quyết định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi mang tính hệ thống, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của đào tạo [H10.10.06.02]. Trước đây, việc khảo sát thường được thực hiện thông qua việc phát các phiếu hỏi; tuy nhiên trong những năm trở lại đây, Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống khảo sát online qua phần mềm khảo sát E-survey, tài khoản cá nhân của SV

[H10.10.06.03], [H10.10.06.04]. Sự đa dạng của công cụ khảo sát giúp việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan dễ dàng hơn, độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật, có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều năm.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan luôn được Trường quan tâm, đánh giá, xem xét. Hằng năm, Nhà trường đều đưa ra các thông báo, kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Sau khi khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng đều có văn bản báo cáo, đánh giá về công tác khảo sát kết quả phản hồi của các bên liên quan cùng với các đề xuất, kiến nghị đối với Nhà trường nhằm cải tiến công tác này trong thời gian tới. Các nội dung khảo sát mà Nhà trường và Khoa thực hiện bao gồm khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm; khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; khảo sát ý kiến cựu người học, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát sự hài lòng của người học về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo **[H10.10.06.05], [H10.10.06.06], [H10.10.06.07], [H10.10.06.08], [H10.10.06.09], [H10.10.06.10]**. Đặc biệt, năm 2019-2020, Nhà trường còn tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và SV để Nhà trường có thể nhanh chóng nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc của SV **[H10.10.06.11]**. Ngoài ra, định kỳ Khoa KT&KT còn tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Kế toán để có cơ sở xây dựng, đổi mới CTĐT ngành Kế toán theo hướng ứng dụng, đáp ứng được nhu cầu nhân lực cho xã hội **[H10.10.06.12]**. Khoa cũng quan tâm thu thập thông tin phản hồi của người học thông qua các buổi sinh hoạt lớp; các buổi họp, gặp gỡ trực tiếp với các CVHT, ban cán sự, CB Hội, CB Đoàn của các lớp để kịp thời nắm bắt các khó khăn, nguyện vọng của các em SV về công tác dạy và học để có thể đáp ứng nhu cầu của người học trong Khoa **[H10.10.06.13], [H10.10.06.14]**.

Sau khi tiếp nhận các ý kiến phản hồi, Nhà trường thường xuyên họp bàn, thảo luận để đưa ra các cải tiến nhằm nâng cao CLĐT và các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của người học. Mỗi năm, Trường ĐHQN đều đưa ra kế hoạch đảm bảo chất lượng cho năm học đó nhằm nâng cao CLĐT trong Nhà trường **[H10.10.06.15]**. Đặc biệt, việc điều chỉnh, phát triển CTĐT nhằm cải tiến CLĐT luôn được chú trọng quan tâm. Theo đó, Nhà trường và Khoa định kỳ đã ra các kế hoạch, quyết định nhằm rà soát, đánh giá, cập nhật và xây dựng CTĐT các ngành trong Trường nói chung và ngành Kế toán nói riêng **[H10.10.06.16], [H10.10.06.17]**,

[H10.10.06.18]. Mỗi lần cập nhật CTĐT đều có sự tham gia của các chuyên gia, người học, các GV và CB quản lý các cấp nhằm đảm bảo tính sư phạm, chất lượng chuyên môn, mức độ khả thi của CTĐT. Ngoài việc chỉnh sửa CTĐT, Khoa KT&KT còn tổ chức các buổi trao đổi, seminar, hội thảo nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của ngành Kế toán; tổ chức các chương trình nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho SV ngành Kế toán **[H10.10.06.19]**, **[H10.10.06.20]**. Bên cạnh đó, các dịch vụ hỗ trợ khác như phần mềm, trang thiết bị, thư viện, điện, internet, nước sạch,... cũng được nhà Trường quan tâm cải tiến nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của người học **[H10.10.06.21]**, **[H10.10.06.22]**, **[H10.10.06.23]**.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Trường ĐHQN quy định bằng văn bản, có tính hệ thống.

Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng đã xây dựng hệ thống khảo sát online nên việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được diễn ra thường xuyên, liên tục và dễ dàng hơn. Đây là cơ sở giúp các ý kiến phản hồi luôn được đánh giá và cải tiến kịp thời, có hệ thống; từ đó giúp cải tiến CTĐT cũng như chất lượng các dịch vụ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và các bên liên quan.

Kết quả phản hồi của các bên liên quan luôn được đánh giá, cải tiến thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình vận hành phần mềm khảo sát online, ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV ở các học phần.

Các đối tượng khác có liên quan như cựu SV, nhà sử dụng lao động chưa nhiệt tình tham gia khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường sẽ tiếp tục hoàn thiện các công cụ khảo sát để thu thập thông tin đầy đủ hơn. Đồng thời, duy trì việc đánh giá, xem xét các phản hồi; thường xuyên cải tiến CTĐT và các dịch vụ tiện ích để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của người học và xã hội.

Đồng thời, Phòng Công tác chính trị - SV cũng như CVHT sẽ tiếp tục phổ biến, nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường. Riêng

Khoa KT&KT sẽ tăng cường tổ chức các cuộc họp mặt, làm việc với các SV đã tốt nghiệp cũng như nhà tuyển dụng, các đơn vị đang sử dụng SV ngành Kế toán đã tốt nghiệp để nắm rõ hơn nhu cầu nhân lực của xã hội, từ đó đảm bảo sự tương thích và phù hợp của CTĐT.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Trường ĐHQN và Khoa KT&KT đã thường xuyên thực hiện nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao CLĐT. Cụ thể, việc thiết kế và phát triển CTDH của Khoa được dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan như GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng thông qua các phiếu điều tra khảo sát và các buổi họp mặt, gặp gỡ để đáp ứng nhu cầu thực tế của người học và xã hội. Các GV trong khoa cũng đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu CTĐT. Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH của các CB GV, SV trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập và giảng dạy của người dùng. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, thường xuyên được thu thập và làm cơ sở để đánh giá, cải tiến CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí, trong đó có 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh chất lượng của một CSGD đại học. Do đó, Trường ĐHQN cũng như Khoa KT&KT rất coi trọng công tác đánh giá, giám sát, đối sánh kết quả đầu ra thông qua tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, số lượng SV có việc làm, loại hình và số lượng NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn chú trọng đến việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, tổng hợp và đối sánh sự hài lòng qua các năm để có cơ sở cải tiến CTĐT cũng như các dịch vụ tiện ích để ngày

càng nâng cao kết quả đầu ra.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được quản lý bởi Phòng Đào tạo đại học của Trường [H11.11.01.01]. Đơn vị này quản lý việc đào tạo nói chung và kết quả học tập của SV nói riêng. Thông qua phần mềm quản lý đào tạo, tất cả dữ liệu về người học được quản lý, giám sát hiệu quả, chính xác và đầy đủ [H11.11.01.02]. Trên cơ sở đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp và SV thôi học của Nhà trường và Khoa được xác lập hằng năm.

Sau khi hoàn thành CTĐT, kết quả học tập của SV được trích xuất, tổng hợp từ phần mềm và được Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét để ra quyết định tốt nghiệp cho SV [H11.11.01.03]. Việc cảnh báo kết quả học tập của SV cũng được Nhà trường tiến hành định kỳ, quyết định cảnh báo kết quả học tập cũng như quyết định buộc thôi học đều được thông báo kịp thời cho SV [H11.11.01.04].

Khoa đã thực hiện việc giám sát, đối sánh tỷ lệ SV thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp hằng năm [H11.11.01.05]. Cụ thể thông tin về số lượng SV tốt nghiệp và số lượng SV thôi học của Khoa từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1.1. Số lượng sinh viên ngành Kế toán bậc Đại học hệ chính quy tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020

Năm học	Số lượng SV	Số lượng SV tốt nghiệp				Tỷ lệ SV tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học	Tỷ lệ SV thôi học (%)
		<4 năm	4 năm	>4 năm	Tổng			
2015-2016	336	0	264	10	274	82%	62	18%
2016-2017	166	0	137	9	146	88%	20	12%
2017-2018	369	0	349	0	349	95%	20	5%
2018-2019	312	11	239	7	257	82%	55	18%
2019-2020	298	3	215	16	234	79%	64	21%

Bảng 11.1.1 cho thấy đa số SV của Khoa hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Một số ít SV tốt nghiệp trễ hạn chủ yếu là do chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình. Tỷ lệ SV thôi học ngành Kế toán của Khoa hàng năm chiếm tỷ lệ nhỏ so

với tổng số lượng SV. SV thôi học chủ yếu là vào ba năm đầu tiên của khóa học do SV không thể tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định của CTDH, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, hoặc do hoàn cảnh gia đình.

Tình hình SV tốt nghiệp, thôi học được giám sát, phân tích, đánh giá và đối sánh định kỳ hằng năm trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm học tới [H11.11.01.06]. Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến chất lượng của Khoa cụ thể tăng cường sự quan tâm, giám sát của đội ngũ CVHT đối với SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, sử dụng quỹ SV vượt khó của Khoa trao học bổng hằng năm cho SV để khuyến khích và động viên người học kịp thời [H11.11.01.07], [H11.11.01.08]. Khoa cũng thường xuyên tổ chức Hội nghị học tốt nhằm hỗ trợ, định hướng học tập cho SV, thực hiện khảo sát về tình hình việc làm, tổ chức Ngày hội việc làm nhằm giúp SV vững tin hoàn thành CTĐT [H11.11.01.09], [H11.11.01.10]. Hơn nữa, trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT, thiết lập, cải tiến phần mềm quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập [H11.11.01.11], [H11.11.01.12].

2. Điểm mạnh

Các CVHT, Trợ lý đào tạo, Hội SV và Ban chủ nhiệm Khoa luôn giám sát, cập nhật tình hình SV (đặc biệt là SV thuộc diện cảnh báo học tập và thôi học) thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác nhằm có sự trao đổi tư vấn để có hướng giải quyết phù hợp giúp làm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp và giảm tỷ lệ SV thôi học hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học với các trường khác chưa thực hiện được.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tìm hiểu và thực hiện việc đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học với các trường khác để có những biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp hơn.

Bên cạnh đó, Khoa KT&KT tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Phòng Đào tạo đại học là bộ phận chịu trách nhiệm giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học, theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. Trường đã ban hành quyết định về việc ban hành Chương trình GDDH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Kế toán với thời gian đào tạo được quy định là 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 6 năm. Thời gian đào tạo được thiết kế phù hợp với những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập để được cấp bằng tốt nghiệp [H11.11.02.01].

Kết thúc mỗi học kỳ, Trường lên danh sách SV buộc thôi học đối với SV đại học, cao đẳng chính quy. Trên cơ sở này, Khoa thực hiện báo cáo tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học hằng năm [H11.11.02.02].

Trên cơ sở số liệu SV tốt nghiệp, thôi học, Khoa KT&KT đã thực hiện việc giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hằng năm. Số lượng thống kê và tỷ lệ người học hoàn thành CTĐT trong các năm học gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11.2.1. Số lượng và tỷ lệ % SV ngành kế toán hoàn thành CTĐT ba năm gần đây

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Số lượng SV hoàn thành CTĐT	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)
2017 – 2018	1.734	1.714	98,85%
2018 – 2019	1.479	1.424	96,28%

Bảng 11.2.1 cho thấy, nhìn chung, tỷ lệ SV ngành Kế toán hoàn thành CTĐT chiếm tỷ lệ khá cao, đều ở mức trên 95%. Những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp đều được thông báo kịp thời để có kế hoạch chủ động hoàn thành chương trình học. [H11.11.02.03].

Từ kết quả giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đầu mỗi năm học, Khoa thông báo các nội dung kế hoạch sinh hoạt lớp để CVHT triển khai đến các lớp, nhằm giúp SV nắm rõ được nội dung hoạt động trong năm học. CVHT của Khoa luôn tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV và Nhà trường đã đề ra một số giải pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn, như tạo điều kiện cho SV đăng ký học phần trong

học kỳ phụ để cải thiện điểm và mở các lớp ôn tập để SV các lớp có sĩ số ít có thể đăng ký [H11.11.02.04]. Ngoài ra, sau đánh giá ngoài cấp trường, Trường lập kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng giáo dục [H11.11.02.05]. Đối với SV khóa 43 trở đi, SV có thể nộp các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế để được miễn các môn học Ngoại ngữ 1 và 2 trong chương trình học. [H11.11.02.06].

2. Điểm mạnh

Hầu hết SV ngành Kế toán có ý thức học tập tốt. Đội ngũ GV của Khoa, đặc biệt là các CVHT, thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Về phía Nhà trường, Phòng Đào tạo Đại học kịp thời thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để SV kịp thời nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

Với CDR môn ngoại ngữ và tin học áp dụng từ khóa 39 trở đi, Trường chủ động tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho SV nhằm làm tăng cơ hội cho SV tham gia thi đạt CDR theo đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Một số SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CDR. Chính vì vậy vẫn còn một số SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành Kế toán (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành Kế toán đòi hỏi SV đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên SV e ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Ban Chủ nhiệm Khoa cùng với Phòng Đào tạo Đại học sẽ tiến hành rà soát, nhắc nhở SV chủ động theo dõi kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CDR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ.

Phát huy tối đa vai trò của CVHT trong việc theo dõi, hướng dẫn, giám sát và tư vấn cho SV trong suốt quá trình học tập, kịp thời nắm bắt thông tin để SV ra trường đúng tiến độ. Đồng thời tăng cường tương tác thông tin với SV qua trang web của Khoa.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp là một trong những kết quả đầu ra quan trọng thể hiện CLĐT của Nhà trường cũng như của Khoa. Đồng thời chỉ tiêu này cũng phản ánh mức độ chủ động của người học trong việc tìm kiếm việc làm và định hướng nghề nghiệp trong quá trình học.

Từ năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã ra quyết định thành lập Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp. Trung tâm được giao nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ và theo dõi tình hình việc làm của SV [H11.11.03.01]. Hằng năm, Trung tâm phối hợp với Khoa triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp để nắm bắt tình hình, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân và đơn vị công tác của SV sau một năm tốt nghiệp [H11.11.03.02].

Từ nguồn dữ liệu khảo sát, Trung tâm thực hiện việc xử lý, thống kê, báo cáo tỷ lệ việc làm của SV và công khai trên website của Trường [H11.11.03.03]. Toàn bộ dữ liệu về khảo sát việc làm của SV tốt hàng năm được lưu trữ tại Khoa và Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp [H11.11.03.04].

Năm 2019, Khoa đã tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành Kế toán với các ngành kinh tế khác trong Trường và một số trường đại học trong nước có cùng CTĐT, kết quả cho thấy, tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp ngành Kế toán tương đối cao (ngang bằng) với các ngành được so sánh. Hầu hết các bạn SV tốt nghiệp ngành Kế toán của trường làm đúng chuyên ngành mà mình được đào tạo.

Bảng 11.3.1: Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm qua các năm của ngành Kế toán so với các ngành kinh tế khác và toàn Trường

Ngành	Tỷ lệ (%) người tốt nghiệp có việc làm				
	Năm				
	2015	2016	2017	2018	2019
Kế toán	94	81,59	95,52	96,97	Đang khảo sát
Kinh tế	96	94,74	92,75	95	Đang khảo sát
Quản trị kinh doanh	95	97,12	97,69	98,88	Đang khảo sát
Tài chính	95	96,8	92,78	100	Đang khảo sát
Toàn trường	89	87	87,10	91,32	Đang khảo sát

Bảng 11.3.2: Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm qua các năm của ngành Kế toán Trường ĐHQN và các CSGD có cùng CTĐT

Trường	Đúng chuyên ngành được đào tạo	Liên quan chuyên ngành đào tạo	Không liên quan	Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Tỷ lệ SV có việc làm/Tổng số SV phản hồi (%)
ĐHQN	59 (45%)	43 (32,8%)	24 (18,3%)	1 (0,8%)	4 (3,1%)	96.9
Đại học Kinh tế quốc dân	248 (64,1%)	71 (18,3%)	53 (13,7%)	7 (1,8%)	8 (2,1%)	97.93

Khoa và Nhà trường thường xuyên kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động là SV tốt nghiệp của trường để tiếp nhận phản hồi, nhận xét, đánh giá nguyên nhân chưa có việc làm [H11.11.03.05]. Từ đó Nhà trường thực hiện

nhiều giải pháp về đổi mới CTĐT, tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm hàng năm, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ SV sớm có việc làm [H11.11.03.06], [H11.11.03.07]. Chủ động phối hợp với các đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động đăng tải, cung cấp thông tin tuyển dụng việc làm thường xuyên cho SV qua nhiều kênh truyền thông [H11.11.03.08].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm của ngành Kế toán được khoa và Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp xác lập và giám sát hằng năm. Tỉ lệ có việc làm của SV ngành kế toán tương đối cao so với các ngành kinh tế khác trong trường. Nhà trường có đơn vị chuyên trách thực hiện công tác hỗ trợ việc làm cho SV. Công tác khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp được thực hiện có hiệu quả, nguồn dữ liệu tin cậy và chính xác. Có nhiều doanh nghiệp hợp tác hỗ trợ nhà trường về việc làm cho SV.

3. Điểm tồn tại

Có một tỷ lệ nhất định SV ngành Kế toán chấp nhận làm trái nghề sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là những bạn SV mới ra trường. Dù đã được Nhà trường và Khoa quan tâm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm tuy nhiên vẫn còn một số SV vẫn chưa có kế hoạch cá nhân, chưa thực sự nỗ lực cũng như định hướng mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng. Do đó những SV này vẫn gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên. Dữ liệu khảo sát, thu thập, phân tích nguyên nhân người học chưa có việc làm còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện việc lưu trữ phân tích dữ liệu SV tốt nghiệp có việc làm để đưa ra các giải pháp thiết thực hơn với người học.

Bên cạnh đó, hằng năm Nhà trường và Khoa thực hiện tốt việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; Thường xuyên kết nối, khảo sát các bên liên quan để thu thập, phân tích nguyên nhân người học chưa có việc làm từ đó đề xuất các giải pháp hỗ trợ kịp thời.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Bên cạnh các hoạt động NCKH của GV, hoạt động NCKH của SV cũng là một yếu tố quan trọng trong công tác giảng dạy của Nhà trường. Dựa trên các quy định của Trường mà hằng năm số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và cải tiến chất lượng.

Theo quy định của Bộ Giáo dục về các hoạt động NCKH của SV, nhà Trường hằng năm luôn có các kế hoạch triển khai các các hoạt động này. Ngay khi có kế hoạch của Nhà trường, các GV trong Khoa đã khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học tham gia hoạt động NCKH ngay từ năm thứ nhất [H11.11.04.01].

Tình hình NCKH của SV ngành Kế toán được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 11.4.1 Tình hình thực hiện đề tài NCKH SV ngành Kế toán hằng năm

Năm học	Tổng số đề tài được phân bố (cho toàn khoa)	Tổng số đề tài được duyệt (cho ngành kế toán)	Số lượng SV tham gia	Giải thưởng (của SV ngành Kế toán)	
				Cấp Trường	Cấp Bộ
2015-2016	4	2	10	1 giải nhì (Kế toán)	
2016-2017	13	8	34	1 giải ba (Kế toán)	
2017-2018	13	7	24	1 Giải nhì (Kế toán)	
2018-2019	9	6	23	1 Giải nhất, 1 giải ba	Giải 3 cấp bộ
2019-2020	6	4	17	1 Giải nhất	Giải 3 cấp bộ

Qua bảng 11.4.1 nhận thấy số lượng đề tài NCKH và số lượng SV ngành Kế toán của Khoa KT&KT tham gia NCKH có xu hướng tăng, sau đó giảm nhưng ổn định, với số SV đăng kí NCKH trung bình hằng năm là 21 SV. Hơn nữa, số lượng đề tài đạt giải cấp Trường và cấp Bộ có xu hướng tăng. Đặc biệt, đề tài năm học 2018-

2019 và 2019-2020 đạt giải 3 cấp Bộ. Điều này cho thấy các kết quả nghiên cứu của đề tài NCKH SV có sự tiến bộ qua các năm [H11.11.04.02], [H11.11.04.03], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05], [H11.11.04.06].

Hằng năm, phòng QLKH & HTQT là đơn vị triển khai và giám sát hoạt động NCKH SV thông qua báo cáo tình hình thực hiện đề tài của SV từ các Khoa [H11.11.04.07]. Vào cuối mỗi năm học, trước khi Nhà trường đưa thông báo về đăng kí đề tài NCKH SV, Khoa sẽ phối hợp với câu lạc bộ Kinh tế và Kế toán (EAC) tổ chức buổi phát động phong trào NCKH trong SV. Thông qua buổi phát động các GV sẽ hướng dẫn cho SV về phương pháp NCKH như: Cách lựa chọn đề tài, lập kế hoạch thực hiện, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu [H11.11.04.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường có quy trình quản lý hoạt động NCKH SV với các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể trong phụ lục quy định hoạt động công nghệ và cũng hỗ trợ kinh phí để tạo điều kiện cho SV thực hiện đề tài [H11.11.04.02], [H11.11.04.09].

Định kỳ hằng năm, Khoa KT&KT tổ chức các buổi bảo vệ đề tài NCKH cấp Khoa để chọn ra những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị NCKH SV cấp Trường [H11.11.04.03]. Những đề tài NCKH đạt giải nhất sẽ được chọn để tham gia NCKH SV khoa học cấp Bộ [H11.11.04.05]. Trong những năm qua, nhiều công trình NCKH của SV khoa KT&KT ngành Kế toán được đăng trên Kỷ yếu hội nghị NCKH SV của Trường ĐHQN [H11.11.04.09].

Các hoạt động NCKH của SV được tổng kết, đánh giá hàng năm thông qua Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV của Trường. Qua đó, Nhà trường khuyến khích và khen thưởng các SV đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH SV [H11.11.04.10], [H11.11.04.11], [H11.11.04.12].

Bảng 11.4.2. Đối sánh tình hình NCKH của SV ngành Kế toán với ngành Kinh tế và khối ngành Quản trị (Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn)

Năm học	Kinh tế			Kế toán			Quản trị Kinh doanh		
	Số lượng SV tham gia NCKH	Tỷ lệ (sv TGia so với tổng số sv tham gia của khoa)	Số đề tài	Số lượng SV tham gia NCKH	Tỷ lệ (sv TGia so với tổng số sv tham gia của khoa)	Số đề tài	Số lượng SV tham gia NCKH	Tỷ lệ (sv TGia so với tổng số sv tham gia của khoa)	Số đề tài
2015-2016	10	0.5	2	10	0.5	2	38	0.46	8
2016-2017	13	0.27	5	34	0.73	8	18	0.55	4
2017-2018	23	0.49	6	24	0.51	7	31	0.76	7
2018-2019	10	0.3	3	23	0.7	6	27	0.63	6
2019-2020	8	0.32	2	17	0.48	4	20	0.8	4
Tổng	64		18	108		27	134		29

Bảng 11.4.3. Đối sánh cấp đề tài NCKH của SV ngành Kế toán với Kinh tế và Khối ngành Quản trị

Năm học	Kinh tế		Kế toán		Khối ngành Quản trị				
	Tổng số đề tài	Giải thưởng		Tổng số đề tài	Giải thưởng		Tổng số đề tài	Giải thưởng	
		Cấp Trường	Cấp Bộ		Cấp Trường	Cấp Bộ		Cấp Trường	Cấp Bộ
2015-2016	10			2	1 giải nhì		8	2 giải 3	
2016-2017	13	1 nhì		8	1 giải nhì, 1 giải 3		4	1 giải ba	
2017-2018	23	1 giải nhất		7	1 giải nhì, 1 giải 3		7	1 giải nhì, 1 giải 3	
2018-2019	10			6	1 giải nhất, 1 giải nhì	1 giải 3	6	1 giải nhì, 1 giải nhất	
2019-2020	8	1 giải nhì		4	1 giải nhất	1 giải 3		1 giải nhì, 1 giải ba	

Nhận xét: Qua hai bảng 11.4.2 và bảng 11.4.3 thì so với ngành Kinh tế thì việc NCKH của SV ngành kế toán có sự vượt trội hơn hẳn về số lượng SV tham gia cũng như số lượng giải thưởng đạt được qua các năm. Tuy nhiên, những chỉ tiêu này vẫn còn thấp hơn so với hoạt động NCKH của SV khối ngành QTKD. **[H11.11.04.06]**.

Để khuyến khích tinh thần NCKH của người học, Khoa KT&KT luôn có những chính sách hiệu quả như: đưa ra quy định về cộng điểm khuyến khích học tập cho các nhóm NCKH đạt thành tích **[H11.11.04.13]**.

Ngày 15 tháng 1 năm 2019, Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế và Kế toán trực thuộc trường ĐHQN được thành lập, Trưởng khoa Khoa KT&KT đảm nhiệm vai trò Giám đốc [H11.11.04.14]. Trung tâm ra đời với mục đích cung cấp các khóa học ngắn hạn cho người học thuộc lĩnh vực kinh tế ứng dụng và nghiệp vụ kế toán. Hiện tại, Trung tâm liên tục khai giảng các khóa đào tạo về kinh tế lượng ứng dụng và các chứng chỉ thực hành kế toán, giúp người học nắm vững các công cụ phân tích định lượng để áp dụng vào các khóa luận tốt nghiệp, luận văn ThS, luận án TS, đề tài NCKH và các bài báo khoa học góp phần duy trì phong trào học tập và NCKH trong SV, học viên và các GV trong và ngoài Trường. [H11.11.04.15]

Đây cũng chính là bước đệm hữu hiệu để bồi dưỡng năng lực cho người học để tham gia thực hiện các công trình NCKH các cấp với các công cụ định lượng: Phân tích dữ liệu với phần mềm R, Stata, SPSS, thực hành Kế toán, Kiểm toán,... Các khóa học này sẽ được giảng dạy bởi các GV có nhiều kinh nghiệm và hướng dẫn học viên tận tình trong việc thiết kế nghiên cứu, phân tích dữ liệu và công bố các nghiên cứu trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Tháng 7 năm 2020, để khuyến khích tinh thần cho các SV NCKH, Trung tâm đã tài trợ 60 suất học bổng thuộc 2 chương trình học của Trung tâm cho các SV có kết quả học tập tốt. [H11.11.04.16].

2. Điểm mạnh

Với đặc thù đội ngũ GV trẻ, có chuyên môn cao và có nhiều công trình khoa học được công bố trên tạp chí trong nước và quốc tế uy tín chính là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV NCKH của khoa Kinh tế và Kế toán. Hằng năm, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH luôn được xác lập và giám sát. Hơn nữa, các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng CSGD được Khoa tiến hành đối sánh qua các năm và thời gian gần đây Khoa có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa nắm rõ vai trò và tầm quan trọng của NCKH nên còn rụt rè trong việc đăng kí hoạt động này.

Khoa vẫn chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CSGD khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, thông qua các hoạt động Đoàn – Hội, Khoa KT&KT sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò

của NCKH trong SV của ngành Kế toán, tích cực tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho SV về tầm quan trọng của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các GV trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực cho SV trong Khoa đam mê NCKH.

Tiếp tục phát huy những công cụ tạo động lực tốt cho SV như: cộng điểm khuyến khích học tập, cấp học bổng các khóa học bồi dưỡng các công cụ hỗ trợ làm NCKH cho SV như: Stata, SPSS, R,.. do Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế và Kế toán, Trường ĐHQN hỗ trợ. Đặc biệt, Khoa sẽ có kế hoạch tổ chức và seminar khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường và thực hiện việc so sánh hoạt động nghiên cứu các hoạt động NCKH ở các CSGD khác để làm cơ sở và động lực khơi dậy lòng say mê NCKH trong SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Sự hài lòng của các bên liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT và cũng là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một trường đại học. Do đó, Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng rất chú trọng đến việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Trong đó, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng là đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ khảo sát, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT [H11.11.05.01]. Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan được thực hiện dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cũng như các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN [H11.11.05.02]. Trong đó, Nhà trường sử dụng nhiều công cụ khác nhau để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan như thông qua tài khoản cá nhân của SV Trường ĐHQN, trang quản trị phần mềm khảo sát E-survey hoặc phiếu khảo sát trực tiếp,... nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi có tính hệ thống, khách quan, khoa học và tin cậy [H11.11.05.03]. Đồng thời, quy trình lấy ý kiến phản hồi trong các văn bản được quy định rất chặt chẽ, có hệ thống bao gồm lập kế hoạch khảo sát; phê duyệt kế hoạch khảo sát; tổ chức khảo sát; thu thập, xử lý thông tin phản hồi; báo cáo kết quả khảo sát đến các bên liên quan; lập kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng; lưu trữ các văn bản và dữ liệu khảo sát.

Theo đó, những năm vừa qua, Nhà trường cũng như Khoa KT&KT đã định kỳ

tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan. Các nội dung khảo sát bao gồm khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát ý kiến cựu người học, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát sự hài lòng của người học về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm [H11.11.05.04], [H11.11.05.05], [H11.11.05.06], [H11.11.05.07], [H11.11.05.08]. Đặc biệt, năm học 2019-2020, Nhà trường còn tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV nhằm giúp Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc, khó khăn của SV trong quá trình học tập, sinh hoạt; từ đó Nhà trường sẽ có những biện pháp giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn, nâng cao chất lượng dạy và học [H11.11.05.09]. Ngoài ra, Khoa KT&KT còn định kỳ tổ chức các cuộc họp với các nhà tuyển dụng, các chuyên gia để đánh giá CTĐT ngành Kế toán, từ đó có cơ sở xây dựng CTĐT hợp lý và có tính ứng dụng cao [H11.11.05.10]. Riêng đối với GV, hoạt động giảng dạy và NCKH còn được đánh giá bởi đồng nghiệp và CB quản lý thông qua công văn và kết quả về việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động qua các năm học [H11.11.05.11]. Sau khi có kết quả khảo sát, Khoa KT&KT thường xuyên tổng hợp, đánh giá, đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan để có cái nhìn tổng quát hơn về sự hài lòng của các bên liên quan đến ngành Kế toán qua các năm và giữa ngành Kế toán với các ngành khác trong Trường [H11.11.05.12], [H11.11.05.13].

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa KT&KT đã định kỳ tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã nhiều lần lập kế hoạch, ra các quyết định về việc tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT hệ chính quy; lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CDR và cử CB GV tham gia khóa tập huấn [H11.11.05.14], [H11.11.05.15]. Riêng Khoa KT&KT cũng thường xuyên tiến hành họp để đánh giá CTĐT, rà soát, điều chỉnh CDR và CTĐT ngành Kế toán [H11.11.05.16]. Việc thường xuyên cập nhật, sửa đổi CTĐT giúp Nhà trường và Khoa đáp ứng được sự hài lòng của người học, đáp ứng được nhu cầu của nhà sử dụng lao động và xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của khu vực và cả nước. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã tiến hành đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, các dịch vụ hỗ trợ phục vụ cho các hoạt động dạy, học, sinh hoạt và NCKH, đáp ứng các yêu cầu của SV, GV và người lao động trong Nhà trường [H11.11.05.17], [H11.11.05.18], [H11.11.05.19],

[H11.11.05.20]. Ngoài ra, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT còn thường xuyên tổ chức các chương trình, hoạt động ngoại khóa nhằm củng cố kiến thức chuyên ngành, bổ sung kiến thức thực tế, rèn luyện các kỹ năng mềm và ngoại ngữ cho SV, kết nối SV với nhà tuyển dụng và hỗ trợ người học khởi nghiệp [H11.11.05.21], [H11.11.05.22]. Từ đó, nâng cao được sự hài lòng của nhà tuyển dụng với SV ngành kế toán và tăng tỷ lệ có việc làm của SV ngành Kế toán sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN và Khoa KT&KT đã có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai việc khảo sát với nhiều hình thức khác nhau để có thể đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan. Theo kết quả khảo sát cho thấy, CTĐT của ngành Kế toán được đánh giá cao, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng và cả xã hội; đồng thời chất lượng hoạt động giảng dạy của GV ngành Kế toán cũng nhận được sự hài lòng của người học.

Đồng thời, Trường và Khoa đã rất nhạy bén trong việc cải tiến CTĐT, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất cho phù hợp với nhu cầu thực tế trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Theo kết quả khảo sát của các nhà tuyển dụng thì SV ngành Kế toán có kiến thức chuyên ngành vững vàng, nhiệt tình trong công việc tuy nhiên số đông còn nhút nhát, chưa thành thạo tiếng Anh và còn hạn chế về một số kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan còn ít được đối sánh với các đơn vị bên ngoài Trường để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2020-2021, Nhà trường và Khoa sẽ thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn nữa giữa GV - SV - nhà sử dụng lao động nhằm duy trì việc thu thập ý kiến phản hồi để đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan. Từ đó có cơ sở để Khoa KT&KT tiếp tục cải tiến CTĐT, nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan.

Đồng thời, cũng trong năm học này, Khoa KT&KT sẽ tăng cường hơn nữa các hoạt động ngoại khóa để tăng kỹ năng mềm cần thiết cho công việc thực tế sau này cho SV ngành kế toán. Đồng thời, khuyến khích các em học thêm tiếng Anh, đọc tài liệu học tập và NCKH bằng tiếng Anh để cải thiện khả năng ngoại ngữ. Đồng thời,

Trường và Khoa sẽ tăng cường đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan với các đơn vị bên ngoài Trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra, Trường ĐHQN đã có hệ thống quản lý quá trình học tập của người học và thông tin người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm một cách có hiệu quả. Đồng thời, ý kiến phản hồi của các bên liên quan luôn được xác lập, giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng CTĐT.

Đánh giá chung, SV ngành Kế toán có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao, tỷ lệ SV thôi học rất thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm khá lớn. Kết quả khảo sát còn cho thấy người học khá hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV ngành Kế toán. Ngoài ra, những năm gần đây, hoạt động NCKH của Khoa KT&KT cũng được đẩy mạnh, thể hiện qua việc ngày càng nhiều SV biết và nhiệt tình tham gia NCKH, số lượng các đề tài NCKH SV của Khoa đạt giải cao cấp Trường và cấp Bộ ngày càng tăng. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần khuyến khích SV rèn luyện thêm các kỹ năng mềm, trau dồi khả năng ngoại ngữ để có thể đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Để nâng cao CLĐT, việc tự đánh giá chất lượng CTĐT với ngành Kế toán là hết sức cần thiết. Dựa trên hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và Các nhóm công tác chuyên trách đã tự xem xét, đánh giá và báo cáo những điểm mạnh, những tồn tại của CTĐT ngành Kế toán trên tất cả các phương diện hoạt động đào tạo, đội ngũ GV, NCV, hoạt động NCKH, CSVC, Thư viện và các vấn đề liên quan khác. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán bằng cách tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại đã được xác định.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kế toán.

3.1. NHỮNG ĐIỂM MẠNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH năm 2018. Bên cạnh mục tiêu chung là đào tạo cử nhân Kế toán có đạo đức, chuyên môn, có năng lực thực hành nghề nghiệp kế toán, kiểm toán thành thạo, mục tiêu của CTĐT còn được cụ thể hoá ở 3 giá trị cốt lõi về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán đã được xác định rõ ràng, súc tích và thể hiện được mục tiêu của CTĐT; bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp với các mức năng lực cụ thể, dễ đo lường và đánh giá; phản ánh yêu cầu đào tạo cử nhân ngành Kế toán theo đúng quy định của Luật GDDH năm 2018, quy định của Bộ GD&ĐT, quy định của Trường ĐHQN; phản ánh yêu cầu của các bên liên quan như GV, SV và các đơn vị sử dụng lao động.

Đồng thời, CĐR được rà soát, điều chỉnh theo định kỳ 2 năm một lần trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, sự tham khảo các CTĐT ngành Kế toán của các trường đại học uy tín trong nước, ngoài nước và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; được công bố công khai, rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như qua website của Khoa và Trường, SV Khoa KT&KT và trong các buổi sinh hoạt lớp đầu năm học.

3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

CTĐT ngành Kế toán được thiết kế công phu với sự đầu tư nghiêm túc của toàn bộ nhân viên, GV trong Khoa, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bộ GD&ĐT nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV. Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường; ma trận hiện thị kết quả đầu ra của CTĐT được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần; CTĐT có nhiều chuyên đề tự chọn, giúp cho SV có nhiều lựa chọn theo định hướng chuyên môn và thế mạnh của mình, giúp các em phát huy năng lực và đam mê học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng dựa trên kinh nghiệm giảng dạy của GV và theo phản hồi của các bên liên quan, thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CĐR của CTĐT; đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực liên quan đến ngành Kế toán.

Đa số các học phần đều giới thiệu tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh để SV có nhiều lựa chọn, trong đó mỗi học phần luôn giới thiệu một tài liệu tham khảo chính; mọi thông tin liên quan đến học phần như mục tiêu, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động, các bậc phụ huynh dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin, đồng thời có thể góp ý, xây dựng để Khoa có nhiều thông tin rà soát và sửa đổi CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH được thiết kế có tính khoa học, tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý, logic và dựa trên CĐR. Mọi quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của CTDH; CĐR của CTĐT và mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT được khảo sát thông qua các GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình dạy học ngành Kế toán.

Với mong muốn đạt được CĐR tốt nhất, Nhà trường liên tục lấy ý kiến phản

hỏi của người học về các hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT của ngành được lấy ý kiến thông qua SV năm cuối và cựu SV ngành Kế toán, CĐR của CTĐT và mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT được khảo sát thông qua các GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Kế toán.

Các học phần trong CTDH ngành Kế toán được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành. Đề cương chi tiết của mỗi học phần, ngoài các thông tin chung, còn quy định các học phần tiên quyết, các yêu cầu cần thiết khác cũng như phân giờ đối với các hoạt động cụ thể như nghe giảng lý thuyết, làm bài tập, thảo luận,...; nêu rõ thời gian tự học của SV, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho SV phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu để học tập suốt đời. Ngoài ra, các kỹ năng mềm khác cũng được hình thành trong quá trình học tập các học phần cụ thể. Phương pháp dạy học theo hướng tích cực bao gồm cả nội dung cần chuẩn bị trước trong mỗi tiết học, tài liệu tham khảo, việc kiểm tra đánh giá người học đảm bảo tính công bằng, khách quan, chính xác đều được thể hiện trong đề cương chi tiết.

CTDH ngành Kế toán được cấu trúc theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức cơ bản đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng.

3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường ĐHQN được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Tất cả viên chức, người lao động, người học đều hiểu rõ và thực hiện.

Môi trường học tập ngày càng đa dạng, hình thức giảng dạy của GV trên lớp, trong trường cũng như hoạt động ngoại khóa ngoài trường học đang đáp ứng yêu cầu của người học; phương pháp giảng dạy và học tập được thực hiện tương thích với CĐR của CTĐT.

Hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ GV của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp SV tiếp thu, lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng nghề nghiệp; phương pháp giảng dạy đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của người học nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và đạt được CĐR của ngành. Phương pháp giảng dạy, học tập và các hoạt động dạy học được thiết kế trong CTĐT phù hợp và nhận được sự phản hồi tích cực từ người học, GV.

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho SV rèn luyện các kỹ năng, giúp họ có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho họ tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống cho mình. Giáo trình, tài liệu môn học cho tất cả các học phần được trang bị khá đầy đủ nhằm đảm bảo trong công tác dạy và học. Đề cương chi tiết các học phần nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu thông qua các phương thức NCKH SV, đặc biệt với chuyên mục Góc học tập trên website của Khoa giúp SV có thể tiếp cận đa dạng các nguồn tài liệu khác nhau hỗ trợ cho việc tự học, tự nghiên cứu qua đó thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường và Khoa KT&KT có hệ thống các văn bản, tài liệu hướng dẫn, quy định, kế hoạch rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học từ quá trình đào tạo, thi đến chấm khóa luận tốt nghiệp. Từ đó, việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CDR của CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Nhà trường và Khoa KT&KT có các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá để đo lường, kiểm tra sự phù hợp với mức độ đạt được CDR. Việc quy định về tỷ trọng của các đánh giá phù hợp với các yêu cầu đã được công bố trong CDR. Đối với các học phần về thực tập như thực tập tổng hợp, chuyên đề tốt nghiệp, đáp ứng các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề tại các doanh nghiệp, ...

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin, do vậy giúp người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Kết quả học tập của SV được phản hồi nhanh chóng vào tài khoản cá nhân của từng SV, giúp SV chủ động trong việc lập kế hoạch học tập và cải thiện kết quả học tập.

Phương pháp và qui trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Việc triển khai công

tác đánh giá người học được thực hiện nghiêm túc, qui trình chặt chẽ, giảm thiểu tối đa được các sai sót.

Nhà Trường ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của SV và được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến những đối tượng có liên quan. Đặc biệt, Khoa có ban hành thêm quy định kiểm tra, đánh giá SV và tiên phong trong việc ra ngân hàng đề thi, chấm bài thi tại Trường. Nhà Trường và Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp.

Nhà Trường có ban hành các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của SV và được công bố rộng rãi, công khai đến SV ngay từ khi nhập học cũng như trong quá trình học tập và trước mỗi đợt thi kết thúc học phần. Đặc biệt, Khoa cũng có ban hành quy định về việc thực hiện quy trình kiểm tra, phúc khảo.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ viên chức để hỗ trợ người học trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập. Hằng năm, có không quá 2% số người học khiếu nại về kết quả học tập.

3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Đội ngũ GV của Khoa KT&KT không chỉ được xây dựng đủ về số lượng và có cơ cấu chuyên môn phù hợp giữa các tổ bộ môn, mà còn phải có trình độ chuyên môn cao, năng lực NCKH và nghiệp vụ sư phạm vững vàng nhằm đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT. Với phần lớn GV có tuổi đời còn trẻ nên thích nghi nhanh với sự thay đổi tích cực, luôn có tinh thần học hỏi, trau dồi kiến thức và luôn học tập, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tỉ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường thông qua các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH, góp phần đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa phần lớn tuổi đời còn trẻ nên có năng lực cao trong NCKH, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH.

Các văn bản về các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm được quy định rất rõ ràng và được công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong từng khoa và phòng chức năng. Trên cơ sở đó, Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ giảng dạy, NCKH, có các kỹ năng về tin học và ngoại

ngữ. Các GV luôn trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác. Nhiều GV được tuyển dụng đã và đang được đào tạo SDH ở các trường đại học có uy tín của nước ngoài (Mỹ, Pháp, Đức, Úc, Đài Loan ...). Những GV sau khi được đào tạo ở nước ngoài về đã tiếp tục phát huy năng lực nghiên cứu, góp phần vào việc nâng cao uy tín của Nhà trường trong nước và quốc tế. Nhiều GV đã tham gia vào Tổ xây dựng dự án Quốc tế IUC và Erasmus+.

Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Công tác đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm được Nhà Trường thực hiện nghiêm túc và đánh giá chính xác năng lực của GV. Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Đồng thời, Khoa Kinh tế và Kế toán đã xây dựng Bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức góp phần đánh giá chính xác hơn năng lực của GV. Hầu hết GV của Khoa có kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được Nhà trường và Khoa xác định rõ, có kế hoạch chiến lược cùng với đó là những hoạt động được triển khai kịp thời và phù hợp; có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho những GV nhận được học bổng học tập và nghiên cứu tại các nước trên thế giới và những GV tham gia vào việc xây dựng hồ sơ các dự án quốc tế.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng đã giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhiều GV của Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng,... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV được Trường xác lập rõ ràng. Từ đó, quy trình giám sát được xây dựng và triển khai. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, hội thảo trong nước và quốc tế có uy tín, tham gia các dự án nghiên cứu trong và ngoài nước, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo trong nước và quốc tế để phục vụ đào tạo.

3.1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa KT&KT có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa nói riêng đã xây dựng được quy trình, phương pháp đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên cũng đã được xây dựng. Đặc biệt, Khoa KT&KT đã xây dựng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức của Khoa làm căn cứ để đánh giá xếp loại nhân viên. Trường tiến hành các cuộc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về đội ngũ nhân viên.

Nhà trường thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở khảo sát, Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên; có chính sách hỗ trợ kinh phí cho nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh ngành Kế toán của Khoa KT&KT luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên trên website của Trường ĐHQN, website của Khoa và một số địa chỉ khác. Từ đó, người học luôn có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập ngành Kế toán, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Kế toán được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác. Đồng thời các tiêu chí và phương pháp này luôn được rà soát, góp ý hàng năm nhằm nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh.

Việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT kịp thời nắm bắt được tình trạng học tập và rèn luyện của người học để có thể nhắc nhở, động viên, giúp người học cải thiện kết quả trong học tập và rèn luyện.

Đội ngũ Trợ lý Khoa, CVHT có kinh nghiệm, trách nhiệm sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho người học trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế. Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng tốt trong học tập và trong cuộc sống. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện bằng nhiều hình thức giúp người học ngành Kế toán có cơ hội tiếp cận việc làm sau khi ra trường.

Với cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại, Trường ĐHQN luôn đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện của người học: môi trường học tập có cảnh quan xanh sạch đẹp, rộng rãi, bố trí hợp lý, an toàn, lành mạnh tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi và tâm lý thoải mái cho người học, SV ngành Kế toán được phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và NCKH. Khi học tập tại Khoa KT&KT cũng như Trường ĐHQN, SV được phát huy tính dân chủ, sáng tạo, quyền tự quyết của mỗi cá nhân. Từ đó mối quan hệ, ứng xử giữa GV và SV có sự mềm mại và linh hoạt, tạo ra môi trường tâm lý xã hội tích cực trong học tập và giảng dạy.

3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống phòng làm việc và phòng học và các phòng chức năng của Khoa KT&KT đảm bảo diện tích theo quy định và được trang bị các thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo và NCKH của CB, GV và SV Khoa; Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch sửa chữa và nâng cấp các trang thiết bị.

Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và ngành Kế toán giúp cho GV và SV Khoa KT&KT có nhiều lựa chọn phù hợp với năng lực của bản thân. Hàng năm, Thư viện cũng tiến hành lấy ý kiến đánh giá của GV, NH và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện nhằm xây dựng dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện.

Các phòng thực hành tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của SV và luôn có người phụ trách thường xuyên, quá trình quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị luôn được cập nhật hàng năm.

Hệ thống công nghệ thông tin về cơ bản đáp ứng được yêu cầu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các ngành đào tạo nói chung và ngành Kế toán nói riêng; khi có sự cố hệ thống công nghệ thông tin được hỗ trợ tương đối kịp thời. Nhà trường có các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin

đồng thời hoạt động đầu tư mới hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin được chú trọng. Toàn Trường đã được phủ sóng WiFi, tạo điều kiện rất thuận lợi cho CB, GV, SV trong học tập và nghiên cứu.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho CB, GV, viên chức và SV. Các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ..được Nhà trường quan tâm xử lý kịp thời. Nhà trường chú trọng đến khảo sát và tổng kết ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để có những điều chỉnh, kế hoạch hợp lý để đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

3.1.10. Nâng cao chất lượng

Hiện nay Nhà trường đã có hệ thống thu thập thông tin phản hồi online nên việc thu thập thông tin sẽ được thuận lợi hơn nhiều so với trước đây. Khoa thường xuyên liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp nhờ có mạng lưới cựu SV rộng lớn đang làm việc tại các nơi này. Do vậy việc liên hệ để thu thập thông tin sẽ dễ dàng hơn, khu vực lấy thông tin sẽ rộng và tăng phần khách quan hơn, ít cục bộ hơn.

CTĐT và CTDH ngành Kế toán được thực hiện đúng quy trình, quy định, có sự rà soát, đánh giá và thường xuyên cải tiến theo định kỳ nhằm nâng cao CLĐT, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát thường xuyên theo từng học kỳ.

Khoa đã có phong trào NCKH rất mạnh, huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong Khoa cũng như các em SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng. Thông qua NCKH, SV hòa nhập tốt với công việc nghiên cứu và vận dụng trong môi trường làm việc ngành Kế toán.

Nhà trường và khoa luôn quan tâm, đầu tư các thiết bị tin học, hệ thống mạng, phần mềm học tập; hệ thống phòng thực hành được trang bị trang thiết bị cần thiết; hệ thống KTX của trường được bố trí ở nơi yên tĩnh, an ninh tốt, đáp ứng tốt, nhu cầu ăn ở, sinh hoạt và học tập của SV.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định bằng văn bản, có tính hệ thống và được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV. Với hệ thống khảo sát online, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được diễn ra thường xuyên, liên

tục và dễ dàng hơn; kết quả phản hồi của các bên liên quan luôn được đánh giá, cải tiến thường xuyên.

3.1.11. Kết quả đầu ra

Các CVHT, Trợ lý đào tạo, Hội SV và Ban chủ nhiệm Khoa KT&KT luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác và có những hướng giải quyết phù hợp. Với những SV thôi học, CVHT có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn, vướng mắc và có những tư vấn phù hợp cho các em.

Hầu hết SV ngành Kế toán luôn có ý thức học tập tốt. Đội ngũ GV của Khoa, đặc biệt là các CVHT, thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT; Ban Giám hiệu Nhà trường và Phòng Đào tạo đại học kịp thời thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

Nhà trường luôn quan tâm và tạo điều kiện để người học có cơ hội tìm kiếm việc làm; Trường thường xuyên khảo sát tỉ lệ có việc làm của SV; tỉ lệ SV ngành Kế toán có việc làm tương đối cao so với các ngành khác trong Trường.

Khoa KT&KT có đội ngũ GV trẻ, có chuyên môn cao và có nhiều công trình khoa học được công bố trên tạp chí trong nước và quốc tế uy tín, đây chính là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV NCKH. Khoa có những chính sách hiệu quả để khuyến khích SV tham gia NCKH như: đưa ra quy định về cộng điểm khuyến khích học tập cho các nhóm NCKH đạt thành tích, tuyên dương và tặng phần thưởng cho các SV tham gia NCKH. Hơn nữa, Khoa còn tập trung đầu tư có trọng điểm cho những đề tài nghiên cứu có tính khả thi, được đánh giá cao, tăng số lượng giải thưởng,... nhằm phát huy khả năng nghiên cứu của SV.

Trường và Khoa đã có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai việc khảo sát với nhiều hình thức khác nhau để có đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan về CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV, cơ sở vật chất, năng lực của SV ngành Kế toán đã tốt nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, CTĐT của ngành Kế toán được đánh giá cao, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng và xã hội; đồng thời chất lượng hoạt động giảng dạy của GV ngành Kế toán cũng nhận được sự hài lòng của người học. CTĐT, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất thường xuyên được cải tiến cho phù hợp với nhu cầu thực tế trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan.

3.2. NHỮNG ĐIỂM TỒN TẠI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT có thay đổi, cập nhật nhưng chưa thực sự theo kịp với các thay đổi, quy định mới về kế toán, kiểm toán, cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán mặc dù được xác định rõ ràng nhưng còn nhiều học phần có CĐR chưa phù hợp với CĐR của ngành học. Chưa triển khai được việc lấy ý kiến online về CĐR của CTĐT ngành Kế toán dành cho SV sau mỗi năm học/khoá học. Đồng thời, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Kế toán còn chưa rộng rãi đến các đơn vị sử dụng lao động trong cả nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc cập nhật, rà soát CTĐT được thực hiện nhưng không thường xuyên.

Việc lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV và các đơn vị sử dụng lao động về đề cương chi tiết các học phần chưa được thực hiện định kỳ và trên phạm vi rộng.

Mặc dù các bên liên quan tiếp cận được bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng, nhưng ngoài các phản hồi từ các đợt khảo sát, Nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi về chất lượng của CTĐT cũng như đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán. Điều này làm giảm sự tương tác giữa Nhà trường và các bên liên quan và ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành Kế toán.

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu SV khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên.

Ý kiến góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của ngành là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc nội dung đề cương chi tiết các học phần.

CTDH được thiết kế theo trình tự một cách logic theo các năm học, tuy nhiên thời lượng dành cho các học phần thực tế sử dụng máy tính chưa nhiều.

3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, GV, cựu SV... đối với triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục chưa được Nhà trường và Khoa KT&KT tiến hành theo định kỳ.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy. Bên cạnh đó, chất lượng đầu vào không đồng đều tạo nên những rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học. Ngoài ra, việc cho SV có môi trường tiếp xúc với thực tế các doanh nghiệp thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn cuối của khóa học; việc liên kết với các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế như: Hội Kế toán & Kiểm toán Việt Nam, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc,... còn hạn chế nên sự kết nối được giữa SV với các tổ chức nghề nghiệp chưa được thường xuyên và hiệu quả.

Chất lượng đầu vào, ý thức học tập của một bộ phận SV còn hạn chế gây khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động giảng dạy theo hướng tích cực. Hiệu quả đạt được của phương pháp giảng dạy chưa được phát huy tối đa khi mà một bộ phận SV chưa thích nghi hay đáp ứng được với khả năng tự học.

Công thông tin học tập trực tuyến của Nhà trường hiện nay chưa được thiết lập hoàn thiện. Do đó, phương pháp học tập trực tuyến chưa được phát huy nhằm giảm bớt thời gian đến lớp, tăng cường thời gian tự học cho người học.

3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Chưa có sự phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của SV một cách chính xác, do đó một số đề thi chưa đạt được yêu cầu cao về đánh giá theo các mức năng lực, chưa bao quát hết được các nội dung đáp ứng CĐR của học phần. CĐR về mức tự chủ và chịu trách nhiệm hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp: Thực tế, thực tập,...

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được GV phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang web của Nhà trường, tuy nhiên việc phối hợp các kênh triển khai còn chưa thật sự đồng bộ. Ngoài ra, hầu hết các học phần đều chưa xây dựng được bản rubrics để đánh giá học phần.

Công tác thống kê, phân tích kết quả học tập của người học chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ ở tất cả các học phần dẫn đến việc không có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh đề thi cho phù hợp. Do đó, một số đề thi chưa đạt được yêu

cầu cao về đánh giá theo các mức năng lực, chưa đáp ứng được CĐR của học phần.

Việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký học phần, kế hoạch học tập của SV, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp. Một số SV vẫn chưa nắm rõ quyền khiếu nại và quy trình khiếu nại kết quả học tập dẫn đến việc khiếu nại đã quá thời gian quy định, gây khó khăn cho Khoa trong việc giải quyết khiếu nại.

3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Chưa có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài. Đội ngũ GV của Khoa KT&KT hầu hết là trẻ nên kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều, nhiều GV trong khoa đang đi học NCS, cao học nên khó khăn cho việc tổ chức, triển khai các hoạt động ở Khoa. Số lượng SV nhập học có chiều hướng giảm sút nên việc phân công giờ giảng đảm bảo đủ chuẩn cho GV thuộc các bộ môn gặp khó khăn.

Bên cạnh việc giảng dạy và NCKH, GV Khoa còn tham gia điều hành nhiều hoạt động khác trong Nhà trường như công tác công đoàn, đoàn thanh niên, hội SV, CVHT, ... Tuy vậy, chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa đủ tốt để thu hút được nguồn GV có trình độ chuyên môn cao.

Năng lực của GV chưa được đánh giá toàn diện trên nhiều mặt, chẳng hạn, chưa đánh giá năng lực về ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, về đóng góp cho cộng đồng.

Hiện nay việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV về NCKH của Nhà trường vẫn chưa có mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn NCKH hàng năm và bảo lưu số giờ NCKH cho một năm tiếp theo.

3.2.7. Đội ngũ nhân viên

Việc khảo sát lấy ý kiến GV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo cho việc quy hoạch phù hợp chưa được thực hiện thường xuyên. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Bên cạnh đó, các chính sách thu hút, phát triển và đãi ngộ đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên

chưa được Nhà trường tổ chức thường xuyên.

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả. Một số nhân viên chưa có kế hoạch làm việc cụ thể do đó còn khó khăn trong việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Bên cạnh sự ổn định về lượng SV ngành Kế toán, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhưng chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực vào ngành Kế toán. Thí sinh nhập học vào ngành Kế toán dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia và điểm học bạ thường chỉ xấp xỉ điểm sàn xét tuyển, chất lượng đầu vào chưa cao. Trong khi đó, CTĐT của ngành Kế toán yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số SV không theo kịp CTĐT của Khoa, kết quả học tập chưa cao. Ngoài ra, cần lưu ý nữa là số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp.

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ. SV ngành Kế toán chưa chủ động trong việc tiếp cận với GV để trao đổi các nội dung liên quan đến học tập, nghiên cứu và các hoạt động Đoàn, Hội. Việc trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khoá vẫn còn thụ động. Công tác lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, đội ngũ phục vụ đào tạo, GV phụ trách thực tập, thực tế chưa thực hiện đầy đủ.

Không gian làm việc của Khoa KT&KT cũng như các khoa trong Trường bố trí ở khu nhà 15 tầng còn hạn chế, Khoa chỉ có 2 phòng làm việc và chưa có phòng riêng cho các hoạt động Đoàn Hội và gặp gỡ SV.

3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mặc dù Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ trang thiết bị, cơ sở vật chất tuy nhiên tiến độ bảo dưỡng, sửa chữa vẫn còn chậm, một số thiết bị của Khoa vẫn chưa được bảo dưỡng và nâng cấp.

Thư viện chưa có hệ thống mượn - trả tài liệu tự động, cách quản lý vẫn còn chưa được hiện đại hóa; nguồn tài liệu, học liệu nước ngoài chưa cập nhật nhanh.

Một số trang thiết bị phòng thực hành vẫn còn chậm bảo dưỡng, nâng cấp, thiếu phần mềm hiện đại để quản lý các thiết bị chung.

Một số máy tính đã cũ, cấu hình thấp nên hiệu năng sử dụng không cao. Bên cạnh đó, trong một số trường hợp thời gian sửa chữa thiết bị còn hơi lâu. Chất lượng wifi ở một số khu vực và trong một số thời điểm còn chưa tốt. Nhà trường đã triển khai đề án dạy học trực tuyến nhưng chưa hoàn thành. Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm phục vụ đào tạo cho ngành Kế toán cập nhật chậm hơn so với thực tế thị trường.

Nhà trường vẫn chưa quan tâm đến các chính sách dành cho người khuyết tật. Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường, an toàn, sức khỏe còn chưa đầy đủ đặc biệt nhu cầu đặc thù của người khuyết tật chưa được lưu ý.

3.2.10. Nâng cao chất lượng

Việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi đang được thực hiện theo yêu cầu của Nhà trường, còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa. Việc lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV tuy được Nhà trường thực hiện thường xuyên nhưng chưa thu thập được ý kiến đánh giá đối với 100% học phần cũng như chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV ở các học phần. Ngoài ra, các đối tượng khác có liên quan như cựu SV, nhà sử dụng lao động chưa nhiệt tình tham gia khảo sát.

Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

Một số học phần chưa biên soạn giáo trình kịp thời để đáp ứng nhu cầu của người học. Hệ thống giáo trình, học liệu tham khảo sử dụng chủ yếu của các trường đại học trong nước. Hơn nữa, hiện tại vẫn chưa có các thiết bị hỗ trợ thực tế cho các GV của Khoa để hướng dẫn người học tiếp cận các phương pháp học tập hiện đại.

Phần lớn các đề tài NCKH SV chỉ mới dừng lại ở mức độ đọc hiểu, do đó chưa thực sự có đóng góp lớn trong việc sáng tạo kết quả mới.

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Các thiết bị phòng thực hành chưa được thường xuyên bảo dưỡng. Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn thấp.

3.2.11. Kết quả đầu ra

Việc đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học với các trường khác chưa thực hiện được.

Một số SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường do còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất. Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành Kế toán (ít hơn 4 năm) là tương đối khó do đòi hỏi SV đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên SV e ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

Có một tỷ lệ nhất định SV ngành Kế toán chấp nhận làm trái nghề sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là những bạn SV mới ra trường. Vẫn còn một số SV chưa có kế hoạch cá nhân, chưa thực sự nỗ lực cũng như định hướng mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng nên vẫn gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Việc liên lạc với hệ thống cựu SV của Trường nói chung và của ngành Kế toán nói riêng vẫn còn hạn chế. Việc liên lạc kết nối với người sử dụng lao động chưa tạo thành mạng lưới, mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát.

Một số SV chưa nắm rõ vai trò và tầm quan trọng của NCKH nên còn rụt rè trong việc đăng kí hoạt động này. Nguồn kinh phí hỗ trợ NCKH SV chưa nhiều, thời gian nghiên cứu hạn chế do một số yếu tố như SV bận kế hoạch cá nhân, SV chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu làm cho việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, ...

Mức độ hài lòng của các bên liên quan còn ít được đối sánh với các đơn vị bên ngoài Trường để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT. Theo kết quả khảo sát các nhà tuyển dụng thì SV ngành Kế toán có kiến thức chuyên ngành vững vàng, nhiệt tình trong công việc tuy nhiên số đông còn nhút nhát, chưa thành thạo tiếng Anh và còn hạn chế về một số kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm.

3.3. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa KT&KT và Trường ĐHQN lên kế hoạch cải tiến CTĐT bắt đầu từ năm học 2021 - 2022 như sau:

3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khoa KT&KT sẽ tiếp tục chủ động lấy ý kiến đa chiều từ người học, nhà tuyển dụng, các chuyên gia,... để rà soát và điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho đáp ứng yêu cầu nhân lực của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán sẽ được rà soát và chỉnh sửa (nếu cần thiết) để đảm bảo luôn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa KT&KT, Trường ĐHQN và Luật GHHH.

Khoa đã có kế hoạch hành động và đã đề xuất với Nhà trường về việc xây dựng quy trình đánh giá CĐR của CTĐT. Trong thời gian tới Khoa KT&KT sẽ phát huy hơn nữa trong việc gắn kết giữa mục tiêu của CTĐT với CĐR của CTĐT ngành Kế toán và xây dựng CĐR bao quát các yêu cầu của người học.

Khoa KT&KT sẽ tổ chức một hội thảo với đại biểu mời là đại diện lãnh đạo các sở ban ngành, các doanh nghiệp, các đơn vị lĩnh vực hành chính sự nghiệp và các cựu SV để lắng nghe ý kiến phản hồi, góp ý về CĐR của CTĐT ngành Kế toán để rà soát, điều chỉnh, bổ sung CĐR của CTĐT ngành Kế toán được cập nhật và hoàn thiện hơn. Ngoài ra, Khoa sẽ tiếp tục khảo sát online lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu SV và đơn vị sử dụng lao động về CĐR của CTĐT ngành Kế toán trên hệ thống website, trang facebook của Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi hơn. Đồng thời, tăng cường hơn nữa trong việc công khai rộng rãi CĐR của CTĐT ngành Kế toán bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để SV nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động.

3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2021-2022 trở về sau, Khoa KT&KT sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật CTĐT theo định kỳ, mở rộng quy mô, phạm vi đối tượng SV, cựu SV và đơn vị sử dụng lao động lấy ý kiến phản hồi về CTĐT trong các năm học tiếp theo để có được nhiều thông tin cho việc hoàn chỉnh đề cương chi tiết học phần và bổ sung thêm nhiều môn tự chọn hơn cho phù hợp với thực tiễn; tiếp tục rà soát, cập nhật, viết lại đề cương chi tiết của một số học phần đáp ứng hơn nữa nhu cầu của xã hội, chú trọng phân bổ thời gian cho việc thực hành.

100% đề cương các môn học/ học phần được công bố thông qua các cuộc họp và CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong năm học 2021-2022, Khoa sẽ tiếp tục công bố đề cương chi tiết các môn học trên trang web.

Khoa sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng khảo sát để lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, GV trong và ngoài khoa, cựu SV, ... Ngoài ra, Khoa sẽ tiếp tục tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy.

3.3.3. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học

Khoa KT&KT sẽ tiếp tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành Kế toán dựa trên CĐR theo định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần. Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT. Tất cả các học phần trong CTĐT được dạy theo phương pháp tích cực “lấy người học làm trung tâm”, để người học được rèn luyện các kỹ năng cần

thiết, phát huy được tính sáng tạo, tích cực chủ động, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Bắt đầu từ năm học 2021 – 2022, việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu SV đối với CTDH sẽ được Khoa thực hiện định kỳ một cách đầy đủ và sâu rộng hơn. Dựa trên những ý kiến đóng góp nhận được, CTDH học sẽ được điều chỉnh, bổ sung,...một cách cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao CLĐT SV ngành Kế toán. Khoa sẽ định kỳ tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần trong CTĐT, giúp cho việc đóng góp của các học phần đối với việc đạt được CDR của CTĐT tốt hơn. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục rà soát, đánh giá, cập nhật và bổ sung đề cương chi tiết cho tất cả các học phần dựa trên hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường và các ý kiến góp ý của các bên liên quan để phù hợp với xu hướng hội nhập của thị trường lao động. Theo kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa sẽ tiếp tục tiến hành cập nhật và điều chỉnh đề cương chi tiết cho tất cả các học phần theo định kì 2 năm 1 lần theo đúng kế hoạch của nhà trường.

Từ năm học 2021-2022, Khoa KT&KT cần tiếp tục nâng cao cấu trúc và trình tự logic các môn học khi điều chỉnh CTDH. Đồng thời, tăng cường cập nhật CTDH ngành Kế toán trường ĐHQN cho phù hợp các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế, tăng cường tính tích hợp của CTDH ngành Kế toán trường ĐHQN. Bên cạnh đó, Khoa sẽ tăng cường thời gian cho các học phần sử dụng máy tính cũng như đưa nhiều học phần vào học thực tế trên máy tính như các học phần hệ thống thông tin kế toán, tổ chức hạch toán kế toán.

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa KT&KT sẽ chủ động, phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, định kỳ thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng, GV cũng như cựu SV về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường và của ngành Kế toán. Dựa vào các thông tin này sẽ giúp cho Khoa bổ sung, hoàn thiện mục tiêu giáo dục và cập nhật lại CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn với yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, Nhà trường cần thường xuyên cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường để GV, người học và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa triết lý, mục tiêu giáo dục của Trường.

Trường ĐHQN sẽ tăng cường đầu tư, mua sắm, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ tích cực cho việc nâng cao chất lượng dạy và học ngành Kế toán. Bên cạnh đó, Khoa sẽ đề nghị Nhà trường đẩy mạnh công tác tuyển sinh, lựa chọn phương thức tuyển sinh phù hợp nhằm cải tiến chất lượng SV đầu vào. Ngoài ra, Khoa

KT&KT sẽ hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế cũng như cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ hiện nay; tăng cường hợp tác với các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp như Hội Kế toán & Kiểm toán Việt Nam, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc,... tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ và các hoạt động hỗ trợ để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cũng như cơ hội việc làm cho người học; tạo cơ hội cho SV tiếp xúc sớm hơn và nhiều hơn các hoạt động thực tế tại các doanh nghiệp.

Khoa KT&KT sẽ tiếp tục cập nhật đề cương chi tiết theo hướng đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV. Tổ chức tốt các buổi hỗ trợ kỹ năng cần thiết giúp cho SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất. Bên cạnh đó, GV tiếp tục cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng. Mặt khác, Trung tâm Công nghệ thông tin & Truyền thông phối hợp với Khoa KT&KT thiết lập các tính năng của cổng thông tin học tập trực tuyến của Trường và Khoa để phát huy hiệu quả của giảng dạy trực tuyến.

3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR. Khoa KT&KT sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT thiết kế đề cương chi tiết xác định trọng số điểm học phần phù hợp trong đánh giá CĐR về mức tự chủ và chịu trách nhiệm.

Khoa KT&KT thường xuyên nhắc nhở, yêu cầu các GV, trong đó chủ yếu là các GV bên ngoài Khoa, nghiêm túc thực hiện các quy định về thời gian hoàn thành kết quả học tập cho người học. Triển khai xây dựng bản rubrics cho tất cả các học phần trong CTĐT.

Khoa KT&KT tổ chức thống kê, phân tích kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần để điều chỉnh các nội dung cho phù hợp với việc đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của học phần. Bên cạnh đó, từng bộ môn sẽ tăng cường công tác đánh giá, điều chỉnh đề thi, kết quả thi một cách thường xuyên và đồng bộ để đề thi đạt được yêu cầu cao về đánh giá theo các mức năng lực, đáp ứng được CĐR của học phần.

Ban chủ nhiệm Khoa tiếp tục nhắc nhở các GV thực hiện nghiêm túc việc đánh giá chuyên cần, giữa kỳ và thi cuối kỳ; đôn đốc Trợ lý khoa làm phách; GV chấm và nộp bài đúng thời gian quy định để thông báo kết quả kịp thời cho SV. CVHT của Khoa cần nắm vững các quy định có liên quan và phổ biến đầy đủ, kịp thời cho SV,

đồng thời hỗ trợ tư vấn xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với từng SV. Khoa tiếp tục triển khai ngân hàng đề thi, yêu cầu thực hiện nghiêm túc quy trình lưu trữ thông tin.

CVHT tiếp tục phổ biến các quy định liên quan đến khiếu nại cho SV và nhắc nhở SV thời gian khiếu nại sau mỗi kỳ thi. Ngoài ra, Ban chủ nhiệm Khoa kịp thời nắm bắt các đơn khiếu nại của SV và phân công GV thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra lại bài thi.

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường có chính sách thu hút nhân tài hợp lý, GV chủ động khắc phục những khó khăn riêng để nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH, và phục vụ cộng đồng. Khoa tiếp tục động viên, tạo điều kiện cho GV được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giảng dạy, năng lực NCKH; chủ động đề xuất với Nhà trường những ý tưởng về chính sách đãi ngộ thường niên và đột xuất để có thể thu hút nguồn GV có trình độ chuyên môn cao.

Khoa KT&KT cân nhắc trong việc phân công giờ giảng, đảm bảo GV giảng dạy đủ chuẩn và tích cực NCKH để không bị trừ giờ chuẩn theo quy định.

Nhà trường ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH phù hợp với trình độ, chức danh của GV.

Khoa KT&KT chủ động đề xuất với Nhà trường về các tiêu chí để xác định và đánh giá năng lực của GV một cách toàn diện. Cụ thể, bao gồm đầy đủ các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,...

Thực hiện các cuộc khảo sát nhằm xác định nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV; lên kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm, đồng thời kiến nghị kịp thời về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc để GV có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu. Nhà trường cần nghiên cứu đưa ra quy định định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của GV về việc khen thưởng các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI. Nhà trường cũng nên nghiên cứu đưa ra quy định định lượng mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn. Bên cạnh đó cố gắng cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức

thường công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

3.3.7. Đội ngũ nhân viên

Nhà trường cần chú trọng công tác khảo sát, đánh giá thường xuyên hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ GV và người học để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách đãi ngộ, khen thưởng và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng cần có các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên này để luôn đảm bảo phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công việc.

Nhà trường cần xây tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn. Bên cạnh đó, Nhà trường cần liên tục hoàn thiện, nâng cấp và cập nhật hệ thống website của Trường và các đơn vị thuộc Trường. Các văn quy định mới và các quyết định cũng cần nhanh chóng được đưa đến các đối tượng liên quan.

Về phía Khoa KT&KT tiếp tục thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở đó, Khoa xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với đội ngũ nhân viên của Khoa. Khoa đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường.

Khoa KT&KT, tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ nhân viên một cách toàn diện. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường xây dựng quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, Khoa yêu cầu toàn thể nhân viên trong Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khoa KT&KT tiếp tục phát huy các mặt mạnh trong tuyển sinh, luôn công khai và cập nhật các thông tin tuyển sinh trên website của Trường và Khoa. Bổ sung chi

tiết thông tin về ngành học, môn học mới của ngành để thí sinh và SV có cái nhìn đầy đủ về ngành Kế toán.

Khoa sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo đại học thực hiện một số công việc như sau: (1) Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành Kế toán, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh; (2) Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn, mỗi GV trong Khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết, và tích cực về Khoa, ngành Kế toán cũng như các chuyên ngành khác của Khoa. (3) Lãnh đạo Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học. Đặc biệt là có thể thu hút được ngày càng nhiều các học sinh giỏi, có năng lực vào học ngành Kế toán.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác rà soát, góp ý của các bên liên quan đến chính sách tuyển sinh cho ngành Kế toán của Khoa hàng năm. Bổ sung thêm khảo sát ý kiến của đối tượng sử dụng lao động nhằm hoàn thiện công tác tuyển chọn người học cho Khoa. Bên cạnh đó để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường, trao đổi, thảo luận và đưa ra các giải pháp như sau: đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào ngành Kế toán một cách phù hợp; có phương pháp thích hợp lọc hồ sơ và thí sinh ảo, kêu gọi thí sinh nhập học; có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

Khoa KT&KT tiếp tục cập nhật CTĐT, các quy định, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của ngành Kế toán đến người học hàng năm. Khoa đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tin chỉ để người học cập nhật thông tin được kịp thời, phục vụ cho việc học tập và giám sát tốt hơn.

Tăng cường khuyến khích SV NCKH thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài, tăng thêm các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng mềm. Bên cạnh đó, Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp cần tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng, xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế cho SV khối ngành Kế toán.

Tổ chức tuyên truyền phổ biến thường xuyên nếp sống văn minh, giữ gìn và cải thiện cảnh quan nhà trường cho SV của khoa nói chung và ngành kế toán nói riêng trong các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp nhằm tăng cường ý thức cho các em góp phần rèn luyện phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp. Đồng thời, Khoa sẽ đề xuất Nhà trường bỏ

trí thêm phòng tiếp đón SV, học viên nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ SV, tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa KT&KT tiếp tục trang bị thêm cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng dạy và học của GV và SV. Ngoài ra, Khoa đề nghị Nhà trường cần nâng cao tiến độ bảo dưỡng các trang thiết bị nhằm tránh sự hỏng hóc không cần thiết, sửa chữa kịp thời để đảm bảo quá trình làm việc và học tập của GV và SV; đầu tư trang bị phần mềm quản lý thư viện hiện đại, xây dựng cổng thông tin điện tử và phát triển tài nguyên số, cần thường xuyên bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và Khoa KT&KT nói riêng.

Rà soát, đánh giá toàn bộ các thiết bị thực hành, xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường thay thế các thiết bị đã cũ. Đề xuất Nhà trường đầu tư trang bị thêm phần mềm quản lý hiện đại để giúp người phụ trách phòng thực hành có thể theo dõi dễ dàng hơn với quá trình học và sử dụng trang thiết bị của phòng.

Đề nghị Nhà Trường duy trì sự ổn định và an toàn, thực hiện cập nhật và hiện đại hóa, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin định kỳ; triển khai đề án dạy học trực tuyến, đầu tư trang bị thiết bị dạy học trực tuyến, nâng cấp chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực còn yếu; tạo điều kiện cập nhật những phần mềm chuyên ngành Kế toán phù hợp với thực tế.

Về cảnh quan môi trường, vệ sinh, Nhà trường cần tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật; thực hiện sửa chữa, cải tạo các khu vực ra vào khu làm việc, giảng đường, thư viện, ký túc xá phù hợp với việc di chuyển của SV khuyết tật. Bên cạnh đó, cần lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường, an toàn và sức khỏe đầy đủ và đúng quy trình trong có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.3.10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp phần mềm, các công cụ khảo sát ý kiến SV; Phòng công tác chính trị - SV tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để cải tiến CTĐT đảm bảo sự tương thích, phù hợp với CDR và các dịch vụ hỗ trợ người học. Về phía Khoa KT&KT, trong các buổi sinh hoạt lớp,

CVHT các lớp sẽ tăng cường việc tuyên truyền nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường; Khoa sẽ chủ động thực hiện thu thập thêm thông tin phản hồi từ các bên liên quan căn cứ vào quy định lấy ý kiến các bên liên quan của Nhà trường bằng cách tăng cường khảo sát, tổ chức các hội nghị với các SV đã tốt nghiệp cũng như nhà sử dụng lao động để nắm rõ hơn nhu cầu nhân lực của xã hội, từ đó đảm bảo sự tương thích và phù hợp của CTĐT với thực tế.

Trường ĐHQN sẽ tiếp tục đáp ứng các nhu cầu về cơ sở vật chất để nâng cao CLĐT như hệ thống wifi; duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên phòng thực hành. Tiếp tục đầu tư các thiết bị tin học, hệ thống mạng. Đặc biệt là xây dựng thư viện điện tử để SV và GV có thể tiếp cận nguồn tài liệu từ nước ngoài.

Khoa KT&KT sẽ tiếp tục tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình và tăng cường đăng ký viết, xuất bản các giáo trình để phục vụ nhu cầu của người học; xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học. Bên cạnh đó, Khoa sẽ tiếp tục đánh giá và thu nhập thông tin liên quan phục vụ cho việc cập nhật, điều chỉnh CTĐT theo định kỳ nhằm nâng cao CLĐT, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Ngoài ra, hệ thống chương trình, tài liệu giảng dạy sẽ tiếp tục cập nhật thường xuyên các chuẩn mực kế toán ban hành. Định hướng CTĐT trong thời gian tới theo hướng tiệm cận với chuẩn mực kế toán quốc tế, tiếp tục tăng cường hợp tác với tổ chức ACCA.

Khoa sẽ tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các GV trong Khoa; các bộ môn tổ chức dự giờ giảng của các GV trong bộ môn, đặc biệt là các GV trẻ, để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, phù hợp với CDR. Bên cạnh đó, tiếp tục phát huy lợi thế của Khoa là lực lượng CB, GV nhiệt tình, năng động, có chuyên môn tốt, luôn ý thức vai trò, trách nhiệm trong việc xây dựng và đóng góp vào quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học.

Để hỗ trợ nâng cao CLĐT, Khoa sẽ chủ động xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh kết hợp giữa GV và SV.

3.3.11. Kết quả đầu ra

Khoa KT&KT sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. Ban Chủ nhiệm Khoa cùng với Phòng Đào tạo đại học sẽ tiến hành rà soát, nhắc nhở SV chủ động với kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CDR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ. Với CDR môn ngoại ngữ và tin học áp dụng từ khóa 39 trở đi, Khoa sẽ kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch

giảng dạy và tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho SV nhằm làm tăng cơ hội cho SV tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ. Phát huy tối đa vai trò của CVHT trong việc theo dõi, hướng dẫn, giám sát và tư vấn SV trong suốt quá trình học tập, kịp thời nắm bắt thông tin để SV ra trường đúng tiến độ. Đồng thời, tăng cường tương tác thông tin với SV qua trang web, fanpage của Khoa.

Trường và Khoa tiếp tục xây dựng hệ thống liên lạc với mạng lưới cựu SV hoàn chỉnh; xây dựng hoàn chỉnh các khâu trong việc gắn kết đào tạo với doanh nghiệp. Đồng thời, tiếp tục phát huy việc lưu trữ, phân tích dữ liệu người tốt nghiệp có việc làm để đưa ra các giải pháp thiết thực hơn đối với người học.

Thông qua Đoàn – Hội, Khoa KT&KT sẽ triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV. Tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho SV về tầm quan trọng của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các GV trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực cho SV trong Khoa đam mê NCKH. Tiếp tục phát huy những công cụ tạo động lực tốt cho SV như: cộng điểm khuyến khích học tập, cấp học bổng các khóa học bồi dưỡng các công cụ hỗ trợ làm NCKH như: Stata, SPSS, R,.. do Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế và Kế toán, ĐHQN hỗ trợ. Đặc biệt, Khoa sẽ có kế hoạch tổ chức các seminar khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường, góp phần khơi dậy lòng say mê NCKH trong SV.

Khoa sẽ tăng cường hơn nữa các buổi sinh hoạt ngoại khóa về kỹ năng mềm; khuyến khích thêm nhiều SV trong Khoa tham gia các hoạt động Đoàn - Hội và NCKH để rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc thực tế sau này. Đồng thời, khuyến khích các em học thêm tiếng Anh, đọc tài liệu học tập và NCKH bằng tiếng Anh để cải thiện khả năng ngoại ngữ.

Nhà trường và Khoa sẽ thiết lập mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên hơn giữa GV - SV - nhà sử dụng lao động để đảm bảo sự tương tác, phản hồi thường xuyên, tin cậy và chất lượng. Tiếp tục duy trì việc thu thập ý kiến khảo sát để đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan. Tiếp tục cải tiến CTĐT, chất lượng dạy và học; cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH để ngày càng nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan.

3.4. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí,

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán

Tên CSGD: Trường ĐHQN

Mã: DQN

Tên CTĐT: Kế toán

Mã CTĐT: 7340301

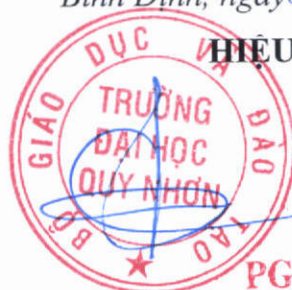
Bảng 4.1: Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,20	5	100
Tiêu chí 5.1					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.2					5			5,14	7	100
Tiêu chí 5.3						6				
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,14	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7						6				
Tiêu chuẩn 7								4,40	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								5,00	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 9								5,00	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4						6				
Tiêu chí 9.5						6				
Tiêu chuẩn 10								5,17	6	100
Tiêu chí 10.1						6				
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								5,20	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2						6				
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,94	50	100

Bình Định, ngày 29 tháng 9 năm 2020



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/8/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên CSGD (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của CSGD

Tiếng Việt: ĐHQN

Tiếng Anh: QNU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT

5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0256 3846156 Số fax: 0256 3846089

7. E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn

8. Năm thành lập CSGD (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1982

11. Loại hình CSGD:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: KHOA KT&KT

Tiếng Anh: DEPARTMENT OF ECONOMIC AND ACCOUNTING

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KTKT

Tiếng Anh: FEA

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Kế toán

- Tiếng Anh: Accounting

16. Mã CTĐT: 7340301

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: P11.1, 11.2, Tầng 11 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

19. Số điện thoại liên hệ: 0256 3847569 Số fax:

20. E-mail: fea@qnu.edu.vn

Website: <http://www.fea.qnu.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009 (theo Quyết định 1231/QĐ-ĐHQN, ngày 14/10/2009 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN).

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Kinh tế và Kế toán

24. Lịch sử phát triển

Tháng 7 năm 1994, Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Quy Nhơn và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã ký kết hợp đồng liên kết đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Sự kiện này đã đặt “viên gạch” đầu tiên cho quá trình xây dựng và phát triển các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng và Kinh tế. Năm đầu tiên tuyển sinh – tháng 9 năm 1994 – Trường ĐHSP Quy Nhơn đã tuyển được 65 SV chuyên ngành Quản trị kinh doanh Du lịch. Nhiệm vụ quản lý SV của khóa học đầu tiên này được giao cho Khoa Sư - Chính trị.

Ngày 27 tháng 03 năm 2002, Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 1247/QĐ - BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Đây là bước khởi đầu nhằm tạo tiền đề để phát triển Trường ĐHSP Quy Nhơn thành Trường ĐHQN đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Cũng trong năm học 2002 – 2003, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh chính thức được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh do Trường ĐHQN cấp bằng. Hai sự kiện này là bước ngoặt lớn đặt nền móng cho quá trình phát triển của Khoa sau này. Những năm tiếp theo, các ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng và Kinh tế lần lượt ra đời. Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN - PGS.TS. Nguyễn Hồng Anh - ký Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN, ngày 14/10/2009 thành lập Khoa KT&KT và Khoa Tài chính - Ngân hàng & Quản trị kinh doanh trên cơ sở tách Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Hòa chung vào sự phát triển của Trường ĐHQN, trong suốt 18 năm qua Khoa KT&KT đã từng bước trưởng thành và phát triển mạnh mẽ trong công tác đào tạo, NCKH và hợp tác đào tạo.

Về công tác đào tạo, hiện nay Khoa đang đảm nhận đào tạo 3 ngành: ngành Kế toán đào tạo ở bậc cao đẳng, đại học và cao học; ngành Kiểm toán và ngành Kinh tế với hai chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển đào tạo ở bậc đại học. Việc đào tạo này đã và đang đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong quá trình đổi mới ở khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Nhiều cựu SV, học viên của Khoa hiện đang nắm giữ các vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp, trong các tổ chức.

Về công tác NCKH, GV Khoa KT&KT đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài KH&CN các cấp; nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo của các GV trong Khoa đã được xuất bản.

Về quan hệ hợp tác đào tạo, từ khi thành lập đến nay, Khoa KT&KT đã tạo lập được mối quan hệ với nhiều trường đại học, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến đào tạo và nghiên cứu. Cụ thể, Khoa có quan hệ hợp tác với Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Kiểm toán Nhà nước, Hội Kế toán - Kiểm toán Việt Nam, Vụ Chế độ Kế toán - Kiểm toán, Viện kế toán công chứng Anh (ACCA), Sở Khoa học & Công nghệ Bình Định, Sở Công thương Bình Định, Viện Phát triển Kinh tế - Xã hội Bình Định,... Khoa cũng xây dựng đội ngũ cộng tác viên là những người đang công tác ở các doanh nghiệp, công ty kiểm toán, ngân hàng, cơ quan thuế, các Sở và Viện nghiên cứu,... để trao đổi kinh nghiệm làm việc cũng như hỗ trợ trong quá trình thực tập, thực tế cho SV của Khoa.

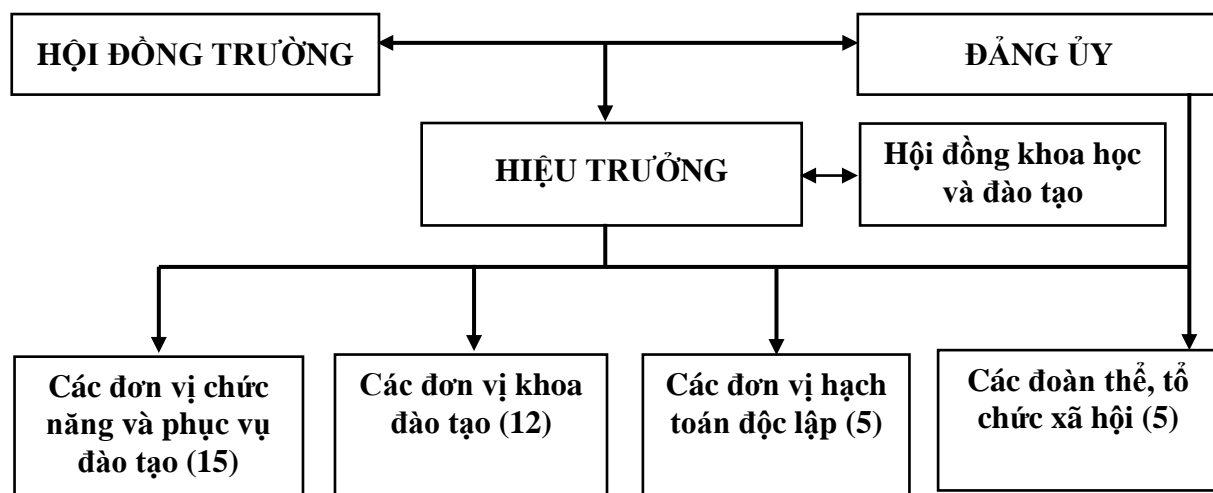
Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Khoa đặc biệt quan tâm vì đây là một trong những nhân tố góp phần đáng kể vào việc nâng cao CLĐT. Hiện nay, Khoa có 50 GV, trong đó có 1 PGS.TS, 8 TS, 41 ThS (trong đó có 20 GV đang học NCS). Đội ngũ GV của Khoa được đào tạo từ nước ngoài như: Mỹ, Pháp, Đức, Úc, Đài Loan, Thái Lan,... và các trường uy tín trong nước như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, điều này đã góp phần đáng kể vào quá trình đổi mới đào tạo trong xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay.

Các danh hiệu thi đua và khen thưởng chính của Khoa KT&KT

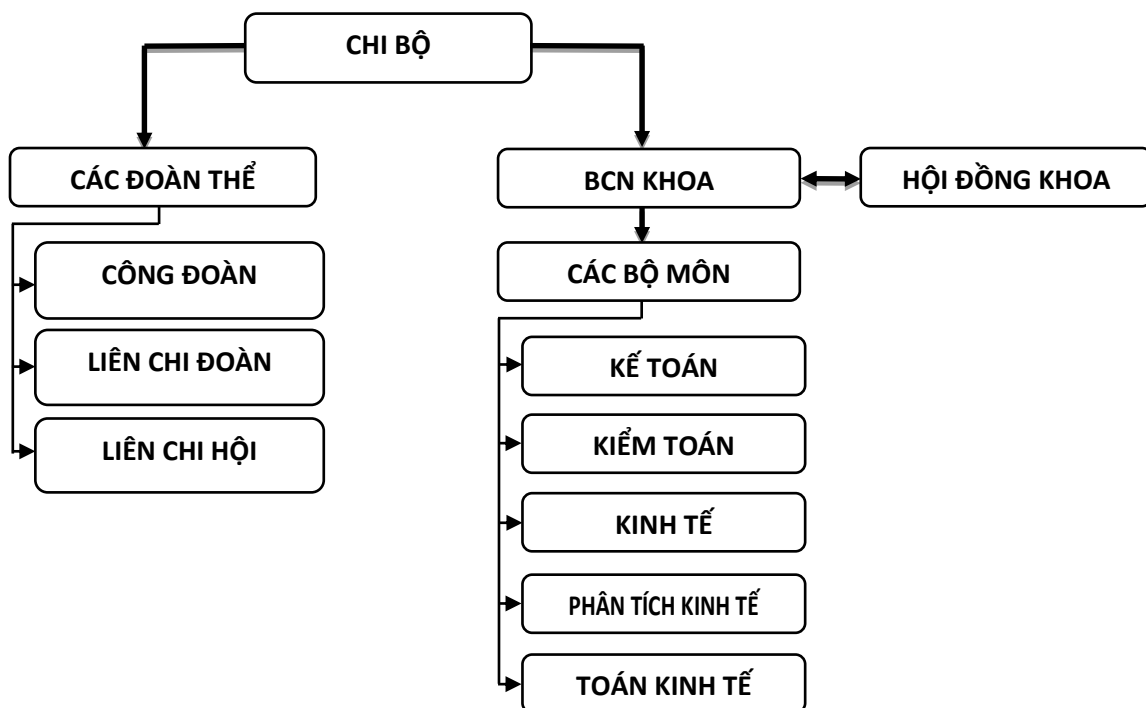
- Hằng năm Khoa KT&KT đều đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc
- Nhiều bằng khen của các cá nhân và tập thể Khoa KT&KT các cấp: Bộ, Tỉnh.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa KT&KT



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo CSGD						
1	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Trưởng khoa	Trần Thị Cẩm Thanh	1976	PGS.TS	0913499523	tranthicamthanh@qnu.edu.vn
2.	Phó Trưởng khoa	Đỗ Huyền Trang	1979	TS	0941231579	dohuyentrang@qnu.edu.vn
3.	Phó Trưởng khoa	Hoàng Mạnh Hùng	1978	ThS	0964136839	hoangmanhhung@qnu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Chi bộ	Trần Thị Cẩm Thanh	1976	PGS.TS, Bí thư	0913499523	tranthicamthanh@qnu.edu.vn
2.	Công đoàn	Đỗ Huyền Trang	1979	PGS.TS, Chủ tịch	0941231579	dohuyentrang@qnu.edu.vn
2.	Liên Chi đoàn	Đào Quyết Thắng	1987	TS, Bí thư	0918587189	daoquyetthang@qnu.edu.vn
3.	Hội SV	Trần Xuân Quân	1991	ThS, Chủ tịch	0795663091	tranxuanquan@qnu.edu.vn
III. Các phòng, viện, trung tâm						

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1.	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
2.	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	1962	ThS, Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn
3.	Phòng Khoa học công nghệ và HTQT	Nguyễn Tiến Trung	1979	PGS.TS, Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4.	Phòng Công tác chính trị và SV	Hồ Văn Phi	1967	TS, Trưởng phòng	0905021688	hovanphi@qnu.edu.vn
5.	Phòng Cơ sở vật chất	Đoàn Đức Tùng	1975	PGS.TS, Trưởng phòng	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
6.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN, Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7.	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1972	ThS, Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn
8	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Hà Thanh Hải	1969	TS, Trưởng phòng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
9	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Mai Xuân Miên	1961	TS, Trưởng phòng	0905291966	maixuanmien@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo SDH	Hồ Xuân Quang	1972	PGS.TS, Trưởng phòng	0935748777	hoxuanquang@qnu.edu.vn
11	Thư viện	Lê Thanh Hải	1982	ThS, Giám đốc	0987747378	lethanhhai@qnu.edu.vn
12	Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp	Nguyễn Khắc Khanh	1982	ThS, Giám đốc	0985554050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
13	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	1978	TS, Giám đốc	0905139393	nguyenthanhdat@qnu.edu.vn
12	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS, Viện trưởng	0931906721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1.	Kế toán	Trần Thị Cẩm Thanh	1976	PGS.TS, TBM	0913499523	tranthicamthanh@qnu.edu.vn
2.	Kiểm toán	Lê Trần Hạnh Phương	1987	TS, TBM	0986250045	letranhanhphuong@qnu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3.	Kinh tế	Hoàng Thị Hoài Hương	1988	TS, TBM	0914186829	hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn
4.	Phân tích kinh tế	Đỗ Huyền Trang	1979	TS, TBM	0941231579	dohuyentrang@qnu.edu.vn
5	Toán kinh tế	Trương Thị Thanh Phượng	1985	TS, TBM	0945987068	truongthithanhphuong@qnu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa KT&KT

Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. CB, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

30. Thống kê số lượng CB, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	CB cơ hữu	10	42	52
I.1	CB trong biên chế	10	42	52
I.2	CB hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các CB khác			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	10	42	52

31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	Ghi chú
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Phó GS, TS	1	1	0	1	0	
2	TS	8	8	0	4	0	
3	ThS	41	41	0	1	0	
	Tổng số	50	50	0	6	0	

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 50 người

Tỷ lệ % GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: 96%.

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

T	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý		
1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	9)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	
	Phó GS, TS	3,0	1	1	0	1	0	3,9
	TS	2,0	8	8	0	4	0	18,4
	ThS	1,0	41	41	0	1	0	41,3
	Tổng số		50	50	0	1,8	0	63,6

Cách tính: cột 9 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2* cột 8)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
	Phó GS, TS	1	2	0	1	0	0	1	0	0
	TS	8	16	2	6	0	6	2	0	0
	ThS	41	82	8	33	0	39	1	1	0
	Tổng số	50	100	10	40	0	45	4	1	0

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: **32,1**

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $9/50=18\%$

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $41/50=82\%$

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	21	80
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	50	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	17	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	9	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	3	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	527	348	0,66	285	15	19	0
2016-2017	423	271	0,64	231	15	20	1
2017-2018	489	319	0,65	319	15	19,5	0
2018-2019	428	270	0,63	270	15	19,5	1
2019-2020	351	220	0,63	220	15	19	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. NCS					
2. Học viên cao học	82	88	97	146	58
3. SV đại học	1634	1274	1265	1162	1025
Trong đó:					
Hệ chính quy	1186	1089	1210	1107	918
Hệ không chính quy	415	185	55	55	47
4. SV cao đẳng	122	118	32	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	122	118	32	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)	0	1	1	2	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0,092	0,082	0,181	0,218

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1.115	987	1.047	924	812
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	122	118	111	113	109
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	2,7	4	4	4	4

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng(người)	18	48	52	33	25
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	1,52	4,41	4,3	2,98	2,72

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. NCS bảo vệ thành công luận án TS					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	61	49	85	90	94
3. SV tốt nghiệp đại học	401	328	367	257	234
Trong đó:					
Hệ chính quy	274	146	349	257	234
Hệ không chính quy	127	182	18	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng	0	32	32	4	1
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	32	32	4	1
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(*Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng*)

41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015- 2016 (Khóa 35)	2016- 2017 (Khóa 36)	2017- 2018 (Khóa 37)	2018- 2019 (Khóa 38)	2019- 2020 (Khóa 39)
1	Số lượng người học tốt nghiệp	311	136	312	235	178
2	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	92,84	93,15	92,04	82,46	77,06
3	3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. CSGD/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. CSGD/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1	3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			29,9	36,6	53,6
3.2	3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến			34,4	42,9	45,0

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015- 2016 (Khóa 35)	2016- 2017 (Khóa 36)	2017- 2018 (Khóa 37)	2018- 2019 (Khóa 38)	2019- 2020 (Khóa 39)
	thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3	3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp			35,7	20,5	1,4
4	4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. CSGD/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1	4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
	- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
	- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	68,85	74,07	72,27		

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015- 2016 (Khóa 35)	2016- 2017 (Khóa 36)	2017- 2018 (Khóa 37)	2018- 2019 (Khóa 38)	2019- 2020 (Khóa 39)
4.2	4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	18,06	19,44	18,18		
4.3	4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5,0	5,6	6,0		
5	<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
5.1	5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					32,14
5.2	5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					60,73

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015- 2016 (Khóa 35)	2016- 2017 (Khóa 36)	2017- 2018 (Khóa 37)	2018- 2019 (Khóa 38)	2019- 2020 (Khóa 39)
5.3	5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					7,13

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng quy đổi
			2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	1	2
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1	1	0	1	5	8
3	Đề tài cấp Trường	0,5	6	7	8	6	5	16
	Tổng		7	8	8	7	11	26

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 26

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $26/52 = 0,5$

43. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2016	27	35,09	0,519
2	2017	71,5	97,16	1,375
3	2018	77,85	101,38	1,497
4	2019	198,125	268,91	3,810
5	2020	1.188,085	1.890,56	22,848

44. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng CB tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	5	28	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	2	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số CB tham gia	1	6	30	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	1	0	0	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	3	4	3	1	2	19,5
3	Sách tham khảo	1,0	1	1	0	0	1	3
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		4	6	3	1	3	24,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 24,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: $24,5/52 = 0,47$

46. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng CB cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	28	4	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	2	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số CB tham gia	1	30	4	0

47. Số lượng bài của các CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	3	8	17	8	55,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	22	21	24	13	10	90
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	3	4	3	0	6
	Tổng		25	27	36	33	18	151,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 151,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: $151,5/52 = 2,91$

48. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài	19	28	10
Từ 6 đến 10 bài	2	7	0
Từ 11 đến 15 bài	1	0	0
Trên 15 bài	0	0	0
Tổng	22	35	10

49. Số lượng báo cáo khoa học do CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	3	4	25	19	1	52
2	Hội thảo trong nước	0,5	52	48	20	13	1	67
3	Hội thảo cấp trường	0,25	3	4	2	0	0	2,25
	Tổng		58	56	47	32	2	121,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của CSGD vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 121,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: $121,25/52 = 2,33$

50. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	30	23	8
Từ 6 đến 10 báo cáo	2	9	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	2	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	32	34	8

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)

52. NCKH của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	176	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	176	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích NCKH của SV:

(*Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017.-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	1	2	3	3	3
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	2	7	6	5

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của CSGD: 240.112 m².

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 130.610 m².

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

- Nơi làm việc: 6.855 m², Nơi học: 36.416 m², Nơi vui chơi giải trí: 18.905m².

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 25.748 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,3 m²/người

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Tư liệu: 5.849

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 205

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4

- Dùng cho người học tập: 50

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 50

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: $50/52 = 96,15\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $9/50 = 18\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $41/50 = 82\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 918

Tỷ số người học chính quy trên GV: $918/63,6 = 14,43$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 77,06%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 53,6

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 45

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 79,5%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 20,5%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 6 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 32,14

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 67,86

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu: $26/52 = 0,5$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: $1.188,085/52 = 22,848$.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: $24,5/52 = 0,47$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: $151,5/52 = 2,91$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: $121,25/52 = 2,33$

7. Cơ sở vật chất: Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4 m²/người học.

Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC